

HOÀNG THỊ THU HIỀN

Hướng dẫn học và làm bài - làm văn **NGỮ VĂN**

6

TẬP 1

(In lần thứ tư)



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

SÁCH GIẢI

<https://tieulun.hopto.org>

www.sachgiai.com

HOÀNG THỊ THU HIỀN

HƯỚNG DẪN HỌC
VÀ LÀM BÀI – LÀM VĂN

NGỮ VĂN 6

TẬP 1

(Tái bản lần thứ tư)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập: ĐINH VĂN VANG

Biên tập nội dung:

ĐINH VĂN VANG

Kỹ thuật vi tính:

NHÀ SÁCH HỒNG ÂN

Trình bày bìa:

VÔ THỊ THỪA

Đối tác liên kết:

NHÀ SÁCH HỒNG ÂN

HƯỚNG DẪN HỌC VÀ LÀM BÀI - LÀM VĂN NGỮ VĂN 6 - TẬP 1

Mã số: 02.02.7/11-PT2013

In 1.500 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Công ty TNHH MTV In Tín Lộc.

Đăng ký KHXB số: 1472- 2013/CXB/7-85/ĐHSP ngày 14/10/2013.

Quyết định xuất bản số: 1209/QĐ-ĐHSP ngày 30/10/2013.

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2014.

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Để giúp các em có thể tự học và nắm chắc nội dung kiến thức bộ môn Ngữ văn ở cấp học trung học cơ sở, chúng tôi biên soạn bộ sách **Hướng dẫn học và làm bài – làm văn Ngữ văn** các lớp 6, 7, 8, 9 sẽ lần lượt xuất bản từ năm 2006.

Cấu trúc của cuốn sách được trình bày theo trình tự của các bài trong sách giáo khoa Ngữ văn và được sắp xếp theo thứ tự: **Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn** và bám sát theo câu hỏi của sách giáo khoa. Chúng tôi trình bày các phần của bài học như sau:

+ Phần văn

- Kiến thức cơ bản
- Hướng dẫn phân đọc – hiểu văn bản
- Hướng dẫn phân luyện tập
- Tư liệu tham khảo

+ Phần Tiếng Việt

- Kiến thức cơ bản
- Tìm hiểu câu hỏi phân bài học
- Hướng dẫn luyện tập

+ Phần Tập làm văn

- Kiến thức cơ bản
- Hướng dẫn tìm hiểu câu hỏi phân bài học
- Hướng dẫn luyện tập
- Một số bài văn tham khảo.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi có trích dẫn một số tác phẩm, bài viết của các nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình và một số tư liệu từ sách của thầy cô, đồng nghiệp mà chưa có điều kiện để xin phép. Nay cuốn sách ra đời cũng là dịp để chúng tôi được xin phép chính thức với quý tác giả, thầy cô và đồng nghiệp, rất mong được chấp thuận.

Dù người biên soạn đã có rất nhiều cố gắng, nhưng chắc chắn sách khó tránh khỏi thiếu sót, rất mong được bạn đọc gần xa quan tâm góp ý để chúng tôi nâng cao chất lượng sách trong những lần tái bản.

Tác giả

Bài 1

- Con Rồng, cháu Tiên (*Đọc thêm*)
- Từ và cấu tạo từ tiếng Việt
- Giao tiếp, văn bản và phương thức biểu đạt

CON RỒNG, CHÁU TIÊN **(Đọc thêm)**

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

• *Truyền thuyết* là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo. Truyền thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể lại.

• So với truyền thuyết thời kì đầu dựng nước, những truyền thuyết về sau ít yếu tố hoang đường hơn và theo sát lịch sử hơn.

• Truyền thuyết có mối quan hệ chặt chẽ với thần thoại. Nhiều truyền thuyết, đặc biệt là truyền thuyết về các thời vua Hùng là những thần thoại đã được lịch sử hoá.

• Truyện **Con Rồng, cháu Tiên** có nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo (như hình tượng các nhân vật thần có nhiều phép lạ và hình tượng bọc trăm trứng v.v...) nhằm giải thích, suy tôn nguồn gốc giống nòi và thể hiện ý nguyện đoàn kết, thống nhất cộng đồng của người Việt.

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. *Hãy tìm những chi tiết trong truyện thể hiện tính chất kì lạ, cao quý về nguồn gốc và hình dạng của Lạc Long Quân và Âu Cơ.*

+ Lạc Long Quân:

- Vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ.
- Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lên cạn.
- Có sức khoẻ vô địch, có nhiều phép lạ.

+ Âu Cơ

- Thuộc dòng họ Thần Nông.
- Là dòng tiên ở trên núi cao phương Bắc.

– Xinh đẹp tuyệt trần.

⇒ Như vậy cả hai đều có nguồn gốc là thần, tiên kì lạ phi thường.

Câu 2. Việc kết duyên của Lạc Long Quân với Âu Cơ và chuyện Âu Cơ sinh nở có gì kì lạ? Lạc Long Quân và Âu Cơ chia con như thế nào và để làm gì? Theo truyện này thì người Việt là con cháu của ai?

+ Cuộc kết duyên của Lạc Long Quân và Âu Cơ

– Đây là cuộc hôn nhân giữa hai bậc thần kì, trai tài, gái sắc, một mối duyên tình đẹp đẽ ở chốn có nhiều hoa thơm cỏ lạ và cung điện Long Trang lộng lẫy.

+ Chuyện sinh đẻ kì lạ

– Sinh ra một cái bọc trăm trứng, trăm trứng nở ra một trăm người con.

– Tất cả đều hồng hào đẹp đẽ, mặt mũi khôi ngô.

– Đàn con không cần bú mớm, tự lớn lên như thổi, khoẻ mạnh như thần.

+ Việc chia con

– 50 người con theo cha xuống biển.

– 50 người con theo mẹ lên núi.

– Để các con ở đều các phương, để kẻ miền núi, người miền biển khi có việc gì thì giúp nhau, đều là anh em một nhà.

+ Nguồn gốc của người Việt

– Theo truyện này thì người Việt chúng ta bắt nguồn từ nòi giống thần tiên, linh thiêng, tài giỏi, cao quý rất đáng tự hào.

– Đề cao ý thức dân tộc, ngợi ca cội nguồn tổ tiên ⇒ cách giải thích đậm chất thơ và huyền thoại.

Câu 3. Em hiểu thế nào là chi tiết tưởng tượng kì ảo? Hãy nói rõ vai trò của các chi tiết này trong truyện.

+ Chi tiết tưởng tượng kì ảo là những chi tiết không có thật, có tính chất hoang đường, kì lạ do hư cấu tưởng tượng.

+ Vai trò của các chi tiết tưởng tượng kì ảo:

– Làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, huyền ảo, lung linh

– Thần thánh hoá các nhân vật mà nhân dân ngưỡng mộ

– Giải thích các sự kiện theo cách riêng ⇒ Trình độ của mỗi thời đại

Câu 4. Ý nghĩa của truyện “Con Rồng, cháu Tiên”

+ Tôn vinh nguồn gốc đẹp đẽ của dân tộc, nguồn gốc cao quý thiêng liêng *con Rồng, cháu Tiên*.

+ Thể hiện nguyện ước đoàn kết anh em giữa các dân tộc trên dải đất Việt Nam:

- Mọi người đều có chung một tổ tiên, có chung cha mẹ, đều là anh em ruột thịt một nhà
- 50 người lên núi, 50 người xuống biển $\Rightarrow$ Miền núi hay miền biển cũng đều là anh em, phải giúp đỡ nhau, thương yêu đoàn kết “cùng chung lưng đấu cật”.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Em biết những truyện nào của các dân tộc khác ở Việt Nam, cũng giải thích nguồn gốc dân tộc tương tự như truyện “Con Rồng, cháu Tiên”? Sự giống nhau ấy khẳng định điều gì?

+ **Các truyện tương tự**

Bên cạnh truyện Con Rồng, cháu Tiên kể trên của dân tộc Kinh thì, các dân tộc khác ở Việt Nam cũng có những câu chuyện giải thích về nguồn gốc dân tộc tương tự, như:

- Truyện *Quả trứng to nở ra con người* của dân tộc Mường.
- Truyện *Quả bầu mẹ* của dân tộc Khơ Mú.

+ **Ý nghĩa của sự giống nhau**

- Sự tương đồng về cách giải thích nguồn gốc của các dân tộc
- Khẳng định về tình đoàn kết giữa các dân tộc anh em
- Sự gặp gỡ, giao thoa về nền văn hoá giữa các dân tộc.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Người Việt Nam rất còn nhớ “Con Rồng, cháu Tiên” vì điều đó thể hiện lòng tự hào về nòi giống cao quý, thiêng liêng của mình, đồng thời thể hiện tình cảm ruột thịt của mọi người dân, thể hiện tinh thần và ước nguyện đoàn kết giữa các dân tộc từ miền ngược đến miền xuôi, từ vùng núi đến vùng biển. Nó góp phần xây dựng và củng cố tinh thần dân tộc của mỗi người dân Việt Nam.

(Ôn tập ngữ văn 6 – Nguyễn Văn Long chủ biên)

TỪ VÀ CẤU TẠO TỪ TIẾNG VIỆT

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- Từ là đơn vị nhỏ nhất dùng để đặt câu.
- Tiếng là đơn vị cấu tạo nên từ.
- Từ đơn là từ chỉ gồm một tiếng.
- Từ phức là từ gồm hai tiếng trở lên.
- Những từ phức được tạo bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa được gọi là từ ghép. Còn những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng được gọi là từ láy.

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

1. Từ là gì?

a) Lập danh sách các từ và các tiếng trong câu

+ Danh sách các tiếng:

– Thần, dạy, dân, cách, trồng, trọt, chăn, nuôi, và, cách, ăn, ở (có 12 tiếng).

+ Danh sách các từ:

– Thần, dạy, dân, cách, trồng trọt, chăn nuôi, và, cách, ăn ở (có 9 từ).

b) Sự khác nhau giữa các đơn vị được gọi là tiếng và từ

– Tiếng là đơn vị cấu tạo nên từ.

– Từ có thể do một tiếng hay nhiều tiếng tạo thành.

2. Từ đơn và từ phức

a) Điền các từ trong câu vào bảng phân loại

+ Câu: Từ đấy nước ta chăm nghề trồng trọt chăn nuôi và có tục ngày Tết làm bánh chưng, bánh giầy

(Bánh chưng, bánh giầy)

Bảng phân loại

Kiểu cấu tạo từ		Ví dụ
Từ đơn		Từ, đấy, nước, ta, chăm, nghề, và, có, tục, Tết, làm, ngày
Từ phức	Từ ghép	Chăn nuôi, bánh chưng, bánh giầy
	Từ láy	Trồng trọt

b) Sự giống nhau giữa từ láy và từ ghép

+ Giống nhau: đều được cấu tạo từ hai hay nhiều tiếng trở lên – đều gọi chung là từ phức.

+ Khác nhau:

Từ ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.

Từ láy các tiếng có quan hệ với nhau về âm.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Đọc các câu sau và thực hiện nhiệm vụ nêu bên dưới:

[...] Người Việt Nam ta – con cháu vua Hùng – khi nhắc đến nguồn gốc của mình, thường xưng là con Rồng, cháu Tiên.

(Con Rồng, cháu Tiên)

a) Các từ *nguồn gốc*, *con cháu* thuộc kiểu cấu tạo từ phức.

b) Những từ đồng nghĩa với từ *nguồn gốc* trong câu trên là: cội nguồn, tổ tiên, dòng giống.

c) Các từ ghép chỉ quan hệ thân thuộc theo kiểu: con cháu, anh chị, ông bà... đó là: anh em, nội ngoại, cô dì, chú bác, cậu dì, cha con, vợ chồng...

Câu 2. Hãy nêu quy tắc sắp xếp các tiếng trong từ ghép chỉ quan hệ thân thuộc

Quy tắc sắp xếp các tiếng trong từ ghép đó là:

+ Theo giới tính: anh chị, ông bà, vợ chồng, cha mẹ

+ Theo thứ bậc trên dưới: anh em, chú bác, chị em

+ Theo quan hệ nội ngoại: chú bác, dì dượng, cậu mợ, o chú

Câu 3. Tên các loại bánh đều được cấu tạo theo công thức “bánh + -”:

a) Bánh rán, bánh nếp, bánh dẻo, bánh nướng, bánh gối, bánh tôm, bánh tẻ, bánh gai, bánh xốp, bánh khúc, bánh khoai...

b) Các tiếng đứng sau trong những từ ghép trên nêu đặc điểm về: cách chế biến, tên chất liệu, tính chất, hình dáng để phân biệt các thứ bánh với nhau.

c) Điền các tiếng thích hợp vào bảng:

Nêu cách chế biến	Bánh rán, bánh nướng, bánh hấp
Nêu tên chất liệu của bánh	Bánh nếp, bánh đậu xanh, bánh khoai, bánh tôm
Nêu tính chất của bánh	Bánh dẻo, bánh tẻ, bánh xốp
Nêu hình dáng của bánh	Bánh khúc, bánh gối, bánh tai voi

Câu 4. Từ láy được in đậm trong các câu sau miêu tả cái gì?

Nghĩ tủi thân, công chúa Út ngồi khóc *thút thút*.

+ Từ láy *thút thút* trong câu văn trên miêu tả tiếng khóc của nàng công chúa Út. Đó là tiếng khóc nhỏ, chứa đựng sự tủi hờn, âm thanh không liên tục mà đứt quãng rời rạc.

+ Những từ láy có nghĩa tương đồng: sứt sứt, rấm rứt, tỉ tỉ.

Câu 5. Thi tìm nhanh từ láy

a) Tả tiếng cười: khanh khách, ha hả, hô hố, hả hê, hỉ hả, tùm tùm, hềnh hệch.

+ Tả tiếng nói: ồm ồm, the thé, oang oang, sang sảng.

+ Tả dáng điệu: lom khom, lúi húi, lui cui, lòng không, lọng khọng, tất tả, tất bật.

GIAO TIẾP VĂN BẢN VÀ PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

• *Giao tiếp là hoạt động truyền đạt, tiếp nhận tư tưởng, tình cảm bằng phương tiện ngôn từ.*

• *Văn bản là chuỗi lời nói miệng hay bài viết có chủ đề thống nhất, có liên kết, mạch lạc, vận dụng phương thức biểu đạt phù hợp để thực hiện mục đích giao tiếp.*

• *Có sáu kiểu văn bản thường gặp với các phương thức biểu đạt tương ứng: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, hành chính công vụ. Mỗi kiểu văn bản có mục đích giao tiếp riêng.*

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

1. Văn bản và mục đích giao tiếp

a) Câu ca dao:

Ai ơi giữ chí cho bền

Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.

+ Câu ca dao này khuyên nhủ mọi người hãy biết giữ vững ý chí, lập trường của mình trong cuộc sống.

+ Hai câu 6 và 8 hiệp vần với nhau nền – bền.

+ Câu ca dao này là một văn bản vì đã diễn đạt trọn vẹn một ý.

b) Lời phát biểu của thầy (cô) hiệu trưởng trong ngày lễ khai giảng năm học là một văn bản – Văn bản nói – vì đã hoàn chỉnh về mặt hình thức và trọn vẹn về mặt nội dung.

c) Bức thư viết cho bạn bè, người thân cũng là một văn bản.

d) Đơn xin đi học, bài thơ, truyện cổ tích, câu đối, thiệp mời dự đám cưới... đều là văn bản.

Ngoài ra trong cuộc sống ta có thể gặp rất nhiều loại văn bản khác như: thông báo, giấy mời họp, tờ rơi quảng cáo, bài làm học sinh...

2. Kiểu văn bản và phương thức biểu đạt của văn bản

Lựa chọn kiểu văn bản và phương thức biểu đạt phù hợp cho các tình huống

Tình huống giao tiếp	Kiểu văn bản và phương thức biểu đạt
Hai đội bóng đá muốn xin phép sử dụng sân vận động thành phố	Hành chính công vụ (Đơn xin phép)
Tường thuật diễn biến trận bóng đá	Tự sự
Tả lại những pha bóng đẹp trong trận đấu	Miêu tả
Giới thiệu quá trình thành lập và thành tích thi đấu của hai đội	Thuyết minh
Bày tỏ lòng yêu mến đội bóng đá	Biểu cảm
Bác bỏ ý kiến cho rằng bóng đá là môn thể thao tốn kém, làm ảnh hưởng không tốt tới việc học tập và công tác của nhiều người	Nghị luận

II. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Các đoạn văn, thơ dưới đây thuộc phương thức biểu đạt nào?

a) Một hôm mẹ Cám đưa cho Tấm và Cám mỗi đứa một cái giỏ, sai đi bắt tôm, bắt tép và húa, đứa nào bắt được đầy giỏ sẽ thưởng một cái yếm đỏ. Tấm vốn chăm chỉ, lại sợ dì mắng nên mải miết suốt buổi bắt đầy một giỏ cả tôm lẫn tép. Còn Cám quen được nuông chiều, chỉ ham chơi nên mãi đến chiều tối chẳng bắt được gì. Thấy Tấm bắt được đầy giỏ, Cám bảo chị:

Chị Tấm ơi chị Tấm!

Đầu chị lấm

Chị hụp cho sâu

Kẻo về dì mắng.

Tấm tưởng thật hụp xuống thì Cám trút hết giỏ tôm tép của Tấm vào giỏ mình, rồi chạy về nhà trước.

(Tấm Cám)

Đoạn văn trên trình bày diễn biến sự việc về việc Tấm và Cám đi bắt tép, và mưu mô của Cám cướp đoạt giỏ tép của Tấm $\Rightarrow$ Phương thức tự sự.

b) Trăng đang lên. Mặt sông lấp lánh ánh vàng. Núi Trùm Cát đứng sừng sững bên bờ sông thành một khối thâm uy nghi, trầm mặc. Dưới ánh trăng, dòng sông sáng rực lên, những con sóng nhỏ lăn tăn gợn đều mơn man vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát.

(Khuất Quang Thụy, Trong cơn gió lốc)

Đoạn văn trên của nhà văn Khuất Quang Thụy miêu tả về đêm trăng trên dòng sông $\Rightarrow$ Phương thức miêu tả.

e) Muốn xây dựng một đất nước giàu mạnh, thì phải có nhiều người tài giỏi. Muốn có nhiều người tài giỏi thì học sinh phải ra sức học tập văn hoá và rèn luyện thân thể, bởi vì chỉ có học tập và rèn luyện thì các em mới có thể trở thành những người tài giỏi trong tương lai.

(Trích: Tài liệu hướng dẫn đội viên)

Đoạn văn trên khuyên răn các em đội viên phải chăm lo học tập và rèn luyện thân thể $\Rightarrow$ Phương thức nghị luận.

d) *Trúc xinh trúc mọc đầu đình
Em xinh em đứng một mình cũng xinh*

(Ca dao)

Câu ca dao trên ngợi ca sự xinh đẹp của người con gái, và bày tỏ niềm yêu mến $\Rightarrow$ Phương thức biểu cảm.

đ) *Nếu ta đẩy quả địa cầu quay quanh trục theo hướng từ tay trái sang tay phải mà chúng ta thường gọi từ tây sang đông thì hầu hết các điểm trên bề mặt quả địa cầu đều chuyển động, đều thay đổi vị trí và vẽ thành những đường tròn.*

(Theo Địa lí 6)

Mục đích giao tiếp của đoạn văn trên là giới thiệu đặc điểm, tính chất của quả địa cầu $\Rightarrow$ Phương thức thuyết minh.

Câu 2. Truyền thuyết Con Rồng, cháu Tiên thuộc kiểu văn bản nào? Và sao em biết như vậy?

- + Truyền thuyết *Con Rồng, cháu Tiên* thuộc văn bản tự sự.
- + Vì: Mục đích giao tiếp của truyện là trình bày diễn biến sự việc.

Bài 2

- Thánh Gióng
- Từ mượn
- Tìm hiểu chung về văn tự sự

THÁNH GIÓNG

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Hình tượng Thánh Gióng với nhiều màu sắc thần kì là biểu tượng rực rỡ của ý thức và sức mạnh bảo vệ đất nước, đồng thời là sự thể hiện quan niệm và ước mơ của nhân dân ta ngay từ bước đầu lịch sử về người anh hùng cứu nước và chống ngoại xâm.

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Trong truyện Thánh Gióng có những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính? Nhân vật chính được xây dựng bằng nhiều chi tiết kì ảo, tìm và liệt kê.

+ Những nhân vật trong truyện Thánh Gióng: Hai vợ chồng ông lão, Thánh Gióng, giặc Ân, sứ giả, ngựa sắt, bà con làng xóm

+ Thánh Gióng là nhân vật chính của câu chuyện “là một hình tượng thẩm mỹ, vừa đậm chất hiện thực, vừa lung linh những ánh hào quang lãng mạn tuyệt vời” (Vũ Dương Quỹ) là một nhân vật tổng hợp cả ba yếu tố: “Thần thoại, truyền thuyết và anh hùng ca”.

+ Những chi tiết kì lạ liên quan đến nhân vật Thánh Gióng:

- Bà ra đồng trông thấy một vết chân to, liền đặt chân mình lên ướm thử... không ngờ về nhà bà thụ thai.
- Đứa trẻ cho đến khi lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi.
- Đứa bé nghe tiếng rao bỗng dưng nói: Mẹ ra mời sứ giả vào đây.
- Chú bé lớn nhanh như thổi, cơm ăn mấy cũng không no.
- Chú bé vùng dậy vươn vai biến thành một tráng sĩ mình cao hơn mười trượng.
- Cởi bỏ áo giáp cả người lẫn ngựa bay lên trời.

Câu 2. Theo em, các chi tiết sau đây có ý nghĩa như thế nào?

a) Tiếng nói đầu tiên của chú bé lên ba là tiếng nói đòi đánh giặc

+ Ba năm không hề nói, thế mà câu nói đầu tiên của đứa trẻ lên ba lại nói về một vấn đề hết sức lớn lao, thiêng liêng, trọng đại mà chỉ dành cho những bậc trượng phu, anh hùng:

- *Mẹ ra mời sứ giả vào đây.*
- *Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi bằng sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc.*

+ Điều đó chứng tỏ truyền thống yêu nước và quật cường của dân tộc, biết đánh giặc cả khi tuổi còn thơ.

b) Bà con làng xóm góp gạo nuôi cậu bé

+ Thể hiện truyền thống yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau của con người Việt Nam. Bà con làng xóm “tối lửa tắt đèn” có nhau.

+ Sự động viên khích lệ về tinh thần và vật chất của cả quê hương trước hành động cao đẹp của cậu bé.

+ Vì ai cũng mong chú bé giết giặc cứu nước.

c) Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ

+ Khi chưa gặp sứ giả chú bé không biết nói, không biết cười, không biết đi, thế mà từ khi gặp sứ giả có cả một sự thay đổi diệu kì: cất tiếng nói đòi đi đánh giặc, lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ.

+ Phải lớn nhanh như thế mới đủ sức đi đánh giặc, ta có cảm tưởng nhiệm vụ càng nặng nề bao nhiêu thì cậu bé càng lớn nhanh bấy nhiêu.

+ Khi thế nước rất nguy, người người hoảng hốt thì chú bé vươn vai thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt $\Rightarrow$ sức mạnh, ý chí, thái độ của tuổi trẻ Việt Nam trong giờ phút đất nước lâm nguy.

+ Điều đó còn thể hiện ước mơ và khát vọng lãng mạn của dân tộc ta trong bước đầu dựng nước.

d) Gậy sắt gãy, Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc

+ Vũ khí bằng gậy sắt đánh dấu thời đại phát triển của lịch sử dân tộc. Chúng ta đã vươn tới thời đại đồ sắt.

+ Gióng nhổ tre đánh giặc:

– Hành động đó thể hiện ý nghĩa trong cuộc chiến tranh nhân dân tất cả đều có thể trở thành vũ khí đánh giặc. Cây cỏ, hoa lá đều có thể trở thành vũ khí để đánh thù.

– Thiên nhiên, cây cối cùng hiệp sức với con người chiến đấu diệt thù.

d) Gióng đánh giặc xong, cởi áo giáp sắt để lại và bay thẳng về trời

+ Áo giáp sắt của nhân dân làm cho dễ đánh giặc, nay đánh giặc xong trả lại cho nhân dân, vô tư không chút bụi trần.

+ Bay về trời, không nhận bổng lộc của nhà vua, từ chối mọi phần thưởng, chiến công để lại cho nhân dân.

+ Gióng sinh ra cũng phi thường, khi đi cũng phi thường (bay lên trời), Gióng bắt tử cùng sông núi, bắt tử trong lòng nhân dân $\Rightarrow$ Hình tượng kì vĩ hoá, đậm chất lãng mạn.

Câu 3. Hãy nêu ý nghĩa của hình tượng Thánh Gióng.

+ Thánh Gióng là biểu tượng rạch rỡ của lòng yêu nước, sức mạnh phi thường của dân tộc. Ông Gióng vươn vai sức mạnh dân tộc trỗi dậy. Thánh Gióng tượng trưng cho hùng thế của dân tộc.

+ Là ước mơ của nhân dân về người anh hùng đánh giặc.

+ Truyền thuyết ghi “Từ đời Hùng Vương thứ 6” $\Rightarrow$ Tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta có từ rất sớm.

+ Khi đất nước có ngoại xâm thì ngay cả đứa bé lên ba cũng tham gia đánh giặc.

*Ôi Việt Nam xứ sở lạ lùng
Đến em thơ cũng hoá những anh hùng*

(Tố Hữu)

Câu 4. Truyền thuyết liên quan đến sự thật lịch sử. Theo em truyện Thánh Gióng có liên quan đến sự thật lịch sử nào?

+ Đó là hiện thực về công cuộc chống ngoại xâm của dân tộc trong buổi đầu dựng nước.

+ Đánh dấu thời đại đồ sắt của dân tộc $\Rightarrow$ ngựa sắt, roi sắt.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Hình ảnh nào của Thánh Gióng đẹp nhất trong tâm trí của em?

Trong truyện “Thánh Gióng” có rất nhiều chi tiết đẹp, em có thể lựa chọn một trong những chi tiết sau:

+ Chi tiết thứ nhất:

• Chú bé vùng dậy vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn mười trượng, oai phong lẫm liệt.

$\Rightarrow$ “Đây là lúc nhân vật thăng hoa để hoàn thiện một hình tượng thẩm mĩ” (Vũ Dương Quỹ).

+ Chi tiết thứ hai:

Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc đón đầu chúng, giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ.

$\Rightarrow$ Thể hiện khí thế hào hùng lẫm liệt, sức mạnh thần kì của Thánh Gióng, đậm tính anh hùng ca.

+ Chi tiết thứ ba:

Một mình một ngựa tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa bay lên trời.

$\Rightarrow$ Hình ảnh kì vĩ, đậm chất lãng mạn, thể hiện sự bất tử của Gióng trong lòng dân tộc.

Câu 2. Theo em tại sao hội thi trong nhà trường phổ thông lại mang tên “Hội khoẻ Phù Đổng”?

- Để ghi công và tưởng nhớ người anh hùng trẻ tuổi cứu nước.
- Nhắc nhở tuổi trẻ không nguôi khát vọng vươn tới.
- Nhắc nhở tuổi trẻ rèn luyện sức khoẻ để có thể “vươn vai” thần kì như Thánh Gióng.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Nói khác đi cái vươn vai của chàng trai Phù Đổng mang ý nghĩa khẳng định thái độ tuổi trẻ Việt Nam trước giờ phút đất nước lâm nguy... cái vươn vai của em bé làng Gióng là sản phẩm của những khát vọng lãng mạn thuở dân tộc ta mới dựng nước.

(Theo Vũ Dương Quỹ, Lê Bảo – *Bình giảng văn 6*)

Thánh Gióng là một nhân vật tưởng tượng, được nhân dân sáng tạo ra để tập trung phản ánh một sự kiện lịch sử quan trọng của dân tộc ta trong bước đầu dựng nước. Đó là sự kiện chống giặc ngoại xâm.

(Theo Ôn tập ngữ văn 6 – Nguyễn Văn Long chủ biên)

TỪ MƯỢN

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- **Từ mượn** là những từ chúng ta vay mượn của tiếng nước ngoài để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm mà tiếng Việt chưa có từ thật thích hợp để biểu thị.

- Bộ phận từ mượn quan trọng nhất của tiếng Việt là từ mượn tiếng Hán (gồm từ gốc Hán và từ Hán Việt).

Bên cạnh đó tiếng Việt cần mượn từ của một số ngôn ngữ khác như tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nga...

- Các từ mượn đã được Việt hoá thì viết như từ thuần Việt. Đối với những từ mượn chưa được Việt hoá hoàn toàn, nhất là những từ gồm trên hai tiếng, ta nên **dùng gạch nối** để nối các tiếng với nhau.

- **Mượn từ** là một cách làm giàu tiếng Việt. Tuy vậy, để bảo vệ sự trong sáng của ngôn ngữ dân tộc, không nên mượn từ nước ngoài một cách tùy tiện.

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

1. Từ thuần Việt và từ mượn

Câu 1+2: Giải thích từ *trượng* và *tráng sĩ* trong câu:

Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn mười trượng.

(Thánh Gióng)

+ Trượng: Đơn vị đo bằng 10 thước Trung Quốc cổ (tức là 3,33 mét).

+ Tráng sĩ: Là người có sức lực cường tráng, chí khí mạnh mẽ hay làm việc lớn được mọi người tôn trọng.

(Tráng: khoẻ mạnh, to lớn; Sĩ: người trí thức ngày xưa).

+ Hai từ này có nguồn gốc từ tiếng Hán.

Câu 3: Xác định từ vay mượn từ tiếng Hán và ngôn ngữ khác.

+ Từ vay mượn từ tiếng Hán:

Sứ giả, buôn, mít tinh, giang sơn, gan, điện

+ Từ vay mượn từ ngôn ngữ khác (Anh, Nga, Pháp):

Ti-vi, xà phòng, ra-di-ô, in-tơ-nét, ga, Xô viết

Câu 4: Nhận xét về cách viết các từ vay mượn trên.

+ Từ vay mượn tiếng Hán khi viết không dùng gạch nối để nối.

+ Từ vay mượn ngôn ngữ khác có hai cách viết:

– Dùng dấu gạch nối đối với những từ chưa được Việt hoá.

– Từ đã được Việt hoá không dùng dấu gạch nối.

2. Nguyên tắc mượn từ

Ý kiến của Bác nêu ra hai vấn đề:

+ Mượn từ là để làm giàu tiếng Việt.

+ Không nên mượn tiếng nước ngoài một cách tùy tiện.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Ghi lại các từ mượn có trong những câu dưới đây. Cho biết các từ ấy được mượn của tiếng (ngôn ngữ) nào?

a) Đúng ngày hẹn, bà mẹ vô cùng ngạc nhiên vì trong nhà tự nhiên có bao nhiêu sinh lễ.

(Sọ Dừa)

b) Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa cỗ bàn thật linh đình, gia nhân chạy ra, chạy vào tấp nập.

(Sọ Dừa)

c) Ông vua nhạc pốp Mai-cơn Giắc-xơn đã quyết định nhảy vào lãnh địa in-tơ-nét với việc mở một trang chủ riêng.

+ Các từ mượn của các câu trên được mượn từ ngôn ngữ tiếng Hán và ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga:

- Từ mượn của ngôn ngữ Hán: Sính lễ, cỗ bàn, gia nhân.
- Từ mượn của ngôn ngữ khác: pốp, Mai-cơn Giắc-xơn, in-tơ-nét, trang chủ, lãnh địa.

Câu 2. Hãy xác định nghĩa của từng tiếng tạo thành các từ Hán – Việt dưới đây.

a) + khán: nhìn	}	$\Rightarrow$ Khán giả: người nhìn
giả: người		
+ thính: nghe	}	$\Rightarrow$ Thính giả: người nghe
giả: người		
+ độc: đọc	}	$\Rightarrow$ Độc giả: người đọc
giả: người		

b) + yếu: quan trọng	}	$\Rightarrow$ Yếu điểm: điểm quan trọng
điểm: một chỗ nào đó		
+ yếu: quan trọng	}	$\Rightarrow$ Yếu lược: tóm tắt những điều quan trọng
lược: tóm tắt		

Câu 3. Hãy kể một số từ mượn:

a) Từ mượn là đơn vị đo lường:

mét, ki-lô-mét, héc-tô-mét; hải lí, dặm, v.v...

b) Từ mượn là tên một số bộ phận của xe đạp:

ốc vít, bu lông, gác-ba-ga, phanh, nan hoa, ghi đông

e) Từ mượn là tên một số đồ vật:

ra-đi-ô, ti vi, cát-sét, sơ mi, pi-a-nô, mì chính v.v...

Câu 4. Những từ nào trong các cặp từ dưới đây là từ mượn? Có thể dùng chúng trong hoàn cảnh nào, với những đối tượng giao tiếp nào?

a) Bạn bè tới tấp *phôn* / gọi điện đến

b) Ngọc Linh là một *fan* / *người say mê* bóng đá cuồng nhiệt

c) Anh đã hạ *nốc ao* / *đo ván* võ sĩ nước chủ nhà

+ Từ vay mượn trong các ví dụ trên là: gọi điện, fan, say mê.

+ Các từ: *gọi điện*, *người say mê*, *nốc ao* dùng trong trường hợp giao tiếp có tính chất nghiêm túc, trước đám đông, hay người lớn tuổi.

+ Các từ: *phôn*, *fan*, *đo ván* dùng trong những trường hợp bạn bè nói với nhau.

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN TỰ SỰ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

• **Tự sự** là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến sự kết thúc, thể hiện một ý nghĩa.

• **Tự sự giúp** người kể **giải thích** sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề và bày tỏ thái độ khen chê.

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

Câu 1. Trong đời sống hàng ngày ta thường nghe những yêu cầu và câu hỏi như:

– Bà ơi! Bà kể chuyện cổ tích cho cháu nghe đi!

– Cậu kể cho mình nghe, Lan là người thế nào?

– Bạn An gặp chuyện gì mà lại thôi học nhỉ? v.v...

+ Đó là những điều trong cuộc sống mà người nghe muốn hiểu muốn biết – và người kể phải giải thích sự việc, để đáp ứng yêu cầu của người nghe.

+ Trong những trường hợp trên nếu người trả lời mà kể một câu chuyện không liên quan đến yêu cầu của người hỏi, thì câu chuyện đó sẽ không có ý nghĩa. Vì chưa đáp ứng được yêu cầu muốn biết của người hỏi.

Câu 2. Truyện Thánh Gióng cho ta biết về người anh hùng làng Gióng. Chuyện xảy ra vào đời Hùng Vương thứ 6, người anh hùng đó đã đánh đuổi giặc Ân cứu nước, sau khi đánh giặc xong Gióng đã bay về trời.

+ Truyện Thánh Gióng là truyện ca ngợi công đức của vị anh hùng làng Gióng vì:

- Chuyện giúp ta hiểu được chiến công và tài năng của vị anh hùng.
- Bày tỏ lòng yêu mến, cảm phục đối với Thánh Gióng.
- + Các sự kiện theo thứ tự trước sau của câu chuyện:

Truyện Thánh Gióng là một chuỗi các sự kiện, sự kiện này dẫn đến sự kiện kia và cuối cùng là một kết thúc đầy ý nghĩa:

Sự thụ thai kì lạ → Biểu hiện kì lạ của đứa bé lên ba → Tiếng nói đầu tiên khác thường đòi đi đánh giặc → Sự lớn lên kì lạ → Sự vươn vai kì lạ → Hành động đánh giặc kì lạ → Hành động bay lên trời kì lạ → nhà vua và nhân dân nhớ ơn lập đền thờ.

Câu 3. Đặc điểm của phương thức tự sự. (xem phần Ghi nhớ)

III. LUYỆN TẬP

Câu 1. Đọc mẫu chuyện “Ông già và thần chết” trả lời câu hỏi

+ Trong truyện này phương thức tự sự được thể hiện bằng một số các sự việc, ta có thể sắp xếp như sau:

Ông già đốn củi mang về → đi xa kiệt sức than thở muốn thần chết mang đi → thần chết đến ông lão sợ nói tránh muốn thần nhắc hộ bó củi.

+ Câu chuyện này thể hiện lòng ham sống của con người khi vất vả mệt nhọc người ta muốn chết, nhưng khi đối diện với nó người ta cảm thấy sợ hãi.

**Câu 2. Bài thơ sau đây có phải là văn bản tự sự không, vì sao?
Hãy kể lại câu chuyện bằng miệng.**

SA BẦY

Bé Mây rủ mèo con

Đánh bầy bầy chuột nhắt

Mồi thơm: Cá nướng ngon

Lửng lơ trong cạm sắt.

Lũ chuột tham hoá ngọc

Chẳng nhin thêm được đâu!

Bé Mây cười tí mắt

Mèo gật gù, rung râu.

Đêm ấy Mây nằm ngủ
Mơ đầy lồng chuột sa
Cùng mèo con đem xử
Chúng khóc rờn xin tha!

Sáng mai vùng xuống bếp:
Bầy sập từ bao giờ
Chuột không cá cũng hết
Giữa lồng mèo nằm... mơ

(Nguyễn Hoàng Sơn, *Dắt mùa thu vào phố*)

+ Bài thơ trên là một văn bản tự sự vì nó bao gồm một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng là sự kết thúc đầy ý nghĩa.

+ Kể lại chuyện bằng văn xuôi:

Bé Mây rủ mèo con đánh bầy chuột nhất bằng cá nướng để trong cạm sắt. Vì bé nghĩ lũ chuột tham lam sẽ không nhìn được thềm mà chui vào ăn. Bé cười vui vẻ còn chú mèo gật gù rung râu trước sáng kiến tuyệt vời.

Đêm ấy bé Mây nằm ngủ mơ thấy cảnh chuột nhất chui đầy vào lồng bị sập bầy, bé cùng mèo đen ra xử, lũ chuột nhất khóc lóc van xin.

Sáng mai lúc tỉnh dậy bé Mây chạy xuống bếp thấy bầy sập từ lúc nào, hồi ơi chẳng thấy con chuột nào cả, chỉ thấy chú mèo đang nằm ở trong lồng sắt.

Câu 3. Hai văn bản sau đây có nội dung tự sự không? Vì sao?

Tự sự ở đây có vai trò gì?

+ Hai văn bản:

– Huế: Khai mạc trại điều khắc quốc tế lần thứ ba, và Người Âu Lạc đánh tan quân Tần xâm lược.

+ Cả hai văn bản đều là văn bản tự sự nhưng có sự khác nhau về tính chất. Văn bản thứ nhất là một bản tin, văn bản thứ hai là một bài lịch sử.

+ Các sự kiện chính trong hai văn bản:

– Huế: Khai mạc trại điêu khắc quốc tế lần thứ ba.

Thời gian khai mạc → địa điểm → thành phần tham gia triển lãm → Diễn biến và kết thúc triển lãm.

– Người Âu Lạc đánh tan quân Tần xâm lược.

Nhà Tần thành lập năm 221. TCN → Năm 218 Tần Thủy Hoàng sai tướng Đồ Thư đem 50 vạn quân xâm lược Bách Việt → Người Âu Lạc tập hợp nhau để tự vệ, kháng cự lâu dài → Bỏ tất cả kéo nhau lên rừng sâu chỉ mang theo lương thực, vũ khí, gia súc → Thục Phán một thủ lĩnh của Âu Lạc được cử ra chỉ huy chiến đấu → cuộc chống Tần diễn ra nhiều ngày tướng Đồ Thư bỏ mạng → Khi Tần Thủy Hoàng chết, khởi nghĩa nổ ra khắp nơi → Nhà Tần rút quân (208 TCN).

Câu 4. Em hãy kể lại câu chuyện để giải thích vì sao người Việt Nam tự xưng là con Rồng, cháu Tiên.

+ Để kể lại câu chuyện này em phải liệt kê chuỗi sự việc diễn ra trong câu chuyện.

+ Chuỗi sự việc đó có thể sắp xếp như sau:

Nguồn gốc xuất thân của Lạc Long Quân → Nguồn gốc xuất thân của Âu Cơ → Hai người gặp gỡ thành vợ chồng → Âu Cơ đẻ ra bọc trăm trứng, nở ra thành trăm người con → Lạc Long Quân trở về thủy cung → Âu Cơ nhớ thương gọi lên than thở → Hai người chia con 50 lên rừng, 50 xuống biển → Thành lập nước Văn Lang và thời đại Hùng Vương → nguồn gốc của người “con Rồng, cháu Tiên”.

Câu 5. Trong cuộc họp lớp đầu năm, Giang đề nghị bầu Minh làm lớp trưởng, Giang có nên kể vắn tắt thành tích học tập của Minh không?

+ Tất nhiên là Giang rất nên kể vắn tắt thành tích học tập của bạn Minh rồi, có như vậy mới thuyết phục được các bạn vì sao Giang lại bầu Minh làm lớp trưởng.

+ Giang có thể kể thành tích học tập của bạn Minh qua các năm học trước, thái độ học tập, tinh thần giúp đỡ bạn bè v.v...

Bài 3

- Sơn Tinh, Thủy Tinh
- Nghĩa của từ
- Sự việc và nhân vật trong văn tự sự

SƠN TINH, THUỶ TINH**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

• *Truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh bắt nguồn từ thần thoại cổ về núi Tản Viên nhưng đã được lịch sử hoá thành truyền thuyết. Truyện được gắn vào một thời đại lịch sử, trở thành một truyện quan trọng trong chuỗi truyền thuyết về thời đại các vua Hùng. Sơn Tinh trở thành người hùng văn hoá trong nhận thức dân gian.*

• *Sơn Tinh, Thủy Tinh là câu chuyện tưởng tượng kì ảo, giải thích các hiện tượng lũ lụt và thể hiện sức mạnh, ước mong của người Việt cổ muốn chế ngự thiên tai, đồng thời suy tôn, ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng.*

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Truyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh” gồm mấy đoạn? Mỗi đoạn thể hiện nội dung gì? Truyện được gắn với thời đại nào trong lịch sử Việt Nam?

+ Truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* có thể chia làm ba đoạn:

• Đoạn 1: (từ đầu cho đến “mỗi thứ một đôi”): Điều kiện kén rể của vua Hùng.

• Đoạn 2: (tiếp theo cho đến “thần nước đành rút quân”): Cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh.

• Đoạn 3: (phần còn lại): Sự thất bại của Thủy Tinh và sự báo thù hàng năm.

+ Truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* được gắn với thời đại Hùng Vương thứ 18, thời đại mở đầu của lịch sử dân tộc.

Câu 2. Truyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh” nhân vật chính là ai? Các nhân vật chính được miêu tả bằng những chi tiết nghệ thuật tưởng tượng kì ảo như thế nào? Ý nghĩa tượng trưng của các nhân vật đó?

+ *Nhân vật chính* của truyện là Sơn Tinh, Thủy Tinh cả hai nhân vật đều được miêu tả bằng những chi tiết tưởng tượng.

Nhân vật Sơn Tinh:

- Vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi.
- Vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi.
- Dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng lũ.
- Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu.

Nhân vật Thủy Tinh:

- Gọi gió, gió đến.
- Hô mưa, mưa về.
- Hô mây gọi gió làm thành dòng bão uy chuyển cả đất trời.

+ *Ý nghĩa tượng trưng*

– Sơn Tinh:

Tài năng của Sơn Tinh đưa lại cho cuộc sống những điều tốt đẹp, xây dựng và làm cho cuộc sống sinh sôi nảy nở – là một phúc thần được mọi người yêu mến.

⇒ Sơn Tinh tượng trưng cho khát vọng và khả năng chinh phục thiên tài của nhân dân ta ngày xưa.

– Thủy Tinh:

Tài năng của Thủy Tinh thể hiện sự tàn phá, huỷ diệt, mang lại hiểm họa cho cuộc sống. Thủy Tinh là một hung thần đáng sợ.

⇒ Thủy Tinh tượng trưng cho lũ lụt đe dọa cuộc sống con người.

Câu 3. Hãy nêu ý nghĩa của truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh.

- + Giải thích hiện tượng lũ lụt hàng năm;
- + Ước mơ chế ngự và chiến thắng thiên tai của con người;
- + Bài ca trị thủy trong buổi đầu dựng nước của các vua Hùng.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy kể diễn cảm truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh

Muốn kể chuyện diễn cảm em phải nắm vững các sự việc và xác định giọng điệu thích hợp.

- Vua Hùng kén rể → giọng hân hoan

- Sơn Tinh, Thủy Tinh đến cầu hôn → giọng điệu ngạc nhiên
- Vua Hùng ra điều kiện chọn rể → giọng điệu thể hiện sự băn khoăn
- Sơn Tinh, Thủy Tinh đánh nhau → giọng sôi nổi, dồn dập, hào hùng.
- Kết quả trận đánh → giọng trầm xuống, lắng đọng.
- Đoạn cuối → giọng chậm rãi.

Câu 2. Từ truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh em nghĩ gì về chủ trương củng cố đê điều, trồng rừng và nghiêm cấm nạn phá rừng của Nhà nước ta hiện nay.

+ Chủ trương củng cố đê điều; nghiêm cấm nạn phá rừng; và trồng thêm hàng triệu héc ta rừng của nước ta hiện nay là hoàn toàn đúng đắn. Nhằm mục đích ngăn chặn lũ lụt, bảo vệ môi trường sống.

+ Nạn lũ lụt hiện nay vẫn là một tai họa hàng đầu đáng sợ nhất trong bốn tai họa lớn: thủy, hỏa, đạo, tặc. Hàng năm ở nước ta trên cả ba miền Bắc Trung Nam liên tiếp hết cơn lũ này, đến cơn lũ khác, thiệt hại lên tới hàng trăm tỉ đồng. Bao nhiêu nhà cửa, tài sản, bao nhiêu tính mạng của con người bị thiệt hại. Vì vậy hơn lúc nào hết chúng ta phải gấp rút tìm nhiều biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn lũ lụt.

Câu 3. Hãy viết tên một số truyện kể dân gian liên quan đến thời đại các vua Hùng mà em biết.

- Con Rồng, cháu Tiên
- Bánh chưng, bánh giầy
- Thánh Gióng
- Chử Đồng Tử

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Chúng ta thấy bóng dáng và tầm vóc của người khổng lồ đào sông xây núi, sừng sững trên đất nước mênh mông, bưng ngay những dòng lũ lớn từ Tây Bắc đổ xuống và dồn tất cả những trái núi to nhất đến các vùng Hà Tây, Thanh Thủy ngày nay, để buộc sông Đà và sông Hồng bớt lồng lộn và giận dữ để mà ngoan ngoãn chảy về xuôi.

(Cao Huy Đình)

Thần phục chàng Sơn Tinh bao nhiêu, chúng ta càng thần phục và nhớ ơn tổ tiên ta, nhân dân ta bấy nhiêu. Bởi vì, chính Sơn Tinh vị thần núi Tản Viên là người đại diện cho cả dân tộc đã bao đời nay

tấu lên bản hùng ca trị thủy để bảo vệ non sông đất nước, bảo vệ cuộc sống hạnh phúc, thanh bình cho mỗi chúng ta.

(Vũ Dương Quỹ)

Truyện còn nói lên ước mơ của người Việt thời cổ “Nước sông dâng cao lên bao nhiêu, đồi núi cao bấy nhiêu” – Phải chăng đây là ước mơ của người xưa, muốn chinh phục tự nhiên, chiến thắng nạn lũ lụt để có cuộc sống bình yên? Một ước mơ đẹp, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc lại được thể hiện trong một hình tượng đầy chất thơ. Chúng ta trân trọng ước mơ đó, vì chúng ta, trong ngày hôm nay, đã và đang biến ước mơ của người xưa thành những hiện thực đẹp đẽ.

(Nguyễn Xuân Lạc)

NGHĨA CỦA TỪ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

• **Nghĩa của từ** là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ...) mà từ biểu thị.

• Có thể **giải thích** nghĩa của từ bằng hai cách chính như sau:
Trình bày khái niệm mà từ biểu thị.

Đưa ra những từ đồng nghĩa, hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích.

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

1. Nghĩa của từ là gì?

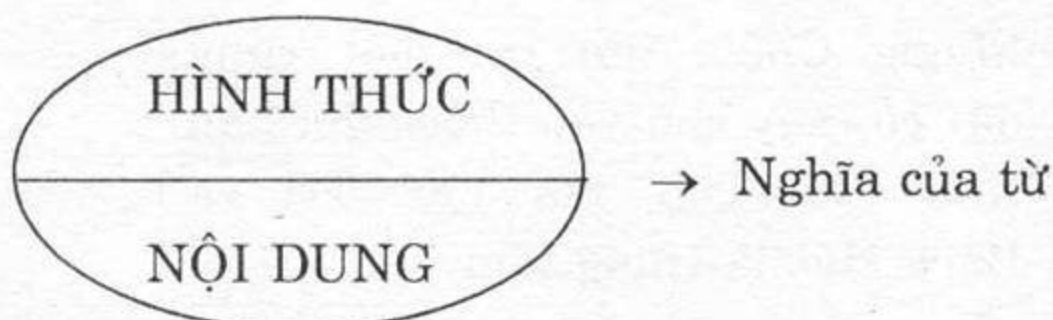
– **Tập quán:** thói quen của một cộng đồng (địa phương, dân tộc v.v...) được hình thành trong đời sống, được mọi người làm theo.

– **Lẫm liệt:** hùng dũng, oai nghiêm.

– **Nao núng:** lung lay, không vững lòng tin ở mình nữa.

a) Mỗi chú thích ở trên gồm hai bộ phận, phần đầu nêu từ (in đậm) phần sau giải thích nghĩa của từ.

b) Nghĩa của từ ứng với phần nội dung trong mô hình.



2. Cách giải thích nghĩa của từ

- + Từ *tập quán* được giải thích bằng cách trình bày khái niệm về sự vật mà từ biểu thị.
- + Từ *lắm liệt* được giải thích bằng các từ đồng nghĩa.
- + Từ *nao núng* được giải thích bằng từ đồng nghĩa và nêu tính chất mà từ biểu thị.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Đọc lại một vài chú thích ở sau các văn bản đã học, cho biết mỗi chú thích giải nghĩa từ bằng cách nào?

Ta chỉ nên chọn mỗi bài một vài chú thích, không nên chọn số lượng quá nhiều.

TT	Tên văn bản	Giải thích bằng cách nêu tính chất	Bằng từ đồng nghĩa
1	Sơn Tinh, Thủy Tinh	Sính lễ: Lễ vật mà nhà trai đưa đến nhà gái để cưới xin Hong mao: ở đây chỉ bờm ngựa màu hồng	Tâu: Thừa trình Phán: Truyền bảo
2	Thánh Gióng	Sứ giả: người vâng mệnh trên đi làm việc gì ở các địa phương trong nước hoặc nước ngoài Hốt hoảng: chỉ tình trạng sợ sệt vội vã, cuống quýt	Phong: ban cho, tặng thưởng Thụ thai: có chữa, mang bầu
3	Bánh chưng, bánh giầy	Tổ tiên: các thế hệ cha ông, cụ kị, đã qua đời Chứng giám: soi xét và làm chứng	Tế: cúng lễ Ghẻ lạnh: thờ ơ, nhạt nhẽo
4	Con Rồng, cháu Tiên	Thần Nông: Nhân vật trong thần thoại và truyền thuyết đã dạy loài người trồng trọt và cày cấy. Phong Châu: tên gọi một vùng đất cổ, nay chủ yếu thuộc địa bàn tỉnh Phú Thọ, mà Việt Trì và Bạch Hạc là trung tâm	Khôi ngô: sáng sủa, thông minh

Câu 2. Hãy điền các từ học hỏi, học tập, học hành, học hỏi vào chỗ trống trong những câu dưới đây sao cho phù hợp.

- học tập: và rèn luyện để có hiểu biết và có kĩ năng.
- học hỏi: nghe thấy người ta làm rồi làm theo, thứ không ai trực tiếp dạy bảo.
- học hỏi: tìm tòi, hỏi han để học tập.
- học hành: học văn hoá có thầy, có chương trình, có hướng dẫn (nói một cách khái quát).

Câu 3. Điền các từ trung gian, trung niên, trung bình vào chỗ trống cho phù hợp.

- trung bình: ở vào khoảng giữa trong bậc thang đánh giá, không khá cũng không kém, không cao cũng không thấp.
- trung gian: ở vị trí chuyển tiếp hoặc nối liền giữa các bộ phận, hai giai đoạn, hai sự vật...
- trung niên: đã quá tuổi thanh niên nhưng chưa đến tuổi già.

Câu 4. Giải thích các từ sau theo những cách đã biết

Hướng dẫn

- giếng: hố đào thẳng đứng, sâu vào lòng đất, để lấy nước.
- rung rinh: chuyển động qua lại nhẹ nhàng liên tiếp.
- hèn nhát: thiếu can đảm đến mức đáng khinh.

Câu 5. Đọc truyện sau đây và cho biết giải nghĩa từ mất như nhân vật Nụ có đúng không?

+ Muốn biết cách giải thích nghĩa từ *mất* của bạn Nụ có đúng hay không, ta phải tìm hiểu từ *mất* có những nét nghĩa nào.

+ Theo giải thích của “Từ điển tiếng Việt” từ *mất* có những nghĩa sau:

- mất: không có, không thấy, không tồn tại (tạm thời hay vĩnh viễn) nữa.
- mất: không còn thuộc về mình nữa.
- mất: không có ở mình nữa (mất sức, mất niềm tin).
- mất: dùng hết bao nhiêu thời gian, công sức hoặc tiền bạc vào việc gì (tiền ăn mỗi ngày mất mấy chục).
- mất: không còn sống nữa (Bố mẹ mất sớm).

+ Như vậy cách giải thích từ *mất* như nhân vật Nụ là không chính xác: “Biết nó ở đâu rồi thì không gọi là mất”.

SỰ VIỆC VÀ NHÂN VẬT TRONG VĂN TỰ SỰ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- *Sự việc* trong văn tự sự được trình bày một cách cụ thể: sự việc xảy ra trong thời gian, địa điểm cụ thể, do nhân vật cụ thể thực hiện, có nguyên nhân, diễn biến, kết quả ... Sự việc trong văn tự sự được sắp xếp theo một trật tự, diễn biến sao cho thể hiện được tư tưởng mà người kể muốn biểu đạt.
- *Nhân vật* trong văn tự sự là người thực hiện các sự việc và là người được thể hiện trong văn bản. Nhân vật chính đóng vai trò chủ yếu thể hiện tư tưởng của văn bản. Nhân vật phụ chỉ giúp nhân vật chính hoạt động. Nhân vật được thể hiện qua các mặt: tên gọi, lai lịch, tính nết, hình dáng, việc làm...

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

1. Đặc điểm của sự việc trong văn tự sự

Câu a

TT	Các sự kiện	Tính chất sự kiện
1	Vua Hùng kén rể.	Sự việc khởi đầu
2	Sơn Tinh, Thủy Tinh đến cầu hôn.	Sự việc phát triển
3	Vua Hùng ra điều kiện chọn rể.	Sự việc phát triển
4	Sơn Tinh đến trước được vợ.	Sự việc phát triển
5	Thủy Tinh đến sau, tức giận dâng nước đánh Sơn Tinh.	Sự việc cao trào
6	Hai bên giao chiến, Thủy Tinh thua phải rút về.	Sự việc cao trào
7	Hàng năm Thủy Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều thua.	Sự việc kết thúc

Câu b

- + Sáu yếu tố cơ bản của văn tự sự:
- Yếu tố 1: Nhân vật (do ai làm) → Sơn Tinh, Thủy Tinh.
 - Yếu tố 2: Thời gian (xảy ra lúc nào) → Đời vua Hùng Vương thứ 18.

- Yếu tố 3: Địa điểm (xảy ra ở đâu) → Hai bên đánh nhau ở Phong Châu.

- Yếu tố 4: Nguyên nhân → Do Thuỷ Tinh đến sau không lấy được vợ, nổi giận dâng nước đánh Sơn Tinh.

- Yếu tố 5: Diễn biến → Trận giao chiến diễn ra ròng rã mấy tháng trời, lại tiếp tục xảy ra hàng năm.

- Yếu tố 6: Kết quả → Thuỷ Tinh thất bại.

- + Không thể bỏ yếu tố thời gian và địa điểm trong truyện được.

Bởi vì: Nếu bỏ đi người đọc sẽ không hiểu được truyện xảy ra vào lúc nào, ở đâu? Không thấy tính hợp lí của câu chuyện với thời đại.

- + Việc giới thiệu Sơn Tinh có tài là cần thiết, bởi nó thể hiện ước mơ của nhân dân và làm tăng tính kì ảo của nhân vật.

- + Thuỷ Tinh nổi giận là hoàn toàn có lí → yếu tố quan trọng để phát triển truyện.

- Lí do đó được thể hiện ở sự kiện: Thuỷ Tinh đến sau không lấy được vợ, dùng dùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương.

Câu c.

- + Sự việc thể hiện mối thiện cảm của vua Hùng đối với Sơn Tinh.

- Sơn Tinh ở vùng núi Tản Viên, những đồ sính lễ mà vua Hùng ra điều kiện đều là sản phẩm ở rừng núi: “cơm nếp, bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao”.

- + Việc Sơn Tinh thắng Thuỷ Tinh (Lần giao chiến đầu tiên và sau đó mỗi năm một lần) điều đó thể hiện ước mơ chế ngự và chiến thắng lũ lụt của cha ông ta ngày xưa.

- + Không thể để cho Thuỷ Tinh thắng Sơn Tinh vì điều đó không phản ánh được khát vọng và sức mạnh của con người trong công cuộc đấu tranh với thiên nhiên.

- + Cũng không thể xoá bỏ sự việc hàng năm Thuỷ Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh → Vì điều đó nhằm giải thích hiện tượng lũ lụt xảy ra hàng năm.

2. Nhân vật trong văn tự sự

Câu a

Nhân vật trong văn tự sự vừa là kẻ thực hiện các sự việc, vừa là kẻ được nói tới nhiều nhất (có thể biểu dương hoặc lên án).

+ Tên các nhân vật tự sự trong truyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh”:
Vua Hùng, Mị Nương, Sơn Tinh, Thủy Tinh.

+ Nhân vật chính có vai trò quan trọng nhất là Sơn Tinh, Thủy Tinh.

+ Nhân vật phụ là vua Hùng, và Mị Nương, nhân vật phụ cũng cần thiết, ta không thể bỏ được, nhân vật phụ giúp cho nhân vật chính hoạt động.

Câu b

Tính chất miêu tả cụ thể của nhân vật được thể hiện:

+ *Tên gọi*: Vua Hùng, Mị Nương, Sơn Tinh, Thủy Tinh.

+ *Lai lịch*: Mị Nương con gái vua Hùng thứ 18. Sơn Tinh thần núi Tản, Thủy Tinh thần nước thẳm.

+ *Tính tình*: Mị Nương nết na hiền dịu.

+ *Tài năng*: Sơn Tinh dời núi, nổi cồn, Thủy Tinh tài hô mưa gọi gió.

+ *Việc làm, hành động, ý nghĩ, lời nói*:

– Việc làm

• Sơn Tinh: vẫy tay về phía đông... vẫy tay về phía tây.

• Thủy Tinh: gọi gió, hô mưa.

– Hành động

• Thủy Tinh: Đùng đùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Hô mưa, gọi gió làm thành dông bão...

• Sơn Tinh: Dùng phép bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi dựng thành lũy đất.

– Ý nghĩ

Vua Hùng băn khoăn không biết nhận lời ai, từ chối ai.

– Lời nói

• Sơn Tinh, Thủy Tinh: Hai chàng tâu hô đồ sính lễ sắm những gì

• Vua Hùng: Vua bảo: “Một trăm ván cơm nếp...”

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1a) Xem phần bài học

1b) Tóm tắt truyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh” theo sự việc gắn với các nhân vật chính.

Hùng Vương thứ mười tám kén rể cho công chúa Mị Nương xinh đẹp. Cùng một lúc có Sơn Tinh, Thủy Tinh đến cầu hôn. Cả hai đều tài giỏi, phân vân không biết chọn ai, vua ra điều kiện: Ai đem sính

lễ đến trước vào ngày hôm sau sẽ được lấy Mị Nương. Sơn Tinh đến trước được rước Mị Nương về. Thủy Tinh đến sau dùng dùng nổi giận dâng nước đánh Sơn Tinh, nhưng thất bại đành rút lui.

Từ đấy hàng năm, không quên mỗi oán hận, Thủy Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh.

1c) Tại sao truyện lại gọi là Sơn Tinh, Thủy Tinh? Nếu đổi bằng các tên sau có được không?

+ Lí do đặt tên chuyện là “Sơn Tinh, Thủy Tinh” vì: Đây là hai đối tượng được nói đến nhiều nhất, giữ vai trò hoạt động chủ yếu trong diễn biến của cốt truyện ⇒ Nhân vật chính của câu chuyện, chọn tên nhân vật để đặt cho tiêu đề tác phẩm là hợp lí.

+ Nếu ta thay thế bằng các tựa đề:

a) Vua Hùng kén rể

b) Truyện vua Hùng, Mị Nương, Sơn Tinh và Thủy Tinh

c) Bài ca chiến công của Sơn Tinh

→ Các tựa trên thiếu tính khái quát toàn diện nội dung tác phẩm (a) và (c) còn tiêu đề (b) dài dòng không cần thiết.

Câu 2. Cho nhan đề truyện: Một lần không vâng lời. Em hãy tưởng tượng để kể một câu chuyện theo nhan đề ấy.

Bài làm tham khảo

MỘT LẦN KHÔNG VÂNG LỜI

Nam là học sinh lớp 6A. Tính Nam rất hiếu động nên hôm qua, trước khi đi chợ xa mẹ dặn Nam: “Ở nhà một mình con chớ nghịch ngợm và đặc biệt không được trèo cây, vì trèo cây là nguy hiểm lắm đó!” Nam trả lời mẹ: “Dạ con nhớ mẹ ạ”. Thế nhưng mẹ vừa ra khỏi nhà Nam đã quên ngay lời mẹ dặn chạy tót ra vườn chơi. Ra đến vườn Nam đi hết gốc cây này sang gốc cây khác, chợt Nam nhìn thấy trên một cành xoài cao có một quả đã ửng vàng. Xoài đầu mùa ngon tuyệt! Nam không nín được cơn thèm! Thế là việc trèo cây bắt đầu.

Nam bám hai tay vào thân xoài và quặp hai bàn chân vào phía dưới rồi cứ thế nhích lên từng đoạn một. Khi một tay đã níu được một cành xoài lớn. Nam đu người lên rồi đứng thẳng lên cành xoài. Nam với tay ra hái trái xoài chín nhưng trái xoài nằm ở cành trên, với

không tới. Nam lại phải trèo tiếp lên cao rồi nhào người ra hái trái xoài treo dung đưa ở đầu cành. Khi tay Nam vừa đụng vào trái xoài chín, cảm giác sung sướng chưa kịp đến thì bỗng rắc một cái, cành cây mà Nam đang đứng gãy gục. Nam tuột tay rơi bịch xuống đất, nằm sóng soài bất tỉnh. Lát sau Nam tỉnh lại thì thấy đùi trái đau nhức. Nam lê lét mãi mới vào được trong nhà bò lên giường nằm. Khi mẹ về thì chân Nam lại càng đau. Nam rên lên vì đau đớn. Mẹ hoảng hốt đưa Nam đi bệnh viện, sau khi chụp X quang xong bác sĩ bảo: Xương đùi trái bị gãy phải bó bột”.

Hơn hai tháng trời mẹ phải ròng rã chở Nam vào tận cửa lớp, rồi lại vào tận cửa để đón Nam về. Đến lớp Nam phải ngồi bất động một chỗ nhìn bạn bè vui đùa mà lòng khát khao biết mấy.

Sau lần gãy xương đó Nam ân hận vô cùng vì đã không nghe lời mẹ. Nam tự hứa, sẽ không bao giờ dám trái lời ba mẹ nữa.

(Theo Trần Công Tùng, Lê Thuý Nga – *Học tốt ngữ văn 6*)

Bài 4

- Sự tích Hồ Gươm
- Chủ đề và dàn bài của bài văn tự sự
- Tìm hiểu đề và cách làm bài văn tự sự
- Viết bài tập làm văn số 1 – Văn kể chuyện

SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

• Bằng những chi tiết tưởng tượng kì ảo, giàu ý nghĩa (như Rùa vàng, gươm thần) truyện **Sự tích Hồ Gươm** ca ngợi tính chất chính nghĩa, tính chất nhân dân và chiến thắng vẻ vang của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc Minh xâm lược do Lê Lợi lãnh đạo ở đầu thế kỉ XV.

• Truyện cũng nhằm giải thích tên gọi hồ Hoàn Kiếm, đồng thời thể hiện khát vọng hoà bình của dân tộc.

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Vì sao đức Long Quân lại cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần.

+ Lí do đức Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần:

- Vì giặc Minh quá tàn ác, sát hại dân lành làm bao điều bạo ngược.
- Vì lòng dân căm giận bọn giặc đến tận xương tủy.
- Vì lực lượng nghĩa quân trong những ngày đầu chưa mạnh.

+ Ý nghĩa

- Thể hiện sự đồng tình và phù hộ của thần linh của tổ tiên đối với cuộc chiến tranh chính nghĩa của dân tộc
- Làm tăng thêm sự kì ảo và hấp dẫn của câu chuyện.

Câu 2. Lê Lợi đã nhận được gươm thần như thế nào? Cách Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn và Lê Lợi mượn gươm có ý nghĩa gì?

+ Việc nhận gươm của Lê Lợi

Lê Lợi không được Long Quân trực tiếp trao gươm, mỗi bộ phận của thanh gươm ở một nơi. Người đánh cá nhặt được lưỡi gươm khi chài lưới – Lê Lợi nhận được chuôi gươm ở trên rừng, đem khớp lại với nhau.

+ Ý nghĩa

- Sức mạnh của gươm thần thực chất là sức mạnh của tinh thần đoàn kết của nhân dân ở khắp mọi miền Tổ quốc trên dưới một lòng.
- Thể hiện nguyện vọng, ý chí chống giặc của dân tộc.
- Hai chữ “Thuận Thiên” khắc trên gươm thể hiện tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến hợp trời, hợp lòng người.

Câu 3. Hãy chỉ ra sức mạnh của gươm thần đối với nghĩa quân Lam Sơn.

+ Từ khi có gươm thần nhuệ khí của quân ta ngày càng tăng lên cho quân Minh bạt vía.

+ Từ chỗ bị động chuyển sang chủ động tấn công quân giặc làm cho quân Minh phải rút quân về nước.

Câu 4: Khi nào Long Quân cho đòi gương? Cảnh đòi gương và trả gương đã diễn ra như thế nào?

+ Long Quân cho đòi gương khi: Quân ta đã đánh đuổi quân Minh về nước được một năm, đất nước đã thanh bình. Lê Lợi đã lên làm vua.

+ Cảnh đòi gương được diễn ra: Khi nhà vua đang đi chơi trên hồ Tả Vọng, có con rùa lớn nhô lên mặt nước, lưỡi gương thần đeo bên người nhà vua động dậy, Rùa vàng tiến về phía thuyền vua: “Xin bệ hạ hoàn gương lại cho Long Quân”.

Vua nâng gương hướng về phía Rùa vàng, Rùa vàng dớp lấy thanh gương và lặn xuống nước.

+ Ý nghĩa:

- Cảnh trao gương là một sự sang trang mới của lịch sử dân tộc.
- Khi hoà bình chúng ta không cần đến gương giáo, dân tộc ta chỉ cần gương khi chống lại kẻ xâm lăng. Nhắc nhở Lê Lợi thời bình phải chặn dân trị nước.
- Cảnh đòi gương diễn ra trên hồ làm cho câu chuyện càng trở nên kì ảo lung linh.

Câu 5. Ý nghĩa của truyện Sự tích Hồ Gươm

Ý nghĩa của truyện được thể hiện qua những ý sau:

- + Ngợi ca cuộc kháng chiến chống giặc quân Minh của dân tộc, đó là cuộc kháng chiến chính nghĩa được lòng trời, hợp lòng người.
- + Đề cao suy tôn vai trò của Lê Lợi.
- + Giải thích nguồn gốc tên gọi Hồ Gươm (Hồ Hoàn Kiếm).

Câu 6. Em biết còn truyền thuyết nào của nước ta cũng có hình ảnh Rùa vàng? Theo em, hình tượng Rùa vàng trong truyền thuyết Việt Nam tượng trưng cho ai? Và cho cái gì?

+ Truyền thuyết của nước ta có hình ảnh Rùa vàng là: “An Dương Vương” (Mị Châu – Trọng Thủy)

+ Hình ảnh Rùa vàng trong các truyền thuyết của Việt Nam tượng trưng cho các vị thần linh thiêng. Trong truyện này là sứ giả của Long Quân, đồng thời tượng trưng cho khí thiêng của sông núi, cho tình cảm trí tuệ và khát vọng của nhân dân.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Đọc thêm phần “Ấn, kiếm Tây Sơn”

+ Đọc “Ấn, kiếm Tây Sơn” có chi tiết hai Ông Xà trao thanh bảo kiếm và Ấn ngọc cho Nguyễn Huệ – ở núi Tây Sơn Hạ.

+ Như vậy đây là mô típ quen thuộc: mô típ trao gươm thần giúp người anh hùng cứu dân cứu nước.

Câu 2. Vì sao tác giả dân gian không để Lê Lợi trực tiếp nhận cả chuôi gươm và lưỡi gươm cùng một lúc?

+ Sự giúp đỡ không hề dễ dàng, giản đơn, mà phải trải qua nhiều thử thách mới có được.

+ Đòi hỏi con người phải có đủ thông minh, tài trí, có quyết tâm và nghị lực cao.

Câu 3. Lê Lợi nhận gươm ở Thanh Hoá nhưng lại trả gươm ở Hồ Gươm – Thăng Long. Nếu Lê Lợi trả gươm ở Thanh Hoá thì ý nghĩa của truyền thuyết sẽ khác đi như thế nào?

+ Việc Lê Lợi ở kinh đô Thăng Long là biểu tượng thành công của cuộc khởi nghĩa, đã đuổi xong giặc cướp nước. Thanh gươm công lí đã làm xong nhiệm vụ trừ bạo.

+ Thanh Hoá là nơi dấy binh khởi nghĩa, nhưng Thăng Long là kinh đô của đất nước. Trả gươm ở Thăng Long càng làm tăng thêm sự thiêng liêng quý giá của gươm thần, và tăng thêm ý nghĩa lịch sử của Hồ Gươm – của Thăng Long.

+ Nếu Lê Lợi trả gươm ở Thanh Hoá thì những ý nghĩa sâu sắc của truyền thuyết sẽ bị mất đi.

Câu 4. Hãy nhắc lại định nghĩa truyền thuyết và kể tên những truyền thuyết đã học.

+ Định nghĩa truyền thuyết

Truyền thuyết: Là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, có yếu tố tưởng tượng kì ảo. Truyền thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể.

+ Những truyền thuyết đã học

– Con Rồng, cháu Tiên; Bánh chưng, bánh giầy; Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thủy Tinh; Sự tích Hồ Gươm.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Đây là loại truyền thuyết vừa giải thích nguồn gốc một địa danh, vừa tôn vinh những danh nhân, những anh hùng nổi bật trong lịch sử có công với dân với nước... Tuy tác phẩm mang cốt lõi lịch sử nổi bật, nhưng vẫn có những chi tiết kì ảo, tưởng tượng đặc sắc toát ra nhiều ý nghĩa... Truyện giải thích tên hồ Hoàn Kiếm đồng thời thể hiện khát vọng hoà bình của dân tộc ta.

(Theo Vũ Dương Quỹ – Lê Bảo – SDD).

CHỦ ĐỀ VÀ DÀN BÀI CỦA BÀI VĂN TỰ SỰ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- Chủ đề là vấn đề chủ yếu mà mọi người muốn đặt ra trong văn bản
- Dàn bài bài văn tự sự thường gồm có ba phần:
 - Phần Mở bài giới thiệu chung về nhân vật và sự việc;
 - Phần Thân bài kể diễn biến của sự việc;
 - Phần Kết bài kết cục của sự việc.

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

Tìm hiểu chủ đề và dàn bài của bài văn tự sự;

Đọc bài văn về danh y Tuệ Tĩnh.

1) Phẩm chất của Tuệ Tĩnh?

Việc Tuệ Tĩnh ưu tiên chữa trị trước cho chú bé con nhà nông bị gãy đùi đã thể hiện nhân đức của người thầy thuốc khi chữa bệnh:

- Coi trọng người bệnh, không phân biệt, sang – hèn – giàu nghèo.
- Bệnh nặng chữa trước, bệnh nhẹ chữa sau. ⇒ lấy sự an nguy của bệnh nhân làm tiêu chuẩn hàng đầu.
- Không tham tiền bạc, không sợ quyền uy.

2) Chủ đề bài văn

- + Chủ đề của bài văn là ca ngợi lòng thương người của Tuệ Tĩnh.
- + Chủ đề đó được thể hiện trực tiếp qua những câu văn sau:

– Anh về nói với cụ rằng ta sẵn sàng đi, nhưng bây giờ thì phải chữa cho chú bé này trước, vì chú nguy hơn.

– Không! Ta phải chữa gấp cho chú bé này, để chậm tất có hại.

– Bắt tay ngay vào chữa trị... qua gần trọn buổi chú bé nhà nông đã được bó nẹp.

– Con người ta cứu giúp nhau lúc hoạn nạn, sao ông bà lại nói chuyện ơn huệ.

– Trời sắp tối chợt nhớ tới nhà quý tộc, ông vội vã ra đi không kịp nghỉ ngơi.

3) Nhan đề tác phẩm

+ Cho ba tựa đề:

– Tuệ Tĩnh và hai người bệnh

– Tấm lòng thương người của thầy Tuệ Tĩnh

– Y đức của Tuệ Tĩnh

+ Cả ba nhan đề, nhan đề nào cũng thể hiện chủ đề của tác phẩm. Nhưng xét về mặt khái quát, thì có lẽ nhan đề thứ ba là hợp lí nhất: Y đức của Tuệ Tĩnh.

+ Chúng ta cũng có thể đặt những nhan đề khác cho bài văn như:

– Lương tâm của người thầy thuốc

– Thầy thuốc giỏi cốt ở tấm lòng

4) Yêu cầu của các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài:

+ *Mở bài*: Giới thiệu về danh y Tuệ Tĩnh và sự việc cứu giúp người bệnh của ông.

+ *Thân bài*: Kể về việc Tuệ Tĩnh cứu giúp chú bé con nhà nông vì bệnh tình nguy kịch mà từ chối chưa đến thăm bệnh cho nhà quý tộc.

+ *Kết bài*: Kết cục sự việc – Tuệ Tĩnh đi thăm bệnh cho nhà quý tộc khi trời đã tối mà không kịp nghỉ ngơi.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Đọc truyện “Phần Thưởng” và trả lời câu hỏi:

a) Chủ đề của truyện này nhằm biểu dương và chế giễu điều gì? Sự việc nào tập trung cho chủ đề?

+ Chủ đề câu chuyện nhằm biểu dương sự thông minh, trung thực, thẳng thắn của người nông dân.

+ Chế giễu thói tham lam chuyên ăn hối lộ của bọn quan lại.

Sự việc tập trung biểu hiện cho chủ đề:

Xin bệ hạ hãy thưởng cho hạ thần năm mươi roi, hạ thần không muốn gì hơn cả. Chỉ có điều hạ thần đã đồng ý chia cho viên quan đã đưa hạ thần vào đây một nửa số phần thưởng của bệ hạ. Vậy xin bệ hạ hãy thưởng cho hạ thần mỗi người hai mươi lăm roi.

b) Hãy chỉ ra ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài

+ Phần Mở bài: Câu đầu tiên của truyện “*Một người... dâng tiến nhà vua*”.

+ Phần Thân bài: Từ “*Ông ta tìm... hai mươi lăm roi*”.

+ Phần Kết bài: “*Nhà vua bật cười... một nghìn rúp*”.

c) Truyện này với truyện về Tuệ Tĩnh có gì giống nhau về bố cục và khác nhau về chủ đề.

+ Bố cục: giống nhau về diễn biến của sự việc để đi đến kết cục

+ Khác nhau:

– Truyện Tuệ Tĩnh: ca ngợi lòng thương người.

– Truyện Phần Thưởng nói về sự thưởng phạt công minh.

d) Sự việc trong bài thú vị ở chỗ nào?

+ Sự việc ở trong bài thú vị ở chỗ người nông dân xin nhận phần thưởng của vua ban là năm mươi roi, chia đều cho hai người.

+ Ý nghĩa:

– Làm cho câu chuyện trở nên kịch tính, hấp dẫn.

– Thể hiện sự thông minh, tài trí của người nông dân: Vạch mặt sự tham lam của viên cận thần kia một cách rất khéo léo.

Câu 2. Đọc các bài “Sơn Tinh, Thủy Tinh” và “Sự tích Hồ Gươm” xem cách mở bài đã giới thiệu rõ câu chuyện sắp xảy ra chưa và kết thúc câu chuyện như thế nào?

+ Mở bài

– Truyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh”

Hùng Vương thứ mười tám có người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương nàng hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.

– Truyện Sự tích Hồ Gươm

Vào thời giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam, chúng coi dân ta như cỏ rác, làm nhiều điều bạo ngược, thiên hạ căm giận chúng đến tận xương tủy. Bấy giờ ở vùng Lam Sơn, nghĩa quân nổi dậy chống lại chúng. Nhưng trong buổi đầu thế lực còn non yếu nhiều lần nghĩa quân bị thua. Thấy vậy đức Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn thanh gươm thần để họ giết giặc.

⇒ Như vậy cả hai mở bài đều giới thiệu chung về nhân vật và sự việc sắp xảy ra.

+ Kết bài

– Truyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh”

Từ đó oán nặng, thù sâu, hàng năm Thủy Tinh làm mưa gió bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, Thần nước đánh mỗi mội, chán chê vẫn không thắng nổi Thần núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về.

– Truyện “Sự tích Hồ Gươm”

Từ đó, hồ Tả Vọng bắt đầu mang tên là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

⇒ Kết bài của hai câu chuyện đều kể về kết cục của sự việc: lí giải về một hiện tượng trong đời sống.

TÌM HIỂU ĐỀ VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN TỰ SỰ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- Khi tìm hiểu đề văn tự sự thì phải tìm hiểu kĩ lời văn của đề, để nắm vững yêu cầu của đề bài.
- Lập ý là xác định nội dung sẽ viết theo yêu cầu của đề, cụ thể là xác định: nhân vật, sự việc, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của câu chuyện.
- Lập dàn ý là sắp xếp việc gì kể trước, việc gì kể sau để người đọc theo dõi được câu chuyện và hiểu được ý định của người viết.
- Cuối cùng phải viết thành văn theo bố cục ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

1. Đề văn tự sự

Thứ tự	Đề văn	Cách dùng từ	Từ trọng tâm	Đặc điểm của đề
1	Kể một câu chuyện em thích nhất bằng lời văn của em	Có từ kể	Chuyện em thích	Nghiên về tường thuật
2	Kể chuyện về người bạn tốt	Có từ kể	Người bạn tốt	Nghiên về người
3	Kỉ niệm ngày thơ ấu	Không có từ kể	Ngày thơ ấu	Nghiên về tường thuật sự việc
4	Ngày sinh nhật của em	Không có từ kể	Sinh nhật	Nghiên về tường thuật
5	Quê em đổi mới	Không có từ kể	Quê đổi mới	Nghiên về kể việc
6	Em đã lớn rồi	Không có từ kể	Đã lớn	Nghiên về kể người (cảm nghĩ)

2. Cách làm bài văn tự sự

- + Muốn làm một bài văn tự sự trước hết phải lập dàn bài.
- + Các bước lập dàn bài phải tiến hành như sau:
 - a) Tìm hiểu đề
 - b) Lập ý
 - c) Lập dàn ý

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1

• MỘT SỐ BÀI VĂN THAM KHẢO

Đề 1: Đóng vai Sơn Tinh kể lại câu chuyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh”

Chào các cô cậu học trò lớp 6! Các cô cậu có biết ta là ai không? Ta là Sơn Tinh thần núi Tản Viên đây! Còn bên cạnh ta! Các cô cậu

hãy ngắm nhìn nàng thật đẹp phải không? Nàng chính là Mị Nương con gái của vua Hùng thứ 18, nàng không chỉ đẹp người mà còn rất đẹp nết. Để cưới được nàng ta phải trải qua trận giao tranh dữ dội ròng rã mấy tháng trời. Các cô cậu có muốn nghe về cuộc giao tranh ấy không? Hãy lắng im ta kể cho nghe nhé.

Lúc bấy giờ ta đang ở núi Tản Viên, nghe tin vua Hùng kén rể, ta lập tức đến ngay. Thế nhưng cùng đến một lúc với ta còn có Thuỷ Tinh người ở miền biển tài năng cũng không kém. Nếu ta có tài vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi, vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy đồi thì chàng lại có tài gọi gió, gió đến, hô mưa, mưa về. Vua Hùng ưng ý cả ta và Thuỷ Tinh nhưng con gái yêu của nhà vua thì chỉ có một. Vua không biết gả cho ai bèn mời bộ lạc vào bàn bạc, xong nhà vua phán:

– Sáng mai ai đem sính lễ đến trước sẽ được lấy công chúa.

Ta và Thuỷ Tinh cùng đồng thanh tâu:

– Bẩm đức vua, sính lễ cần sắm những gì? Vua bảo:

– Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng, và voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi.

Nghe xong ta mừng quá bởi sính lễ toàn là những sản vật ở núi rừng, ta không đến nỗi khó kiếm. Sáng hôm sau mới tỉnh mơ ta đã có mặt. Vua Hùng đồng ý cho ta rước nàng Mị Nương xinh đẹp về núi Tản. Kiệu hoa mới được nửa đường, bỗng đâu dông bão, mưa gió ồ ạt kéo đến. Quay đầu nhìn lại ta thấy Thuỷ Tinh đang dùng dùng nổi giận đem quân đuổi theo đòi cướp nàng Mị Nương của ta. Khắp nơi rung chuyển, nước dâng lên cuộn cuộn ngập cả ruộng đồng, nhà cửa, cả thành Phong Châu.

Ta không hề nao núng, hoá phép bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi ngăn chặn dông lũ. Nước càng dâng cao bao nhiêu, đồi núi lại cao lên bấy nhiêu, cứ thế ta với Thuỷ Tinh đánh nhau ròng rã suốt mấy tháng trời. Cuối cùng Thuỷ Tinh kiệt sức đành phải rút quân về. Ta và Mị Nương được sống hạnh phúc bên nhau cho đến bây giờ.

Thế nhưng, vẫn chưa hết đâu nhé. Thuỷ Tinh vẫn không quên nỗi đau, hàng năm lại dâng nước lên để đánh ta, và năm nào Thuỷ Tinh cũng bại trận. Các cô cậu chú ý mỗi lần mưa gió ùng ùng là ta và Thuỷ Tinh lại đang giao chiến với nhau đấy.

Đề 2: Đóng vai Lạc Long Quân kể lại câu chuyện “Con Rồng, cháu Tiên”.

Các con yêu quý của ta, bấy lâu nay ta bận quá không lên thăm các con được. Các con còn nhớ ta không? Còn nhớ tổ tiên nguồn gốc của mình không đấy? Thôi để ta kể cho các con nghe một lần nữa, và hãy nhớ cho thật kĩ đừng bao giờ quên nữa nhé.

Tổ tiên của chúng ta vốn ở miền đất Lạc Việt, thuộc nòi rồng. Ta là con trai của thần Long Nữ vì vậy ta có rất nhiều phép lạ và một sức khỏe vô địch. Lúc bấy giờ có rất nhiều bọn yêu quái và bọn Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh làm hại dân lành, ta đã tiêu trừ bọn chúng giúp dân lành, và dạy cho họ cách trồng trọt chăn nuôi. Nhưng ta vẫn thích sống ở thủy cung hơn là ở trên cạn.

Ta gặp Mẹ Âu Cơ của các con trong một trường hợp rất đặc biệt. Lúc mẹ đến thăm vùng đất Lạc vì nghe tiếng vùng này có nhiều hoa thơm cỏ lạ. Mẹ con vốn là người vùng núi cao ở phương Bắc thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần. Ta đã bị mẹ con chinh phục ngay trong buổi đầu gặp gỡ ấy, rồi thành vợ thành chồng sống ở cung điện Long Trang.

Các con được sinh ra không phải như bình thường mà trong một cái bọc gồm có trăm trứng. Rồi trăm trứng nở thành trăm người con, đứa nào cũng hồng hào, khôi ngô, tuấn tú và khỏe mạnh như ta. Ta vô cùng sung sướng mãi nguyện ngắm nhìn và sống cùng các con và Âu Cơ xinh đẹp của ta.

Thế nhưng các con biết rồi đấy, ta vốn quen ở nước không thể sống mãi ở trên cạn, cho nên ta phải đành tạm biệt Âu Cơ và các con trở về thủy cung để lại mẹ các con sống trong buồn tủi thương nhớ, chờ mong. Mẹ các con đã gọi ta lên mà than thở trách móc:

– Sao chàng bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi các con.

Thật ra không phải như vậy. Ta và mẹ các con vốn khác về nòi giống. Kẻ ở núi người ở biển, tính tình tập quán cũng khác nhau cho nên không thể ăn ở cùng nhau lâu dài. Vì vậy ta quyết định đưa năm mươi con xuống biển làm ăn sinh sống, còn mẹ các con đưa năm mươi con lên núi chia nhau cai quản các phương. Khi có việc thì giúp đỡ lẫn nhau, không bao giờ quên lời hẹn.

Anh cả của các con theo mẹ được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, có đầy đủ bá quan văn võ hùng mạnh và quy định luật lệ cha chết thì truyền ngôi cho con đến mãi về sau.

Các con, nghe rõ lời ta kể chưa. Như vậy tất cả các con đều là anh em một nhà đấy nhé. Đều là dòng dõi Rồng, Tiên cao quý. Các con phải biết sống xứng đáng, yêu thương và đùm bọc lẫn nhau các con nhé. Ta đi đây. Hẹn năm trăm năm sau ta sẽ trở lại thăm các con.

Đề 3. Đóng vai Lang Liêu kể lại truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy

Đố các bạn biết ta là ai?

Ta là Lang Liêu đây, con trai của Hùng Vương. Hẳn các bạn còn nhớ ta và chiếc bánh chưng, bánh giầy kì diệu phải không nào? Các bạn có biết vì sao ta lại làm ra được hai loại bánh đó không? Đó là cả một câu chuyện dài.

Vua cha ta sau khi đã dẹp yên giặc giã, nhân dân đã được ấm no. Thấy mình tuổi cao sức yếu ông muốn truyền ngôi lại cho con, nhưng ông có tới hai mươi người con trai ông không biết nên truyền ngôi cho ai. Và vua cha đã nghĩ ra một phương cách lựa chọn vô cùng sáng suốt. Nhân lễ Tiên Vương ai làm vừa ý vua cha sẽ truyền ngôi cho, mà không phân biệt con trưởng hay con thứ.

Ta vừa mừng vừa lo trước sự tuyên bố của vua cha bởi vì các Lang ai cũng muốn ngôi báu về mình họ thi nhau làm cỗ thật hậu, thật ngon để đem lễ Tiên Vương. Còn ta là con thứ mười tám của vua cha, mẹ ta trước đây bị vua cha ghẻ lạnh sinh buồn mất sớm. Từ nhỏ ta đã phải ở riêng không biết gì nhiều sự sang trọng trong cung nội, chỉ chăm lo việc đồng áng, trồng lúa, trồng khoai, biết lấy gì làm cỗ bây giờ. Ta băn khoăn, thao thức mãi không yên.

Một đêm ta nằm mộng thấy có một vị thần đến bảo:

– Trong trời đất không gì quý bằng hạt gạo, chỉ có gạo mới nuôi sống con người và ăn không bao giờ chán. Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên Vương.

Tỉnh dậy! Ta mừng quá, ngôi ngẫm nghĩ lời vị thần mách bảo. Càng nghĩ càng thấy đúng quá, chí lí quá. Ta chọn gạo nếp trắng tinh thơm lừng – lấy đậu xanh thịt lợn làm nhân – dùng lá dong gói lại thành hình vuông nấu như một ngày một đêm – làm thành loại bánh – nhưng ta phân vân chưa biết đặt tên cho loại bánh đó là gì. Để đổi vị đổi kiểu cũng tên nguyên liệu đó ta giã nhuyễn nặn thành hình tròn – Và loại bánh này ta cũng chưa biết đặt tên là gì?

Đến ngày lễ Tiên Vương ta mang bánh tới hội họp chờ đợi, bởi vì các lang, lang nào cũng mang đến bao nhiêu sơn hào hải vị, nem công chả phượng, còn mâm cỗ của ta thì lại rất giản dị. Thế nhưng các bạn biết không, mâm cỗ của ta lại được vua cha ưng ý nhất. Và được vua chọn đem tế Trời, Đất, cùng Tiên Vương.

Tất cả mọi người và các quan cận thần ai cũng tấm tắc khen bánh ngon. Bánh của ta còn được vua cha đặt cho cái tên rất ý nghĩa. Vua cha lý giải:

– Bánh hình tròn là tượng Trời đặt tên là bánh giầy. Bánh hình vuông là tượng Đất đặt tên là bánh chưng.

Ta được vua cha truyền ngôi với ý nguyện có sự kế thừa xứng đáng. Ghi nhớ lời dạy bảo của vị thần và tâm nguyện của vua cha, ta đã chăm lo phát triển nghề trồng trọt và chăn nuôi dưới triều đại của mình, để cho muôn dân được no ấm.

Các bạn nhỏ, và mọi người đừng quên làm bánh chưng, bánh giầy vào mỗi dịp tết đến xuân về đấy nhé. Hãy biết quý trọng và nâng niu hạt gạo làm ra, bởi đây là hạt ngọc của đất trời.

Bài 5

- Sọ Dừa
- Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ
- Lời văn, đoạn văn tự sự

SỌ DỪA

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

• *Truyện cổ tích: Loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc:*

– *Nhân vật bất hạnh (như: người mồ côi, người con riêng, người em út, người có hình dạng xấu xí...).*

– *Nhân vật dũng sĩ và nhân vật có tài năng kì lạ.*

– *Nhân vật thông minh và nhân vật ngốc nghếch.*

– Nhân vật là động vật (con vật biết nói năng, hoạt động, tính cách như con người).

Truyện cổ tích thường có yếu tố hoang đường, thể hiện ước mơ niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, sự công bằng đối với sự bất công.

• Sọ Dừa là truyện cổ tích về người mang lột vật – kiểu nhân vật khá phổ biến trong cổ tích Việt Nam và thế giới.

– Nhân vật chính của loại truyện cổ tích này có hình hài dị dạng, thường mang lột vật, bị mọi người xem thường, coi là vô tích sự. Nhưng đây là nhân vật có phẩm chất tài năng đặc biệt.

Cuối cùng, nhân vật trút bỏ lột vật, kết hôn cùng người đẹp, sống cuộc đời hạnh phúc. Truyện Sọ Dừa đề cao giá trị chân chính của con người và tình thương đối với người bất hạnh.

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu 1: Sự ra đời của Sọ Dừa có gì khác thường? Qua đó nhân dân muốn thể hiện điều gì? Và chú ý đến những con người như thế nào trong xã hội xưa.

+ Sự ra đời khác thường của Sọ Dừa:

– Thụ thai khác thường: Mẹ sọ dừa đến bên gốc cây đựng đầy nước mưa, bà uống và có mang.

– Lúc sinh ra: hình dạng kì dị khác thường, không chân, không tay, tròn như một quả dừa, nhưng lại biết nói.

+ Ý nghĩa:

– Đây là loại truyện người mang lột vật, có bề ngoài xấu xí, dị dạng.

– Nhân vật mồ côi bất hạnh (cha mất sớm, đau khổ, số phận kém may mắn, cần đến sự cảm thông và chia sẻ của mọi người).

Câu 2: Sự tài giỏi của Sọ Dừa được thể hiện qua những chi tiết nào? Em có nhận xét gì về quan hệ giữa hình dạng bên ngoài và phẩm chất bên trong của nhân vật.

+ Sự tài giỏi của Sọ Dừa:

– Là người lao động giỏi: chàng chăn bò rất giỏi, đàn bò của chàng con nào con nấy cũng no căng.

– Là người thổi sáo rất hay: tiếng sáo véo von khiến cho cô út phải ngạc nhiên tò mò để rình. Hình ảnh chàng ngồi thổi sáo thật

đẹp giống như ở chốn bồng lai tiên cảnh. Chàng trai khôi ngô, ngồi trên võng đào, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ.

– Là người có tài biến hoá: biến hoá về hình hài từ Sọ Dừa → thành chàng trai, từ chàng trai → Sọ Dừa.

. Biến hoá ra nhiều phẩm vật quý giá để làm sính lễ cưới vợ: váy gấm, lụa đào, lợn béo, rượu tăm, gia nhân...

– Là người rất thông minh: thi đỗ Trạng nguyên, làm quan to.

+ Nhận xét về hình dạng bên ngoài và phẩm chất bên trong:

Hình dạng bên ngoài và phẩm chất bên trong của Sọ Dừa có sự đối lập đến mức cực đoan.

– Bên ngoài hết sức dị dạng xấu xí.

– Phẩm chất bên trong thì lại hết sức tuyệt vời.

⇒ Ý nghĩa: Phải chăng nhân dân ta muốn nhắn nhủ mọi người đừng nên lấy hình thức bên ngoài mà đánh giá con người. Đánh giá con người phải căn cứ vào nội dung bên trong, đó là tài năng, trí tuệ, tâm hồn của họ.

Câu 3. Tại sao cô út lại bằng lòng lấy Sọ Dừa? Em có nhận xét gì về nhân vật cô út ?

+ Lí do cô út bằng lòng lấy Sọ Dừa:

– Là người hiền lành nhân hậu: cô vốn rất hiền lành, tính hay thương người – đối đãi tử tế với Sọ Dừa – trong khi hai cô chị thì ác nghiệt.

– Là người có đôi mắt tinh tường: bằng tấm lòng nhân hậu cô út đã phát hiện ra vẻ đẹp và tài năng của Sọ Dừa khi đang ở trong hình hài xấu xí. Cô yêu Sọ Dừa chân thành.

– Là người giàu bản lĩnh, nghị lực, thông minh: biết ứng xử tình huống khó khăn. Lấy dao rạch bụng cá để chui ra, lấy đá đánh lửa nướng cá sống trên đảo, trứng nở ra gà để gáy báo cho thuyền quan trạng.

+ Nhận xét:

– Dù là nhân vật phụ, nhưng cô út đã để lại trong lòng người đọc rất nhiều thiện cảm tốt đẹp: Cô là người hiền lành, thông minh, đáng yêu, cô xứng đáng với hạnh phúc mà mình được hưởng.

– Qua nhân vật cô út dụng ý của tác giả dân gian nhằm tô đậm hơn ranh giới giữa cái tốt và cái xấu, cái thiện và cái ác, và triết lý ở hiền gặp lành.

Câu 4. Trong truyện, Sọ Dừa có hình dạng xấu xí nhưng cuối cùng đã trút bỏ lột, cùng cô út hưởng hạnh phúc, còn hai cô chị thì phải bỏ nhà trốn đi. Em thấy người lao động ước mơ điều gì ?

+ Ước mơ về sự đổi đời: Từ một Sọ Dừa có hình dạng xấu xí nghèo khổ, sống cảnh mẹ già con cô phải chăn bò thuê cho phú ông cuối cùng trở thành một chàng trai khôi ngô, tuấn tú, thông minh, giỏi giang, đỗ đạt, làm quan to, lấy được vợ xinh đẹp, hiền thực thủy chung ⇒ Những người lao động nghèo khổ, bất hạnh ước mơ có cuộc sống giàu sang, hạnh phúc.

+ Ước mơ về một sự công bằng: cô út xinh đẹp, hiền lành, thương người thì được sống hạnh phúc. Còn hai cô chị độc ác, gian xảo thì phải gánh chịu hậu quả do mình gây ra ⇒ Những người ở hiền được gặp lành, những kẻ gieo gió phải chịu gặt bão.

Câu 5. Hãy nêu ý nghĩa của truyện Sọ Dừa

+ Đề cao ca ngợi vẻ đẹp bên trong của con người, không nên lấy hình thức bên ngoài để đánh giá giá trị con người.

+ Đề cao lòng nhân ái, đặc biệt là đối với những số phận kém may mắn.

+ Ước mơ về sự công bằng, về sự đổi đời của những con người hiền lành, nghèo khổ, bất hạnh.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Kể về những nhân vật xấu xí mà tài ba này, tác giả dân gian xưa thật sự muốn đem đến cho ta thấy số phận của một loại người vốn bị xã hội xưa hắt hủi, sống cô đơn. Song, với cái nhìn nhân đạo nhân dân đã cho họ đổi đời, đã bộc lộ ở họ những đức tính quý báu cũng như tài năng vô hạn. Rồi cũng chính bằng tấm lòng nhân đạo ấy nhân dân ta đã đưa đến một kết thúc tốt đẹp cho cuộc đời nhân vật: vĩnh viễn sung sướng, hạnh phúc vợ chồng sum họp. Chất lạc quan tràn đầy ở các hình tượng nhân vật xấu xí mà tài ba trong các cốt truyện về đề tài này.

(Nguyễn Thị Huệ – Nhân vật xấu xí tài ba
trong truyện cổ tích Việt Nam)

Sọ Dừa sinh ra là một cục thịt tròn lông lóc, có mặt mũi, miệng, tai nhưng không có mình mấy chân tay. Bản chất tốt đẹp của Sọ Dừa còn phải ẩn kín trong cái lớp “sọ” xấu xí gớm ghiếc... Đó là một thử thách cực kì to lớn, khó khăn mà nhân vật phải trải kinh qua để khẳng định và bộc lộ bản chất tốt đẹp của mình.

(Hoàng Tiến Tựu, Bình giảng truyện dân gian)

TỪ NHIỀU NGHĨA VÀ HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- Từ có thể có một nghĩa hay nhiều nghĩa.
- **Chuyển nghĩa** là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ, tạo ra những từ nhiều nghĩa.
- Trong từ nhiều nghĩa có:
 - **Nghĩa gốc** là nghĩa xuất hiện từ đầu, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác.
 - **Nghĩa chuyển** là nghĩa được hình thành trên cơ sở nghĩa gốc.
- Thông thường trong câu, từ chỉ có một nghĩa nhất định. Tuy nhiên trong một số trường hợp, từ có thể được hiểu đồng thời theo cả nghĩa gốc lẫn nghĩa chuyển.

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

1. Từ nhiều nghĩa

a) Đọc bài thơ

NHỮNG CÁI CHÂN

Cái gậy có một **chân**

Biết giúp bà khỏi ngã.

Chiếc com pa bố vẽ

Có **chân** đứng, chân quay.

Cái kiềng đun hàng ngày

Ba **chân** xòe trong lửa

Chẳng bao giờ đi cả

Là chiếc bàn bốn **chân**

Riêng cái vông Trường Sơn

Không **chân** đi khắp nước.

(Vũ Quần Phương)

b) Bài thơ trên có năm từ *chân*.

c) Nghĩa từ *chân* trong từ điển Tiếng Việt:

- *Chân* một bộ phận của cơ thể người hay động vật, dùng để đi đứng, thường được coi là biểu tượng của hoạt động đi lại của con người (què chân; nước đến chân mới nhảy; nhắm mắt đưa chân).
- *Chân* con người coi là biểu tượng của cương vị, phận sự của một người với tư cách là thành viên của một tổ chức (có chân trong hội đồng; thiếu một chân tổ tôm).
- Một phần tử con vật có bốn chân, khi chung nhau sử dụng hoặc chia nhau thịt (Đánh đưng một chân lợn).
- Bộ phận dưới cùng của một số đồ dùng tác dụng đỡ cho những bộ phận khác (chân đèn, chân giường).
- Phần dưới cùng của một số vật, tiếp giáp và bám chặt vào mặt nền (chân núi, chân tường, chân răng).
- Âm tiết trong câu thơ ở ngôn ngữ nhiều nước phương Tây (câu thơ tiếng Pháp mười hai chân).

d) Tìm thêm một số từ khác có nhiều nghĩa như từ *chân*:

- bén
- chạm tới (lúc nào cũng vội vã chân bước không bén đất);
 - chạm tới và bắt đầu bị tác động hay tác động (bén lửa);
 - bắt đầu bám vào đất (mạ đã bén rễ);
 - bắt đầu quen bắt đầu gắn bó (con bén hơi mẹ).
- bẫy
- dụng cụ thô sơ để lừa bắt, giết kẻ địch (chim sa vào bẫy, bẫy chông).
 - cách bố trí sẵn để lừa cho người ta mắc vào (tên cướp bị sa bẫy).

2. Hiện tượng chuyển nghĩa của từ

a) Mối liên hệ giữa các nghĩa của từ *chân* → chỉ phần dưới cùng của bộ phận cơ thể của đồ vật → mối liên hệ đó chính là nguyên nhân tạo ra sự chuyển nghĩa.

b) Trong một câu cụ thể, một từ thường được dùng với nghĩa nhất định.

c) Nghĩa của từ *chân* trong bài thơ “Những cái chân”.

Nghĩa gốc: Riêng cái vồng Trường Sơn
Không chân đi khắp nước.

Nghĩa chuyển: Chân của cái gậy, chân của cái kiềng, chân của cái bàn, chân của chiếc compa.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy tìm ba từ chỉ bộ phận cơ thể người và kể ra một số ví dụ về sự chuyển nghĩa của chúng.

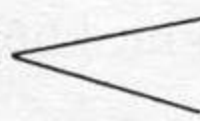
- Lưng
- Nghĩa gốc: phần cơ thể của người, động vật dọc theo sống lưng (cụ già lưng còng)
 - Nghĩa chuyển: phía sau của một vật (nhà quay lưng ra hồ)
 - Phần ghế để tựa lưng khi ngồi (lưng ghế)

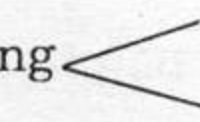
- Tay
- Nghĩa gốc: bộ phận phía trên của cơ thể, từ vai đến các ngón dùng để cầm nắm, thường được coi là biểu tượng của lao động
 - Nghĩa chuyển: người giỏi về một môn nào đó (tay ăn nói)
Người làm một nghề nào đó mà vốn không thông thạo, không chuyên (tay ngang)

- Đầu
- Nghĩa gốc: phần trên của cơ thể con người, hay phần trước nhất của cơ thể động vật nơi có bộ óc và nhiều giác quan
 - Nghĩa chuyển:
 - . Phần trước nhất trên cùng của một số đồ vật (đầu máy bay)
 - . Phần có điểm xuất phát của một khoảng không gian hoặc thời gian đối lập với cuối (đi đầu tỉnh đến cuối tỉnh)
 - . Tả tuổi hoàn toàn về già (đầu bạc răng long)
 - . Chỉ tính ngang bướng khó bảo (đầu bò).

Câu 2. Trong tiếng Việt, có một số từ chỉ bộ phận của cây cối được chuyển nghĩa để cấu tạo từ chỉ bộ phận của cơ thể người. Hãy kể ra những trường hợp chuyển nghĩa đó.

Lá  Bộ phận cây cối: lá cây
Bộ phận cơ thể: lá phổi, lá gan

Quả  Bộ phận cây cối: hoa quả
Bộ phận cơ thể người: quả thận, quả tim

Buồng  Bộ phận cây cối: buồng cau, buồng chuối
Bộ phận cơ thể: buồng tim, buồng phổi

Câu 3. Dưới đây là một số hiện tượng chuyển nghĩa của từ tiếng Việt. Hãy tìm thêm cho mỗi hiện tượng chuyển nghĩa đó ba ví dụ minh họa.

a) Chỉ sự vật chuyển thành chỉ hành động:

cái cửa (danh từ) → cửa gỗ (động từ)

cái bào (danh từ) → bào gỗ (động từ)

cái sàng (danh từ) → sàng gạo (động từ)

cái quạt (danh từ) → quạt lúa (động từ)

b) Chỉ hành động chuyển thành chỉ đơn vị:

gánh củi → một gánh củi

Nắm tay lại → một nắm tay

Gói xôi đi → một gói xôi

Bó gọn lại → năm bó rau

Câu 4. Đọc đoạn trích dưới đây và trả lời câu hỏi:

NGHĨA CỦA TỪ BỤNG

Thông thường khi nói đến ăn uống hoặc cảm giác về ăn uống, ta nghĩ đến bụng. Ta vẫn thường nói: Đói bụng, no bụng, ăn cho chắc bụng, con mắt to hơn cái bụng... Bụng được dùng với nghĩa “bộ phận cơ thể người hoặc động vật chứa ruột, dạ dày”.

Nhưng cụm từ nghĩ bụng, trong bụng mừng thầm, bụng bảo dạ, định bụng... thì sao? Và hàng loạt cụm từ như thế nữa: Suy bụng ta ra bụng người, đi guốc trong bụng, sống để bụng chết mang theo... Trong những trường hợp này, từ bụng được hiểu theo cách khác: bụng là biểu tượng của ý nghĩ sâu kín, không bộc lộ ra ngoài, đối với người, với việc nói chung.

(Theo Hoàng Dĩ Đình)

a) Trong đoạn văn trên tác giả nêu lên hai nghĩa của từ *bụng*:

+ Nghĩa gốc: *bụng* được dùng với nghĩa là bộ phận của cơ thể người hoặc động vật chứa ruột, dạ dày.

+ Nghĩa chuyển: là biểu tượng của ý nghĩ sâu kín, không bộc lộ ra ngoài, đối với người, với việc nói chung.

b) Nghĩa của từ *bụng* trong các trường hợp:

+ Ăn cho ấm bụng → nghĩa gốc từ *bụng* chỉ một bộ phận trong cơ thể con người.

+ Anh ấy tốt bụng → nghĩa chuyển, từ *bụng* biểu tượng cho tấm lòng của anh ấy.

+ Chạy nhiều, bụng chân rất săn chắc → nghĩa gốc, chỉ bộ phận của cơ thể.

LỜI VĂN, ĐOẠN VĂN TỰ SỰ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

• **Văn tự sự** chủ yếu là văn kể người và kể việc. Khi kể người thì có thể giới thiệu tên, họ, lai lịch, quan hệ, tính tình, tài năng, ý nghĩ của nhân vật. Khi kể việc thì kể các hành động, việc làm, kết quả và sự thay đổi do các hành động ấy đem lại.

• Mỗi đoạn văn thường có một ý chính, diễn đạt thành một câu gọi là **câu chủ đề**. Các câu khác diễn đạt những ý phụ dẫn đến ý chính đó, hoặc giải thích cho ý chính, làm cho ý chính nổi lên.

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

* **Lời văn, đoạn văn tự sự**

1) **Lời văn giới thiệu nhân vật**

Đọc từng câu trong đoạn văn và trả lời câu hỏi:

1. Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương nàng hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.

2. Một hôm có hai chàng trai đến cầu hôn. Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ [...] Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người

miền biển, tài năng cũng không kém [...] Người ta gọi chàng là Thuỷ Tinh [...] Cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng.

(Sơn Tinh, Thuỷ Tinh)

+ Các câu văn giới thiệu: tên, lai lịch, quan hệ, tính tình, tài năng của các nhân vật.

– Giới thiệu tên: Tên là Mị Nương, chàng là Sơn Tinh, chàng là Thuỷ Tinh.

– Lai lịch: Con gái vua Hùng thứ mười tám

Người ở núi Tản Viên

Người ở miền biển

– Quan hệ: Được vua cha yêu thương hết mực

Cùng đến cầu hôn

– Tính tình: Hiền dịu

– Tài năng: Cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng.

+ Câu văn giới thiệu thường dùng những từ, cụm từ: là, có và kể theo ngôi thứ ba: chàng trai, người con gái.

2) Lời văn kể sự việc

Đọc đoạn văn:

a) *Thuỷ Tinh đến sau, không lấy được vợ, dùng dùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió làm thành dông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lên trên một biển nước.*

(Sơn Tinh, Thuỷ Tinh)

+ Đoạn văn trên dùng rất nhiều động từ chỉ hành động để diễn tả hành động của nhân vật: *nổi giận, đuổi theo, đòi cướp, hô mưa, gọi gió, dâng nước.*

+ Những hành động đó tập trung làm nổi rõ ý: “Thuỷ Tinh đến sau không lấy được vợ, dùng dùng nổi giận đem quân đánh Sơn Tinh”.

+ Các hành động đó được kể theo thứ tự trước sau của dòng thời gian

+ Hành động của Thuỷ Tinh dẫn đến kết quả thành Phong Châu nổi lên trên mặt nước.

+ Lời kể về nước ngập nhà cửa, nước ngập ruộng đồng, nước dâng lên sườn đồi... Tạo ấn tượng về cảnh một biển nước mênh mông ngập tràn lên tất cả, phá huỷ mọi vật ⇒ Cơn ghen ghê gớm của Thủy Tinh.

b) Đoạn văn

+ Ý chính của mỗi đoạn văn

Đoạn 1: Muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.

Đoạn 2: Cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng.

Đoạn 3: Thủy Tinh đến sau không lấy được vợ, dùng dùng nổi giận đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương.

II. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi:

Đoạn	Nội dung đoạn văn	Câu chủ đề	Thứ tự triển khai
a	Kể về việc chăn bò của Sọ Dừa	Câu chăn bò rất giỏi	– Câu trước nói chung, câu sau cụ thể hoá, giải thích
b	Kể về thái độ của ba cô con gái phú ông đối với Sọ Dừa	Ngày mùa tôi tớ ra đồng làm cả, phú ông có ba cô con gái thay nhau đưa cơm cho Sọ Dừa	Câu trước nói chung, câu sau giải thích cụ thể
c	Kể về tính trẻ con của cô hàng nước	Và tính cô cũng như tuổi cô còn trẻ con lắm	Nêu câu chung trước, câu sau giải thích cụ thể.

Câu 2. Đọc hai câu văn sau, theo em, câu nào đúng câu nào sai, vì sao ?

a) Người gác rừng cưỡi ngựa, lao vào bóng chiều, nhảy lên lưng ngựa, đóng chắc chiếc yên ngựa.

b) Người gác rừng đóng chắc chiếc yên ngựa, nhảy lên lưng ngựa, rồi lao vào bóng chiều.

+ Câu đúng là câu b.

+ Vì: Triển khai theo thứ tự trước sau. Hành động nào làm trước thì kể trước, hành động làm sau kể sau.

Câu a, trật tự lộn xộn → câu văn vô lí về mặt thực tế.

Câu 3. Hãy viết câu giới thiệu các nhân vật Thánh Gióng, Lạc Long Quân, Âu Cơ, Tuệ Tĩnh.

+ Nhân vật Lạc Long Quân

Ngày xưa ở miền đất Lạc Việt có một vị thần thuộc nòi rồng, tên là Lạc Long Quân, là con trai của thần Long Nữ. Vì nòi rồng nên thần thường sống dưới nước. Thần có sức khoẻ rất phi thường và lắm phép lạ. Thần không chỉ giúp dân trừ yêu quái mà còn dạy dân cách chăn nuôi trồng trọt.

+ Nhân vật Âu Cơ

Ở vùng núi phía Bắc có một nàng tên là Âu Cơ, xinh đẹp tuyệt trần, nàng dòng họ Thần Nông.

+ Nhân vật Thánh Gióng

Đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai ông bà sinh được một cậu bé mặt mũi khôi ngô. Nhưng đứa bé cho đến khi lên ba vẫn không biết nói, biết cười.

+ Nhân vật Tuệ Tĩnh

Tuệ Tĩnh Thiên Sư quê ở Cẩm Giàng, Hải Dương, từ nhỏ mồ côi, được nuôi dạy ở chùa, sau tu ở chùa Hộ Xá, Nam Định. Ông là một danh y lỗi lạc đời Trần.

Câu 4. Viết đoạn văn kể chuyện Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt xông trận, ngựa phun lửa giết giặc Ân và đoạn kể chuyện Thánh Gióng khi roi sắt gãy, đã nhổ tre đằng ngà tiếp tục đánh đuổi quân giặc.

+ Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt xông trận

Gióng mặc áo giáp sắt, cầm roi sắt, nhảy lên mình ngựa. Ngựa hí vang, phi như bay xông thẳng đến nơi có giặc Ân. Gióng cầm roi sắt vung lên vút vút, roi sắt vung đến đâu quân giặc chồng xếp đến đấy. Ngựa sắt phun lửa đốt cháy quân thù. Thật là một trận đánh hào hùng.

+ Đoạn Thánh Gióng khi roi sắt gãy

Thế trận đang bưng bưng, bỗng roi sắt của Gióng bị gãy, phía trước quân giặc vẫn cứ ào ạt xông lên. Gióng bèn nhổ những bụi tre làm vũ khí thay roi sắt tấn công vào bọn giặc. Những đứa sống sót hốt hoảng bỏ chạy. Tráng sĩ đuổi quân giặc đến tận chân núi Sóc Sơn.

Bài 6

- Thạch Sanh
- Chữa lỗi dùng từ
- Trả bài tập làm văn số 1

THẠCH SANH

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

THẠCH SANH là truyện cổ tích về người dũng sĩ diệt chằn tinh, diệt đại bàng cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong nhân bội nghĩa và chống quân xâm lược. Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, yêu hoà bình của nhân dân ta.

• *Truyện có nhiều chi tiết tưởng tượng thần kì, độc đáo và giàu ý nghĩa (như sự ra đời và lớn lên kì lạ của Thạch Sanh, cung tên vàng, cây đàn thần, niêu cơm đất).*

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh có gì khác thường? Kể về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh như vậy, theo em nhân dân muốn thể hiện điều gì?

+ Sự ra đời và lớn lên kì lạ của Thạch Sanh

– Thạch Sanh có nguồn gốc xuất thân từ thần tiên, là người Trời (thực tế con của Ngọc Hoàng đầu thai).

– Người mẹ mang thai đến mấy năm mới sinh ra Thạch Sanh.

– Lớn lên Thạch Sanh được các thần tiên dạy đủ các phép thần thông, võ nghệ.

+ Ý nghĩa

– Thạch Sanh ra đời và có nguồn gốc Thần Linh đem đến cho câu chuyện sự hấp dẫn, li kì.

– Hè mở nhân vật sẽ lập nên nhiều chiến công phi thường.

– Dù thần linh nhưng Thạch Sanh vẫn rất gần gũi với nhân dân ở thân phận mồ côi.

Câu 2. Trước khi kết hôn với công chúa, Thạch Sanh đã trải qua những thử thách như thế nào? Thạch Sanh bộc lộ phẩm chất gì qua những lần thử thách ấy?

+ Những thử thách mà Thạch Sanh trải qua trước khi kết hôn với công chúa:

- Bị lừa đi canh miếu và giết chẵn tinh.
- Xuống hang diệt đại bàng cứu công chúa.
- Bị Lý Thông lừa nhốt trong hang.
- Cứu con vua thủy tề.
- Bị hôn chẵn tinh và đại bàng trả thù.
- Đánh lui binh mười tám nước (sau khi kết hôn).

+ Nhận xét:

– Những thử thách mà Thạch Sanh trải qua càng ngày càng khó hơn và khó khăn càng nhiều, càng cao thì phẩm chất và tài năng của Thạch Sanh càng rực rỡ.

- Những thử thách ở rất nhiều phương diện khác nhau:
 - Sự hung bạo của thiên nhiên (chẵn tinh, đại bàng).
 - Sự thâm độc của kẻ xấu.
 - Sự xâm lược của kẻ thù.

+ Phẩm chất của Thạch Sanh bộc lộ qua thử thách:

- Là người vô tư hết lòng giúp đỡ người khác.
- Là người dũng mãnh, có sức khỏe phi thường.
- Là người yêu chuộng hoà bình và công lí.

Thạch Sanh là nhân vật lí tưởng mà nhân dân ước ao và ngưỡng mộ.

Câu 3. Trong truyện hai nhân vật Thạch Sanh và Lý Thông luôn đối lập nhau về tính cách và hành động. Hãy chỉ ra sự đối lập nhau.

Thạch Sanh	Lý Thông
Cả tin thật thà • Tin lời đi canh miếu thay. • Tin lời chẵn tinh của vua nuôi. • Tin lời xuống hang cứu công chúa.	Lừa lọc – xảo quyệt • Lừa Thạch Sanh tới ba lần. • Lừa để Thạch Sanh thế mạng cho mình.

Thạch Sanh	Lý Thông
	• Lừa để cướp công phong quận công. • Lừa để lấy công chúa.
Vị tha nhân hậu. Bị Lý Thông hãm hại rất nhiều nhưng vẫn không trả thù, mà tha chết cho về quê làm ăn.	Tàn nhẫn, vô lương tâm. Lợi dụng tình anh em kết nghĩa để bóc lột sức lao động của Thạch Sanh.
Là người anh hùng, tài giỏi	Tìm cách giết hại Thạch Sanh để cướp công, và lấy công chúa (giết người khác để mình hưởng vinh hoa phú quý)
Là người cao cả.	Là kẻ bạc nhược, Kẻ thấp hèn.
Đại diện cho cái THIỀN.	Đại diện cho các ÁC.

Câu 4. Truyện Thạch Sanh có nhiều chi tiết thần kì, trong đó đặc sắc nhất là chi tiết tiếng đàn và niêu cơm dãi quân sĩ mười tám nước chư hầu. Em hãy nêu ý nghĩa của các chi tiết đó.

+ Ý nghĩa của tiếng đàn kì diệu:

– Tiếng đàn của tâm hồn, của tình yêu (tiếng đàn thể hiện tâm hồn nghệ sĩ yêu đời của Thạch Sanh, và nhờ tiếng đàn ấy Thạch Sanh đã bắt được nhịp cầu đến với công chúa).

– Tiếng đàn giải oan, vạch trần tội ác (giải nỗi oan khuất cho Thạch Sanh, và vạch trần tội ác của mẹ con Lý Thông).

– Tiếng đàn của hoà bình và công lí (tiếng đàn đã làm mềm lòng, nhụt chí đội quân của mười tám nước chư hầu – bởi đây là tiếng nói của hoà bình chính nghĩa, đó là nghệ thuật mưu phạt công tâm – đánh vào lòng người).

+ Ý nghĩa của niêu cơm thần kì:

– Niêu cơm vô tận (ăn mãi không hết, xới mãi vẫn đầy).

– Niềm cơ của hoà bình và nhân đạo (đối xử khoan hồng tử tế với kẻ bại trận).

– Là khát vọng muôn đời của nhân dân về cơ no áo ấm.

Câu 5. Ý nghĩa của phần kết thúc truyện, nhân dân ta muốn thể hiện điều gì? Kết thúc ấy có phổ biến trong truyện cổ tích không? Hãy nêu một số ví dụ.

+ Kết thúc truyện:

Thạch Sanh kết hôn cùng công chúa Quỳnh Nga và lên nối ngôi vua, còn mẹ con Lý Thông bị sét đánh chết hoá thành kiếp bọ hung.

+ Ý nghĩa:

– Thể hiện khát vọng về cuộc sống công bằng (người hiền lành phải được sống hạnh phúc, kẻ tham lam độc ác phải bị trừng trị).

– Ước mơ người có tài năng được sử dụng đúng vị trí, không phân biệt thành phần xuất thân (Thạch Sanh nối ngôi vua).

+ Đây là kết thúc phổ biến mà ta thường gặp trong truyện cổ tích:

– *Truyện Tấm Cám* – Mẹ con Cám độc ác phải chết, cô Tấm hiền lành xinh đẹp trở thành hoàng hậu sống hạnh phúc.

– *Truyện Sọ Dừa*: Hai cô chị kiêu kì, ác độc phải bỏ đi biệt xứ, còn cô út nhân hậu, tốt bụng làm bà trạng sống hạnh phúc với người chồng tài hoa.

⇒ Triết lí mà người dân muốn gửi gắm qua ba câu chuyện: Ở hiền gặp lành.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Nếu vẽ bức tranh minh hoạ cho truyện Thạch Sanh, em chọn chi tiết nào trong truyện để vẽ? Vì sao? Em đặt cho bức tranh minh hoạ ấy tên gọi như thế nào?

Trong truyện có rất nhiều chi tiết để chúng ta vẽ thành bức tranh đẹp có ý nghĩa, tùy theo sở thích của mỗi người chúng ta có thể lựa chọn chi tiết mà mình yêu thích nhất, và đặt một tên gọi phù hợp cho bức tranh của mình.

Thứ tự	Chi tiết có thể vẽ tranh	Nhan đề cho bức tranh
1	Chi tiết Thạch Sanh sống ở gốc cây đa, gia tài chỉ có lưỡi búa cha để lại, mình trần, đóng khố	Chàng trai đất Việt
2	Thạch Sanh đánh nhau với chằn tinh ở miếu	Thạch Sanh đánh nhau với chằn tinh
3	Thạch Sanh đánh nhau với đại bàng ở dưới hang sâu	Thạch Sanh đánh nhau với đại bàng
4	Thạch Sanh gảy đàn ở trong ngục	Tiếng đàn giải oan
5	Thạch Sanh gảy đàn đánh lui quân lính của mười tám nước chư hầu	Tiếng đàn hoà bình
6	Niêu cơm thần của Thạch Sanh thết đãi cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ	Niêu cơm thần

Câu 2. Hãy kể diễn cảm truyện Thạch Sanh.

Muốn kể diễn cảm câu chuyện phải chú ý hai điều sau:

- + Nắm vững nội dung câu chuyện.
- + Xác định giọng kể phù hợp cho mỗi đoạn.

IV. HƯỚNG DẪN TƯ LIỆU THAM KHẢO

Thật khó có thể tìm thấy trong kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam một tác phẩm vừa lớn về đề tài nội dung, vừa phong phú về loại hình nhân vật và chặt chẽ, hoàn chỉnh về kết cấu nghệ thuật như truyện Thạch Sanh.

Ở đây vừa có đấu tranh thiên nhiên chống các loại ác thú (ở trên trời là đại bàng, ở mặt đất là chằn tinh, trong hang động là hồ tinh), vừa có đấu tranh giai cấp trong xã hội (giữa Thạch Sanh và Lý Thông). Lại có cả đấu tranh dân tộc chống ngoại xâm (với quân mười tám nước chư hầu, và đấu tranh cho tình yêu đôi lứa (giữa Thạch Sanh và công chúa)

...

[...] Có thể nói trong những nhân vật chính diện mà truyện cổ tích Việt Nam đã xây dựng nên, Thạch Sanh là con người đẹp nhất, tiêu biểu nhất và hoàn hảo nhất.

[...] Việc để Thạch Sanh tha bổng cho mẹ con Lý Thông là ý đồ nghệ thuật rất độc đáo và cao tay của tác giả dân gian, nhằm làm cho tính cách nhân vật Thạch Sanh phát triển nhất quán và hoàn hảo.

(Theo Hoàng Tiến Trực – Bình giảng truyện dân gian)

CHỮA LỖI DỪNG TỪ

I. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

1. Lặp từ

Gạch chân dưới những từ ngữ giống nhau trong các câu dưới đây:

a) Gậy **tre**, chông **tre** chống lại sắt thép của quân thù. **Tre** xung phong vào xe tăng, đại bác. **Tre** giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. **Tre** hi sinh để bảo vệ con người. **Tre**, anh hùng lao động! **Tre**, anh hùng chiến đấu!

(Thép Mới)

b) **Truyện dân gian** thường có nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo nên em rất thích đọc **truyện dân gian**.

+ Việc lặp từ ở ví dụ *a* và *b* là hoàn toàn khác nhau:

– Lặp từ ở ví dụ *a* có dụng ý nhấn mạnh và làm tăng tính biểu cảm.

– Lặp từ ở đoạn *b* thể hiện sự rườm rà.

+ Chữa lại câu mắc lỗi:

Truyện dân gian thường có nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo nên em rất thích đọc.

2. Lẫn lộn các từ gần âm

Trong hai câu sau:

a) Ngày mai, chúng em sẽ đi thăm quan viện bảo tàng của tỉnh.

b) Ông họa sĩ già nhấp nháy bộ ria mép quen thuộc.

+ Từ dùng không đúng của hai câu trên là: thăm quan, nhấp nháy

+ Nguyên nhân: do lẫn lộn với các từ gần âm:

• Tham quan → thăm quan;

• Bộ ria mép thì không thể nhấp nháy mà phải mấp máy.

+ Sửa lại:

a) Ngày mai chúng em sẽ đi **tham quan** ở Viện bảo tàng của tỉnh.

b) Ông họa sĩ già **mấp máy** bộ ria mép quen thuộc.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy lược bỏ những từ ngữ trùng lặp trong các câu sau:

Những từ in đậm trong mỗi đoạn làm cho câu văn trở nên rườm rà ta lược bỏ nó.

a) Bạn Lan là một lớp trưởng gương mẫu nên cả lớp ai cũng **đều rất lấy làm** quý mến bạn Lan.

b) Sau khi nghe cô giáo kể câu chuyện ấy, chúng tôi ai cũng thích những nhân vật trong câu chuyện **này** vì những nhân vật ấy đều là **những nhân vật** có phẩm chất đạo đức tốt đẹp.

c) Quá trình vượt núi cao cũng là quá trình con người trưởng thành, **lớn lên**.

Câu 2. Hãy thay từ dùng sai trong các câu dưới đây bằng những từ khác. Theo em, nguyên nhân chủ yếu của việc dùng từ sai đó là gì?

a) Tiếng Việt có khả năng diễn tả **linh động** mọi trạng thái tình cảm của con người.

Sửa lại: Tiếng Việt có khả năng diễn tả sinh động mọi trạng thái tình cảm của con người.

b) Có một số bạn còn **bàng quang** với lớp.

Sửa lại: Có một số bạn còn bàng quan với lớp.

c) Vùng này có khá nhiều **hủ tục** như: ma chay, cưới xin đều cỗ bàn linh đình; ốm không đi bệnh viện mà ở nhà cúng bái.

Sửa lại: Vùng này có khá nhiều hủ tục như: ma chay, cưới xin đều cỗ bàn linh đình; ốm không đi bệnh viện mà ở nhà cúng bái.

+ Nguyên nhân sai:

Ở cả ba câu trên, nguyên nhân sai do lẫn lộn từ gần âm.

Sinh động → linh động; bàng quan → bàng quang, hủ tục → thủ tục.

Bài 7

- Em bé thông minh
- Chữa lỗi dùng từ (tiếp theo)
- Luyện nói kể chuyện

EM BÉ THÔNG MINH

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Đây là truyện cổ tích về nhân vật thông minh – kiểu nhân vật rất phổ biến trong cổ tích Việt Nam và thế giới. Truyện đề cao sự thông minh và trí khôn dân gian (qua hình thức giải những câu đố, vượt những thách đố oái ăm...) từ đó tạo nên tiếng cười vui vẻ, hồn nhiên trong đời sống hàng ngày.

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Dùng hình thức câu đố để thử tài nhân vật có phổ biến trong truyện cổ tích không? Tác dụng của hình thức này?

+ Dùng câu đố để thử tài nhân vật là hình thức phổ biến trong các truyện cổ tích.

+ Tác dụng:

- Tạo nên sự hấp dẫn, cuốn hút người đọc.
- Tạo ra tình huống để phát triển cốt truyện từ đơn giản đến phức tạp.
- Bộc lộ phẩm chất, trí tuệ của nhân vật.

Câu 2. Sự mưu trí thông minh của em bé được thử thách qua mấy lần? Lần sau có khó khăn hơn lần trước không?

+ Sự mưu trí của cậu bé được thử thách qua bốn lần.

– Lần thứ nhất: khi viên quan hỏi cha cậu cày mỗi ngày được mấy đường.

– Lần thứ hai: nhà vua bắt dân làng cậu bé nuôi trâu đực phải đẻ được bê con.

– Lần thứ ba: một con chim sẻ phải dọn thành ba cỗ bàn thức ăn

– Lần thứ tư: câu đố hóc búa của sứ thần xâu sợi chỉ mềm qua đường ruột ốc xoắn dài.

+ Những thử thách càng ngày càng khó:

- *Lần thứ nhất:* là lời đố của viên quan chỉ liên quan đến hai bố con.
- *Lần thứ hai:* lời đố của nhà vua liên quan đến cả dân làng.
- *Lần thứ ba:* cũng là của vua, có mục đích khẳng định thực tài của cậu bé.
- *Lần thứ tư:* là của viên sứ thần, nó không chỉ là thách đố với bản thân mà còn danh dự của cả dân tộc.

Câu 3. Trong mỗi lần thử thách, em bé đã dùng những cách gì để giải những câu đố oái ăm? Theo em những cách ấy lí thú ở chỗ nào?

Những cách vượt qua thử thách của cậu bé thông minh:

+ *Lần thứ nhất:* Cậu đã hoá giải lời đố của viên quan bằng chiêu thức “gậy ông lại đập lưng ông” bằng cách hỏi lại: “Ngựa của ông đi một ngày được mấy bước”, dồn đối phương vào thế bí. Sự đối vô cùng nhanh nhạy tạo nên sự bất ngờ thú vị, khiến viên quan phải há mồm sửng sốt.

+ *Lần thứ hai:* Cậu bé đã hoá giải bằng cách “tương kế tựu kế” đưa nhà vua và cận thần vào “bẫy” của mình để cho ra sự vô lí: giống đực thì không thể đẻ con.

+ *Lần thứ ba:* Cậu đã hoá giải lời thách đố của nhà vua bằng cách đưa ra điều kiện phải rèn chiếc kim thành dao xẻ thịt thì mới có thể làm thịt một con chim sẻ thành ba cỗ thức ăn; $\Rightarrow$ dồn nhà vua vào thế bí. A không thực hiện được thì B cũng không thực hiện được.

+ *Lần thứ tư:* Trong lúc các đại thần vò đầu suy nghĩ không ra thì cậu bé vừa đùa nghịch, vừa đọc bài đồng dao để chỉ ra cách giải bằng cách dựa vào kinh nghiệm dân gian – “kiến mừng thấy mỡ”.

• Đây là lần giải đố thú vị nhất, vì câu đố oái ăm, sự đấu trí không phải ở phương diện cá nhân mà là uy tín danh dự cho cả dân tộc, một lời giải có thể “cứu nguy cho cả hàng ngàn người”. Thế nhưng thái độ của người giải đố lại hết sức nhẹ nhàng tỉnh bơ, mà lời giải rất độc đáo bất ngờ.

Câu 4. Hãy nêu ý nghĩa của truyện cổ tích “Em bé thông minh”.

+ Ngợi ca trí thông minh của em bé bình dân $\rightarrow$ ngợi ca tài trí của dân gian, của người lao động.

+ Câu chuyện đã đem lại cho cuộc sống tiếng cười hồn nhiên vui vẻ.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Kể diễn cảm câu chuyện:

+ Giọng kể phải hồn nhiên, trong sáng để thể hiện được tính chất của câu chuyện và tính cách của nhân vật chính chỉ là một cậu bé.

+ Trong truyện có khá nhiều nhân vật và lời đối thoại, chú ý thể hiện lời thoại cho phù hợp với đặc điểm của từng nhân vật:

- Viên quan: giọng hóm hỉnh.
- Cậu bé: lém lỉnh, hồn nhiên, tinh nghịch.
- Ông bố: Sợ hãi lo lắng.
- Nhà vua: oai nghiêm.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Truyện Em bé thông minh là kiểu truyện về trí khôn trong truyện cổ tích sinh hoạt. Nó ít có hoặc không có yếu tố kì ảo, các tình tiết và cách xử lí rất gần gũi với đời thường nhằm khẳng định trí tuệ, và mơ ước về người tài của nhân dân.

(Theo ôn tập ngữ văn 6 – Nguyễn Văn Long chủ biên)

Truyện đề cao trí thông minh và trí khôn dân gian, từ đó tạo nên tiếng cười vui vẻ hồn nhiên trong đời sống hàng ngày. Tôn vinh trí khôn là việc nên làm, nhưng việc cần tiếp tục làm là phải biết dùng trí khôn để phục vụ cuộc sống, đem lại niềm vui hạnh phúc cho mọi người.

(Theo Vũ Dương Quỹ, Lê Bảo – SD D)

CHỮA LỖI DÙNG TỪ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Muốn có kĩ năng diễn đạt tốt, khi diễn đạt chúng ta phải chú ý cách dùng từ, tránh những lỗi thường mắc phải sau đây:

– Lặp từ

- Lẫn lộn các từ gần âm
- Dùng từ không đúng nghĩa.

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

Câu 1. Chỉ ra các lỗi dùng từ trong những câu sau:

a) Mặc dù còn một số **yếu điểm**, nhưng so với năm học cũ, lớp 6B đã tiến bộ vượt bậc.

b) Trong cuộc họp lớp, Lan đã được các bạn nhất trí **đề bạt** làm lớp trưởng.

c) Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã tận mắt **chứng thực** cảnh nhà tan cửa nát của những người nông dân.

+ Lỗi dùng từ sai trong các câu trên:

- “yếu điểm”: là điểm chính, quan trọng nhất $\Rightarrow$ vậy dùng từ “yếu điểm” là sai.
- “Đề bạt”: là đang giữ một chức vụ nào đó, được cử giữ chức vụ cao hơn $\Rightarrow$ Dùng từ “đề bạt” là sai.
- “Chứng thực”: là xác nhận cho để làm bằng là đúng sự thật $\Rightarrow$ vậy dùng từ “chứng thực” là sai.

Câu 2. Thay các từ đã dùng sai bằng những từ khác.

a) Mặc dù còn một số khuyết điểm, nhưng so với năm học cũ, lớp 6B đã tiến bộ vượt bậc.

b) Trong cuộc họp lớp, Lan đã được các bạn nhất trí đề cử làm lớp trưởng.

c) Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã tận mắt chứng kiến cảnh nhà tan cửa nát của những người nông dân.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Gạch một gạch dưới các từ kết hợp đúng

Bản tuyên ngôn

Tương lai sáng lạng

Bôn ba hải ngoại

Bức tranh thủy mặc

Nói tăng tuy tiện

Bảng tuyên ngôn

Tương lai xán lạn

Buôn ba hải ngoại

Bức tranh thủy mặc

Nói năng tự tiện

Câu 2. Chọn từ thích hợp để điền vào ô trống

a) *khinh khỉnh, khinh bạc*

Khinh khỉnh: tỏ ra kiêu ngạo và lạnh nhạt, ra vẻ không thèm để ý đến người đang tiếp xúc với mình.

b) *khẩn thiết, khẩn trương*

Khẩn trương: nhanh, gấp và có phần căng thẳng

c) *bâng khuâng, băn khoăn*

Băn khoăn: không yên lòng vì có những điều phải suy nghĩ lo liệu

Câu 3. Chữa lỗi dùng từ trong các câu sau

a) *Hắn quát lên một tiếng rồi tống một cú đá vào bụng ông Hoạt.*

Cú đá thì không thể dùng là *tống* mà phải là *tung*.

Sửa lại: Hắn quát lên một tiếng rồi tung một cú đá vào bụng ông Hoạt.

b) *Làm sai thì cần thực thà nhận lỗi không nên **bao biện**.*

Sửa lại: Làm sai thì cần thành thực nhận lỗi không nên *ngụy biện*.

c) *Chúng ta có nhiệm vụ giữ gìn những cái **tinh tú** của văn hoá dân tộc.*

Sửa lại: Chúng ta có nhiệm vụ giữ gìn những *trinh hoa* của văn hoá dân tộc.

LUYỆN NÓI, KỂ CHUYỆN

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- *Tự giới thiệu về bản thân*

- *Mở bài: Lời chào và lí do tự giới thiệu.*

- *Thân bài: + Tên, tuổi;*

- + *Gia đình gồm những ai;*

- + *Công việc hàng ngày;*

- + *Sở thích và nguyện vọng.*

- *Kết bài: Cảm ơn mọi người chú ý nghe.*

- *Giới thiệu về gia đình*

- *Mở bài: Lời chào và lí do kể.*

- *Thân bài: + Giới thiệu chung về gia đình;*

- + *Kể về bố;*

+ Kể về mẹ;

+ Kể về anh, chị, em.

– Kết bài: Tình cảm của mình đối với gia đình.

II. HƯỚNG DẪN LUYỆN NÓI TRÊN LỚP

Đề bài chuẩn bị

1. Tự giới thiệu về bản thân.

Kính chào cô và các bạn!

Tôi tên là Nguyễn Hoài Chương, học sinh lớp 6E trường THCS Lê Lợi, quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà tôi ở số 18/24D đường Trần Quang Diệu phường 14, Quận 3. Gia đình tôi có bốn người bà nội, bố, mẹ và tôi.

Tôi rất thích đọc sách (vì vậy còn có biệt danh là một sách) và chơi bóng đá. Tôi ước mơ sau này trở thành cầu thủ bóng đá xuất sắc. Vua bóng đá Pê lê là thần tượng của tôi, và nếu không đủ năng khiếu thì tôi mong trở thành một luật sư giỏi, để đem đến sự công bằng cho mọi người. Tôi tự đến trường bằng xe đạp, về nhà khi ăn cơm xong tôi giúp mẹ dọn dẹp và lau nhà cửa. Tôi rất thích lớp 6E của chúng mình, vì tất cả mọi người ai cũng rất thân thiện, dễ mến.

Cảm ơn các bạn đã lắng nghe!

2. Kể về gia đình mình.

Chào các bạn!

Tôi tên là Lê Hoàng Tâm học sinh lớp 6B trường THCS Cầu Kiệu, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà tôi ở cách trường chỉ có mười mét – một khoảng cách mà tất cả mọi người đều ao ước. Gia đình tôi gồm có bốn người: ba, mẹ, em trai và tôi. Ba tôi là một kĩ sư cầu đường, thường đi làm việc xa nhà, bởi vậy ngày chủ nhật là ngày vui nhất của gia đình tôi, vì có mặt đầy đủ các thành viên trong gia đình. Mẹ tôi là cô giáo dạy toán. Mẹ rất thương yêu anh em tôi, nhưng rất nghiêm khắc trong việc học tập của hai anh em. Em trai tôi năm nay mới vào lớp một. Tính em hiếu động nhưng rất dễ thương. Hằng ngày tôi giúp em học bài, sau đó hai anh em cùng xem phim hoạt hình. Tôi mong ước gia đình tôi tất cả mọi người đều mạnh khỏe tràn ngập tiếng cười hạnh phúc.

Cảm ơn các bạn đã lắng nghe!

Bài 8

- Cây bút thần (Đọc thêm)
- Danh từ
- Ngôi kể trong văn tự sự

CÂY BÚT THẦN (Đọc thêm)

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Cây bút thần là truyện cổ tích về nhân vật có tài năng kì lạ. Cây bút thần với những khả năng, sức mạnh kì diệu của nó là chi tiết tưởng tượng, thần kì đặc sắc. Truyện thể hiện quan niệm của nhân dân về công lí xã hội, về mục đích của tài năng nghệ thuật, đồng thời thể hiện ước mơ về những khả năng kì diệu của con người.

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. *Mã Lương thuộc một nhóm kiểu nhân vật rất phổ biến trong truyện cổ tích nào? Hãy kể tên một số nhân vật tương tự trong truyện cổ tích mà em biết.*

+ Mã Lương thuộc kiểu nhân vật có tài năng kì lạ, phổ biến trong các truyện cổ tích Việt Nam, và thế giới.

+ Một số nhân vật tương tự: Thạch Sanh, Em bé thông minh

. Thạch Sanh thể hiện tài năng dũng sĩ hùng mạnh.

. Em bé thông minh thể hiện trí khôn dân gian.

. Mã Lương thể hiện tài năng nghệ thuật.

Câu 2. *Những điều gì đã giúp cho Mã Lương vẽ giỏi như vậy? Những điều đó có quan hệ với nhau ra sao?*

Những yếu tố giúp cho Mã Lương trở thành một nghệ sĩ tài năng:

+ Lòng say mê, và sự thông minh bẩm sinh ngay từ nhỏ.

+ Sự khổ công tập luyện không ngừng nghỉ trong mọi thời gian và hoàn cảnh:

- Chăm chỉ tập luyện hàng ngày: khi kiếm củi, khi cắt cỏ, khi ở nhà...
- Chăm chỉ tập luyện mọi nơi: vẽ trên tường, vẽ trên đá, trên mặt đất.

+ Em còn được thần linh giúp đỡ, tặng cho cây bút thần màu nhiệm, biến tất cả những điều em vẽ trở thành hiện thực.

Câu 3. Mã Lương đã vẽ ra những gì cho những người nghèo khổ và cho những kẻ tham lam? Hãy đánh giá ngòi bút thần của Lê Mã Lương qua những gì mà Lê Mã Lương đã vẽ.

+ Đối với những người nghèo khổ:

- Mã Lương giúp đỡ cho tất cả mọi người những thứ cần thiết như cây, cuốc, đèn, thùng múc nước...
- Những thứ mà Mã Lương vẽ giúp họ là những dụng cụ lao động, phương tiện để làm ăn sinh sống, chứ không phải là những vật chất có sẵn để hưởng thụ $\Rightarrow$ của cải phải do lao động mà có.
- Thể hiện tấm lòng nhân hậu, yêu thương những người nghèo khổ của cậu bé.

+ Đối với kẻ tham lam (tên địa chủ và nhà vua):

- Mã Lương nhất định không vẽ cho bất cứ thứ gì dù họ bắt giam, bỏ đói, bỏ rét.
- Cây bút trong tay Mã Lương đã trở thành vũ khí chiến đấu chống kẻ tham tàn bạo ngược: Vẽ thành cung tên để tiêu diệt tên địa chủ tham lam, vẽ thành biển xanh, nổi sóng để tiêu diệt tên vua độc ác tham tàn bạo ngược.
- Thể hiện tinh thần dũng cảm, căm ghét cường quyền và bạo lực của Lê Mã Lương.

+ Đánh giá ngòi bút của Lê Mã Lương:

- Người nghệ sĩ chân chính phải luôn đứng về phía nhân dân, không bao giờ dùng ngòi bút của mình để phục vụ cho kẻ ác.
- Những thứ mà Mã Lương vẽ là để phục vụ cho sự cần thiết của cuộc sống chứ không phải để thoả mãn lòng tham của con người
- Ngòi bút chì màu nhiệm khi ở trong tay người lương thiện, khi phục vụ cho những ước mơ chính đáng.

Câu 4. Truyện kể này được xây dựng theo trí tưởng tượng rất phong phú và độc đáo của nhân dân. Theo em chi tiết nào trong truyện là lí thú và gợi cảm hơn cả?

+ Câu chuyện vừa chứa đựng yếu tố hiện thực, vừa chứa đựng những yếu tố tưởng tượng thần kì, trong truyện có rất nhiều chi tiết tưởng tượng lí thú, gợi cảm như: Lê Mã Lương vẽ chim, chim tung cánh bay, vẽ cá, cá vẫy đuôi bơi lội, vẽ lò sưởi để sưởi, vẽ bánh để ăn, Mã Lương vẽ cò, vô ý đánh rơi giọt mực, khiến cò mở mắt xòe cánh bay đi... Nhưng có lẽ hay nhất chi tiết vẽ biển.

+ Chi tiết vẽ biển giết tên vua bạo tàn.

– Thể hiện sự đối phó khéo léo của Lê Mã Lương – giả vờ nhận lời vẽ theo yêu cầu của hắc đế trừng trị hắc đế: Ban đầu là vẽ biển khơi trong xanh êm dịu để gợi lên sự thích thú ở hắc đế → Sau đó vẽ cá, thuyền → đến khi tất cả nhà vua, hoàng hậu, hoàng tử các quan đại thần đã lên thuyền → vẽ sóng → sóng gió càng lúc càng cuộn cuộn → như trái núi nhấn chìm chiếc thuyền xuống đáy biển.

– Với cây bút thần Mã Lương đã thực hiện niềm ước mơ trừng trị bọn thống trị của nhân dân lao động.

Câu 5. Hãy nêu ý nghĩa của truyện Cây bút thần

Ý nghĩa của truyện Cây bút thần

+ Đề cao sức mạnh và tài năng của nghệ thuật chân chính.

+ Thể hiện ước mơ của nhân dân về những khả năng kì diệu trong cuộc đấu tranh chống lại cái ác.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy kể diễn cảm câu chuyện này.

Muốn kể diễn cảm câu chuyện phải chú ý hai vấn đề sau:

+ Phải nắm được thứ tự các tình tiết của câu chuyện.

+ Xác định giọng kể phù hợp cho mỗi đoạn và mỗi nhân vật.

– Tên địa chủ và nhà vua giọng hống hách, kiêu ngạo.

– Giọng của cụ già hiền từ âu yếm.

– Đoạn kể về sự kì diệu của cây bút thể hiện sự hào hứng thích thú.

- Lúc tên địa chủ xuống chuồng ngựa để xem Mã Lương đã bị chết chưa, thấy em đang ngồi bên lò lửa, ăn bánh → giọng ngạc nhiên, sững sốt.
- Đoạn Mã Lương trừng trị tên địa chủ và nhà vua giọng hả hê sung sướng.

Câu 2. Nhắc lại định nghĩa truyện cổ tích và kể tên những truyện cổ tích mà em đã học.

+ Định nghĩa truyện cổ tích (xem lại phần kiến thức cơ bản, bài Sọ Dừa).

+ Những truyện cổ tích mà chúng ta đã học: Sọ Dừa, Thạch Sanh, Em bé thông minh, Cây bút thần.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Cây bút thần là truyện cổ tích về nhân vật có tài năng kì lạ. Cây bút thần và bàn tay vẽ của Lê Mã Lương có một khả năng và sức mạnh kì diệu, vừa là chi tiết tưởng tượng thần kì, vừa chứa đựng yếu tố hiện thực. Truyện thể hiện quan điểm của nhân dân về công lí xã hội, về mục đích của tài năng nghệ thuật. Hội họa nói riêng, các bộ môn khác như văn thơ âm nhạc... Phải biết hướng về nhân dân giúp người lương thiện chống kẻ tham tàn thì nghệ thuật mới có sức mạnh, có khả năng thần kì. Câu chuyện cũng thể hiện ước mơ của nhân dân về những khả năng kì diệu của con người để giúp cho người lương thiện đối phó với bọn bất lương hàng ngày theo dõi hãm hại con người. Truyện về một cây bút lặng lẽ mà cất lên bao lời nhắn gửi thiết tha, không chỉ tới người nghe, người đọc bình thường mà cả tới nhà văn, nhà thơ, các nhạc sĩ... tài danh nữa!!

(Theo Vũ Dương Quỹ và Lê Bảo – Bình giảng văn 6)

Truyện cây bút thần thuộc loại truyện cổ tích thần kì, yếu tố thần kì ở đây là cây bút thần, tham gia như một phần không thể thiếu được trong sự phát triển cốt truyện. Cây bút thần với sức mạnh toàn năng, vừa để giúp đỡ người nghèo, người yếu vừa để chống đỡ, trừng trị những kẻ tham lam độc ác. Khuynh hướng của truyện cổ tích thần kì không phải nhấn mạnh hiện thực, mà là trình bày ước mơ nguyện vọng và lí tưởng xã hội của nhân dân thông qua sự chiến thắng tất yếu của cái đẹp, cái thiện hoàn hảo.

(Theo Trần Lê Bảo, Giảng văn Cây bút thần)

DANH TỪ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- **Danh từ** là những từ chỉ người, vật, hiện tượng, khái niệm...
- Danh từ có thể kết hợp với từ chỉ số lượng ở phía trước các từ này, ấy, đó... ở phía sau và một số từ ngữ khác để thành cụm danh từ.
- **Chức vụ** điển hình trong câu của danh từ là chủ ngữ. Khi làm vị ngữ danh từ cần có từ là đứng trước.
- Danh từ tiếng Việt được chia thành hai loại lớn là danh từ chỉ đơn vị và danh từ chỉ sự vật. Danh từ chỉ đơn vị nêu tên đơn vị dùng để tính đếm, đo lường sự vật. Danh từ chỉ sự vật nêu tên từng loại hoặc từng cá thể người, vật, hiện tượng, khái niệm...
- Danh từ chỉ đơn vị gồm hai nhóm là:
 - + Danh từ chỉ đơn vị tự nhiên (còn gọi là loại từ).
 - + Danh từ chỉ đơn vị quy ước. Cụ thể là:
 - Danh từ chỉ đơn vị chính xác.
 - Danh từ chỉ đơn vị ước chừng.

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

1. Đặc điểm danh từ

Vua sai ban cho làng ấy ba thúng gạo nếp với ba con trâu đực ra lệnh phải nuôi làm sao cho **ba con trâu ấy** đẻ thành chín con [...]

(Em bé thông minh)

- a) Trong cụm danh từ: *ba con trâu ấy* – thì *con trâu* là danh từ.
- b) Xung quanh cụm danh từ có từ **ba** chỉ số lượng đứng trước và từ **ấy** ở phía sau.
- c) Các danh từ có trong câu trên: *vua, làng, thúng, gạo, nếp, ...*
- d) Đặt câu với các danh từ đã tìm:
 - + Vua đã ban thánh chỉ mọi người phải chấp hành.
 - + Làng nằm bình yên sau lũy tre xanh.
 - + Thúng gạo nếp đọng đầy như núi tuyết.
- e) Danh từ biểu thị người, vật, hiện tượng, khái niệm.

2. Danh từ chỉ đơn vị và danh từ chỉ sự vật

a) Sự khác nhau về nghĩa của các danh từ in đậm và danh từ đứng sau:

- ba **con** trâu
- một **viên** quan
- ba **thúng** gạo
- sáu **tạ** thóc

Các danh từ: *con, viên, thùng, tạ* là những danh từ chỉ đơn vị nói chung.

Các danh từ: *trâu, quan, gạo, thóc* là danh từ chỉ sự vật cụ thể.

b) Ta có thể nói **Nhà có ba thùng gạo rất đầy** – vì thùng là danh từ chỉ đơn vị ước chừng. Nhưng không thể nói **Nhà có sáu tạ thóc rất nặng** vì tạ là danh từ chỉ đơn vị chính xác.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Liệt kê một số danh từ chỉ sự vật mà em biết. Đặt câu với một trong các danh từ ấy.

+ Liệt kê một số danh từ chỉ sự vật:

sách, vở, áo quần, bút, mực, bàn, ghế, nhà cửa, cầu cống, phố xá, trường học, giường, lược...

+ Đặt câu:

- Chiếc bút này em mới mua hôm qua.
- Bàn ghế thẳng tắp từng hàng ngay ngắn.

Câu 2. Liệt kê các từ chuyên dùng trước danh từ chỉ người, chỉ vật.

+ Từ chuyên dùng trước danh từ chỉ người: ông, bà, vị, cô, thầy, chú, bác, anh, chị, thằng...

+ Từ chuyên dùng trước danh từ chỉ đồ vật: cái, bức, tấm, cục, chiếc, cánh, que.

Câu 3. Liệt kê các danh từ chỉ đơn vị quy ước chính xác và từ chỉ đơn vị quy ước ước chừng.

+ Từ chỉ đơn vị quy ước chính: mét, lít, ki lô gam, tấn, tạ, yến, mét vuông, mét khối, héc ta...

+ Từ chỉ đơn vị quy ước ước chừng: thùng, đấu, nia, loong (đong gạo), bát, nắm, đàn, bầy, bó...

Câu 4+5. Viết bài chính tả theo sách giáo khoa (nghe – viết).
Lập danh sách các từ chỉ đơn vị và danh từ chỉ sự vật trong bài chính tả trên.

- + Các từ chỉ đơn vị trong bài chính tả: que, con, đỉnh, ven, bức
- + Các danh từ chỉ sự vật: củi, cỏ, bút, làng, ngày, đất, núi, chim, đầu, nước, tôm, cá, đá, nhà, đồ đạc, tường, hình.

NGÔI KỂ TRONG VĂN TỰ SỰ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- Ngôi kể là vị trí giao tiếp mà người kể sử dụng để kể chuyện.
- Khi gọi các nhân vật bằng tên gọi của chúng, người kể tự giấu mình đi, tức là kể theo ngôi thứ ba, người kể có thể linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật.
- Khi kể tự xưng là “tôi” kể theo ngôi thứ nhất., người kể có thể trực tiếp kể ra những gì mình nghe, mình thấy, mình trải qua, có thể trực tiếp nói ra cảm tưởng, ý nghĩ của mình.
- Để kể chuyện cho linh hoạt, thú vị người kể có thể lựa chọn ngôi thích hợp.
- Người kể xưng tôi trong tác phẩm không nhất thiết là chính tác giả.

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

1. Ngôi kể và vai trò của ngôi kể trong văn tự sự?

Đọc các đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

- a) Đoạn một kể theo ngôi thứ ba vì các nhân vật được gọi bằng tên và người kể không xuất hiện (giấu mình đi).
- b) Đoạn hai kể bằng ngôi thứ nhất. Vì người kể xưng là “tôi” trực tiếp kể về mình.
- c) Người xưng tôi trong đoạn văn hai là chú Dế Mèn, chứ không phải tác giả Tô Hoài.
- d) Trong hai đoạn văn trên ngôi kể thứ ba ở đoạn một là ngôi kể tự do không hạn chế, ngôi kể thứ nhất ở đoạn một bị hạn chế, chỉ được kể những gì mình đã trải qua.

d) Đổi ngôi kể trong đoạn hai thành ngôi kể thứ ba

Bởi Dế Mèn ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên chú chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, Dế Mèn đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng của chú mỡ mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, chú ta co căng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh của Dế Mèn, trước kia ngắn hủn hoẳn, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi chú ta vù lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giòn.

(Lưu ý ta không nhất thiết phải gọi tên nhân vật từ đầu đến cuối mà có thể dùng đại từ thay thế).

e) Ở đoạn thứ nhất chúng ta vẫn có thể đổi thành ngôi kể thứ nhất xưng tôi, nhưng ở đoạn này có ba nhân vật: nhà vua, người cha, và em bé, chỉ được phép đổi một nhân vật, nên chọn nhân vật em bé, nhà vua là hợp lí hơn.

Trẫm và đình thần chịu thằng bé là thông minh lỗi lạc. Nhưng Trẫm vẫn còn muốn thử một lần nữa. Qua hôm sau, khi hai cha con đang ăn cơm ở công quán Trẫm sai sứ mang tới một con chim sẻ, với lệnh bắt họ phải dọn thành ba cỗ thức ăn. Em bé nhờ cha lấy cho mình một cái kim may rồi đưa cho sứ giả của Trẫm và bảo:

– Ông cầm lấy cái này về tâu đức vua xin rèn cho tôi thành một con dao để xẻ thịt chim.

Từ đó Trẫm mới phục hần.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Thay đổi ngôi kể trong đoạn văn sau thành ngôi thứ ba và nhận xét ngôi kể đem lại điều gì mới cho đoạn văn?

Nhân vật **tôi** trong đoạn là Dế Mèn, một con vật, ta có thể thay bằng: nó, chú ta, cậu ta

+ Thay đổi ngôi

Ngày nào cũng vậy, suốt buổi tối **chú ta** chui vào trong hang, hì hục đào đất, để khoét một cái ổ lớn làm thành một cái giường ngủ sang trọng. Rồi cũng lo xa như các cụ già trong họ hàng dế, **chú** đào hang sâu sang hai ngã làm những con đường tắt, những cửa sau, những ngách thượng, phòng khi gặp việc nguy hiểm có thể thoát thân ra lối khác được.

(Tô Hoài, Dế Mèn phiêu lưu kí)

Việc thay đổi ngôi từ **“tôi”**, sang **“chú ta”** làm cho đoạn văn có màu sắc khách quan hơn, vì người kể tự giấu mình đi.

Câu 2. Thay đổi ngôi kể trong đoạn văn sau thành ngôi thứ nhất và nhận xét ngôi kể đem lại điều gì khác cho đoạn văn.

+ Ta thay đổi tên nhân vật Thanh → chuyển sang nhân vật **“tôi”**.

Một cái bóng lẹ làng từ trong vệt ra, rơi xuống mặt bàn. Tôi định thần nhìn rõ: con mèo già của bà **tôi**, con mèo già vẫn chơi đùa với tôi ngày trước. Con vật nép chân vào mình khe khẽ vẩy cái đuôi, rồi hai mắt ngọc thạch xanh giương lên nhìn người. **Tôi** mỉm cười lại gần vuốt ve con mèo.

(Thạch Lam, *Dưới bóng hoàng lan*)

+ Nhận xét:

– Thay đổi ngôi kể từ **Thanh** sang **tôi** có tác dụng tô đậm thêm sắc thái tĩnh lặng của cảnh vật trong đoạn văn.

– Làm cho đoạn văn mang tính chất tự thuật.

Câu 3. Truyện “Cây bút thần” kể theo ngôi nào? Vì sao vậy?

+ Truyện “Cây bút thần” được kể theo ngôi thứ ba.

+ Vì kể theo ngôi thứ ba, người kể có thể kể chuyện một cách linh hoạt tự do, những gì diễn ra với nhân vật, và làm cho câu chuyện có tính khách quan.

Câu 4. Vì sao trong các truyện cổ tích, truyền thuyết người ta hay kể chuyện theo ngôi thứ ba, mà không thể theo ngôi thứ nhất?

+ Kể theo ngôi thứ ba người kể có thể linh hoạt, tự do kể ra những gì diễn ra với nhân vật.

+ Những chuyện này đã xảy ra từ rất lâu rồi, người kể không được chứng kiến các sự việc chỉ nghe người khác truyền lại.

Câu 5. Khi viết thư em sử dụng ngôi kể nào?

Viết thư là để giải bày tình cảm, để trao đổi những câu chuyện riêng tư của chính bản thân mình. Do vậy ngôi kể đương nhiên phải là ngôi thứ nhất.

Câu 6. Dùng ngôi thứ nhất kể về cảm xúc của em khi nhận được quà tặng của người thân.

Tôi còn nhớ như in đó là một buổi chiều lần sinh nhật thứ 10 của tôi. Tôi vừa đi học về, mẹ ra cửa đón cười thật tươi và tặng tôi một cái hôn rõ to vào má: “Chúc mừng sinh nhật con trai của mẹ” kèm theo là một gói quà. Tôi hồi hộp mở ra, đó là quyển truyện Hanry Porter đã từ lâu tôi ao ước. Tôi cảm ơn mẹ và từ từ mở quyển sách ra, trang đầu tiên là một dòng chữ viết tay rất đẹp và vô cùng thân quen: “Tặng con trai yêu quý của mẹ, mong con ngoan, học giỏi”. Tối hôm đó và cả tuần tiếp theo, tôi nghiền miết quyển sách; Tôi ước mơ sau này mình cũng sẽ trở thành nhà văn viết được những tác phẩm hay như thế.

Bài 9

- Ông lão đánh cá và con cá vàng (Đọc thêm)
- Thứ tự kể trong văn tự sự
- Viết bài tập làm văn số 2
- Văn kể chuyện (một số bài văn tham khảo)

ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG (Đọc thêm)

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

• Truyện này do A. Puskin (1799 – 1837) – đại thi hào Nga – kể lại bằng 205 câu thơ trên cơ sở truyện dân gian Nga, Đức. Truyện vừa giữ được nét chất phác, dung dị của nghệ thuật dân gian, vừa thể hiện tài năng sáng tạo của Puskin.

• Truyện ông lão đánh cá và con cá vàng do A. Puskin kể lại sử dụng những biện pháp nghệ thuật rất tiêu biểu của truyện cổ tích như: sự lặp lại tăng tiến của các tình huống cốt truyện, sự đối lập giữa các nhân vật, sự xuất hiện các yếu tố tưởng tượng hoang đường. Truyện ca ngợi lòng biết ơn đối với những người nhân hậu và nêu ra bài học đáng đáng những kẻ tham lam bội bạc.

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Trong truyện có mấy lần ông lão ra biển gọi cá vàng? Biện pháp tu từ ở đây là gì? Nêu tác dụng của nó.

+ Trong truyện có năm lần ông lão ra biển gọi cá vàng xin giúp để thoả mãn yêu cầu của mẹ vợ:

- Lần thứ nhất: Mẹ vợ đòi cái máng lợn mới.
- Lần thứ hai: Mẹ vợ đòi toà nhà rộng.
- Lần thứ ba: Mẹ vợ đòi làm nhất phẩm phu nhân.
- Lần thứ tư: Mẹ vợ đòi làm nữ hoàng.
- Lần thứ năm: Mẹ vợ đòi làm Long Vương.

+ Những lần ông lão ra biển gọi cá vàng, biện pháp tu từ được sử dụng là biện pháp lặp đi lặp lại. Những câu văn có cấu trúc ngữ pháp hoàn toàn giống nhau chỉ có thay đổi một số từ, và có những câu hoàn toàn giống nhau:

Ông lão gọi cá vàng. Con cá bơi đến hỏi:

– Ông lão có việc gì thế? Ông lão cần gì?

Ông lão chào cá và nói:...

+ Tác dụng:...

- Đây là biện pháp lặp lại có chủ đích của truyện cổ tích
- Sự lặp lại ở đây có tính chất tăng tiến, nhằm khắc sâu, tô đậm tính cách của nhân vật.

Câu 2. Mỗi lần ông lão ra biển gọi cá vàng, cảnh biển thay đổi như thế nào? Vì sao?

Trong truyện có năm lần ông lão ra biển gọi cá vàng nhờ giúp đỡ, mỗi lần như vậy thái độ của cá vàng đối với ông lão đều không thay đổi chỉ có cảnh biển thay đổi.

+ Thái độ của cá vàng đối với ông lão lúc nào cũng thể hiện sự thân thiện rất đáng yêu. Lần nào nghe ông gọi cá vàng đều lập tức bơi đến ngay và hỏi: “Ông lão ơi! Cần gì thế?”

+ Sự thay đổi của cảnh biển:

- Lần thứ nhất: Biển gợn sóng êm ả.
- Lần thứ hai: Biển xanh đã nổi sóng.
- Lần thứ ba: Biển xanh nổi sóng dữ dội.
- Lần thứ tư: Biển nổi sóng mịt mù.

– Lần thứ năm: Biển nổi sóng âm âm, cơn dông tố kinh khủng kéo đến.

+ Biển xanh cũng nổi sóng vì:

- Đó là sự giận dữ của cá vàng và thiên nhiên trước lòng tham không đáy và sự hờn hĩnh quá đáng của mẹ vợ ông lão.
- Đó cũng là phản ứng của nhân dân đối với sự tham lam của mẹ vợ.

Câu 3. Em có nhận xét gì về lòng tham và sự bội bạc của mẹ vợ? Khi nào sự bội bạc của mẹ lên đến tột cùng.

Lần	Lòng tham của mẹ vợ	Sự bội bạc của mẹ vợ đối với ông lão	Đánh giá
1	Đòi một cái máng lợn	Mắng ông lão là đồ ngốc sao lại không bắt con cá đèn cái gì.	Sự đòi hỏi là chính đáng, song thái độ đối xử với ông lão là không đúng
2	Đòi một cái nhà rộng	Mắng ông lão là đồ ngu, và quát to hơn, và không để ông lão yên chút nào.	Sự đòi hỏi bắt đầu quá đáng. Thái độ đối với ông lão là không chấp nhận được
3	Đòi làm nhất phẩm phu nhân	Mắng ông lão lão như tát nước vào mặt: Đồ ngu! Ngốc sao ngốc thế, sau đó bắt xuống quét dọn chuồng ngựa	Vừa đòi hỏi của cải, vừa đòi hỏi vật chất, với thái độ hách dịch – đối xử với ông lão như là một kẻ phục dịch – như một người xa lạ
4	Đòi làm nữ hoàng	Tát vào mặt ông lão tội nghiệp, và nổi trận lôi đình	Lòng tham đến tột đỉnh: vừa có của cải, vừa có danh vọng và vừa có quyền lực cao nhất trần thế. Đối xử với ông lão giống như kẻ thù tàn nhẫn vô lương

			tâm: “tát vào mặt” ông lão → mù là kẻ bội bạc, bội bạc với chồng, với ân nhân của mình
5	Đòi làm Long Vương	Nổi cơn thịnh nộ – Sai người lôi ông lão ra ngoài – rồi lại tìm bắt ông lão đến để thực hiện yêu cầu mới	Lòng tham vượt quá giới hạn muốn có quyền lợi của cả siêu nhiên và sự bội bạc cũng đã vượt quá giới hạn cho phép – Lòng tham đã biến mù trở thành kẻ xấu xa ích kỉ, độc ác, tàn nhẫn. Không đối với ông lão mà còn đối với cả cá vàng nhờ cá mà mù mới có được tất cả.

Câu 4. Câu chuyện đã được kết thúc như thế nào? Ý nghĩa của cách kết thúc đó.

+ **Cảnh kết thúc:** Là hình ảnh mù già ngồi trên bậc cửa trong túp lều rách nát ngày xưa của mình trước cái máng lợn sắt mẻ → Mù trở về vạch xuất phát ban đầu của mình với tất cả những thứ xứng đáng dành cho mù.

+ **Ý nghĩa:** Những kẻ tham lam xấu xa, bội bạc, độc ác phải bị trừng trị thích đáng.

Câu 5. Cá vàng trừng trị mù vợ vì tội tham lam hay bội bạc, nêu ý nghĩa tượng trưng của hình tượng con cá vàng.

+ **Sự trừng trị của cá vàng:**

Ở nhân vật mù vợ có tội lớn:

– **Thứ nhất là quá tham lam:** tham của cải, tham danh vọng, tham quyền lực – và tất cả những thứ đó đều ở tột đỉnh, không thể chấp nhận ⇒ lòng tham không đáy ấy xứng đáng bị trừng trị.

– *Tội thứ hai là quá bội bạc:* bội bạc với ông lão vừa là người thân, vừa là ân nhân, bội bạc với cá vàng, bắt cá vàng hầu hạ phục dịch mù, mà cá vàng là người đã đưa đến và đáp ứng mọi yêu cầu của mù $\Rightarrow$ kẻ cặn tàu ráo máng như vậy phải bị trừng trị.

+ Ý nghĩa của hình tượng cá vàng:

– Cá vàng là biểu tượng của lòng biết ơn của con người đối với những tấm lòng nhân hậu khi mình gặp khó khăn hoạn nạn được người khác cứu giúp.

– Ước mơ về công lí và hạnh phúc của con người.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Có người cho rằng, truyện này nên đặt tên là “Mụ vợ ông lão đánh cá và con cá vàng”. Ý kiến của em như thế nào?

+ Truyện có ba nhân vật: mụ vợ, ông lão, và cá vàng, trong ba nhân vật đó thì nhân vật mụ vợ và cá vàng là nhân vật chính, ông lão là nhân vật phụ. Nội dung câu chuyện chủ yếu nói lên sự tham lam bội bạc của mụ vợ. Vì vậy nếu đặt tên truyện là “Mụ vợ ông lão đánh cá và con cá vàng” cũng có cơ sở của nó.

+ Đặt tên truyện như vốn có của nó “Ông lão đánh cá và con cá vàng”, đây là hai nhân vật rất đáng yêu, để lại nhiều thiện cảm ở người đọc – Phải chăng đó là ý đồ của tác giả Puskin. Với lại đầu đề của câu chuyện sẽ ngắn gọn hơn.

Câu 2. Hãy kể diễn cảm truyện cổ tích này.

Muốn kể diễn cảm câu chuyện cần chú ý những điều sau đây:

+ Nắm vững chi tiết của truyện.
+ Chú ý nhấn giọng và có ngữ điệu riêng ở các chi tiết, các nhân vật sau đây:

- Giọng của cá vàng
- Giọng ông lão
- Giọng quát tháo của mụ vợ
- Sự thay đổi của cảnh biển
- Sự lặp lại có chú ý: “Ông lão ra biển gọi cá vàng”.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Những “phản ứng” của biển tăng dần theo những đòi hỏi ngày càng quá quắt của mẹ vợ ông lão. “Nhân vật” biển tuy không trực tiếp tham gia vào cốt truyện nhưng đã thể hiện rất rõ thái độ của tác giả (và cũng là của nhân dân) trước thói tham lam vô hạn của con người – cụ thể ở đây là mẹ vợ của ông lão.

...

Lòng tham của mẹ vợ đi đến tột cùng khi mẹ đòi được làm Long Vương, bắt cá vàng hầu hạ bên cạnh. Đó là một đòi hỏi quá đáng, vượt qua mọi giới hạn có thể chấp nhận trong đạo lí làm người.

(Nguyễn Trọng Hoàn – Đọc – Hiểu văn bản ngữ văn 6)

Trung tâm của truyện là ba nhân vật: ông lão đánh cá, con cá vàng và mẹ vợ. Kể về quan hệ giữa ba nhân vật ấy, tác giả đã dùng biện pháp nghệ thuật lặp tăng tiến. Từ đó tính tình phẩm chất của các nhân vật lộ rõ dần dần. Điều đặc sắc để gắn kết sự tăng tiến trong quan hệ ba nhân vật thi sĩ Puskin dùng hình ảnh “biển xanh – những ngọn sóng”. Qua những lần biển xanh nổi sóng, chủ đề, ý nghĩa tác phẩm mỗi lúc thêm rõ, thêm nổi bật.

(Theo Vũ Dương Quỹ – Lê Bảo – SDD 6)

THỨ TỰ KỂ TRONG VĂN TỰ SỰ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- Khi kể chuyện, có thể kể các sự việc liên tiếp nhau theo thứ tự tự nhiên, việc gì xảy ra trước kể trước, việc gì xảy ra sau kể sau cho đến hết.

- Nhưng để gây bất ngờ, gây chú ý, hoặc để thể hiện tình cảm nhân vật, người ta có thể đem kết quả hoặc sự việc hiện tại kể ra trước, sau đó mới dùng cách kể bổ sung hoặc để nhân vật nhớ lại mà kể các sự việc đã xảy ra trước đó.

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

Câu 1. Tìm hiểu thứ tự kể trong văn nghị luận

a) Tóm tắt các sự việc trong truyện “Ông lão đánh cá và con cá vàng”.

+ Một ông lão nghèo đánh cá ven biển, bắt được một con cá vàng, con cá kêu van, hứa trả ơn, ông lão đã thả con cá xuống biển.

+ Về nhà, ông lão kể cho mẹ vợ nghe, mẹ mắng ông là đồ ngốc và bắt ông lão ra biển năm lần để thực hiện các yêu cầu của mình.

– Lần thứ nhất đòi một cái máng mới

– Lần thứ hai đòi một toà nhà rộng

– Lần thứ ba đòi làm nhất phẩm phu nhân

– Lần thứ tư đòi làm nữ hoàng

– Lần thứ năm đòi làm Long Vương, để bắt cá vàng hầu hạ.

Cá vàng nổi giận lấy lại tất cả các thứ đã cho, ông lão trở về thấy mẹ vợ đang ngồi bậc cửa trong túp lều rách nát bên cạnh cái máng lợn sắt mẻ.

b) Truyện “Ông lão đánh cá và con cá vàng” được kể theo thứ tự tự nhiên, việc gì xảy ra trước kể trước, việc gì xảy ra sau kể sau, cho đến hết.

Câu 2. Đọc văn bản và trả lời câu hỏi.

+ Thứ tự của bài văn được kể ngược lại với thứ tự tự nhiên đem kết quả của sự việc ra kể trước (thằng Ngỗ bị chó cắn rách cả bắp chân).

+ Hiện tại kể trước, sau đó mới kể bổ sung về quá khứ của thằng Ngỗ (hoàn cảnh, những trò chơi ngỗ nghịch trước đó).

+ Kể theo thứ tự này nhằm tạo sự bất ngờ, gây chú ý.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi.

+ Câu chuyện được kể theo thứ tự hiện tại kể trước, “Tôi và Liên là bạn thân cùng lớp”. Sau đó mới hồi tưởng về quá khứ: “Hồi Liên mới từ quê đến khu tập thể...”

+ Chuyện được kể theo ngôi thứ nhất – người kể xưng là tôi

+ Yếu tố hồi tưởng có tác dụng minh chứng cho khởi đầu tình bạn gắn bó giữa Liên và tôi, làm cho câu chuyện trở nên chân thành xúc động.

Câu 2. Cho đề văn: Kể câu chuyện lần đầu em được đi chơi xa.

Khi kể về chuyến đi, các em phải kèm theo trình tự:

- Trường hợp đi chơi; người đưa đi.
- Nơi đi, đi tham quan hay thăm người thân.
- Cảm nghĩ bản thân.

(Tham khảo đề số 4)

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2

Đề 1: Kể một việc tốt mà em đã làm.

Đề 2: Kể về một lần em mắc lỗi.

Đề 3: Kể về một thầy giáo hay một cô giáo mà em quý mến.

Đề 4: Kể về một kỉ niệm hồi thơ ấu làm em nhớ mãi.

Đề 5: Kể về một tấm gương tốt trong học tập hay trong việc giúp đỡ bạn bè mà em biết.

MỘT SỐ BÀI VĂN THAM KHẢO

Đề 1: Hãy kể lại một việc làm khiến bố mẹ em vui lòng.

BÀI LÀM

Từng ngày, từng ngày trôi qua, mỗi ngày đều đem đến những điều kì thú. Trong những ngày ấy, có biết bao điều vui buồn, hờn giận. Nhưng có lẽ nếu nói đến điều đặc biệt nhất của một ngày đối với tôi thì đó là niềm vui. Và trong cuộc sống đầy sắc màu này, niềm vui của bố mẹ tôi là tất cả, tất cả đều ý nghĩa đối với tôi. Thế nên, tôi xin kể lại một việc làm khiến bố mẹ tôi vui lòng trong tuần vừa rồi.

Ngày hôm ấy, như mọi lần, tôi lại tung tăng chân sáo tới trường. Từng cơn gió nhẹ nhẹ, mang không khí se lạnh của mùa đông, tạo nên những âm thanh huyền diệu; tiếng lá cây xào xạc, tiếng áo người đi xe bay phấp phật... nghe sao giống tiếng hát mượt mà của chị gió đang Dẫn đường cho bác mùa đông già nua, khó tính. Trong cảnh sắc mờ hơi sương, không khí trong lành đến lạ thường, tôi đang nghĩ về những tấm gương tốt mà tôi đã được đọc trên báo thì bỗng có tiếng khóc nhỏ thút thít ở đâu đó lọt vào “giác quan thứ 6” của tôi. Nhìn

quanh quần, cuối cùng tôi cũng nhìn thấy một em bé khoảng 4 tuổi đang đứng khóc một mình. Tôi nghĩ ngay rằng: “chắc em bé này bị lạc”. Tôi lại gần em hỏi:

– Em bị lạc mẹ à ?

Em khóc nức lên nghẹn lời:

– Chị ơi... Em muốn... Em muốn mẹ em. Hu... hu... mẹ ơi! Mẹ ơi!

Tôi nhẹ nhàng vuốt tóc em bé:

– Vậy chị đưa em về nhà nhé!

Em bé không nói chỉ gật đầu, tay gạt nước mắt. Tôi mỉm cười thân thiện rồi rút khăn tay ra, lau nước mắt cho em nhỏ.

– Nào ngoan nào. Nắm chặt tay chị nhé! Chị em mình đi thôi.

Em bé mỉm cười hồn nhiên:

– Vâng ạ!

Bỗng tôi khựng lại: “Chết rồi, chỉ còn 10 phút nữa là vào lớp rồi. Làm sao đây?”. Tôi đắn đo, nếu dắt em bé đi tìm mẹ thì sẽ bị muộn học nhưng chẳng lẽ lại bỏ em ở đây. Suy nghĩ một lát tôi quyết định đưa em đến đồn công an để các chú ấy tìm mẹ cho em. Thế là, tôi dẫn em bé đến đồn công an.

Chú công an mỉm cười:

– Có chuyện gì vậy cháu bé?

– Dạ thưa chú – Tôi đáp – Cháu đi học thì gặp em bé này bị lạc mẹ ạ!

Chú công an ngạc nhiên:

– Vậy, cháu gặp em bé này ở đâu?

– Dạ, cháu gặp em ở đường cái ạ!

– Ủa, vậy chắc người phụ nữ vừa đến hỏi con mình là mẹ của đứa bé này rồi. Vì lời báo của chị ta trùng với của cháu mà. Thôi được rồi, cháu để em bé lại đây. Chú sẽ thông báo để ta đón con về.

– Dạ vâng, thôi cháu chào chú ạ! Nói rồi tôi chạy vội ra ngoài thật nhanh để còn kịp giờ học.

Trên đường về nhà, tôi luôn mừng thầm vì mình đã làm được một việc tốt. Vừa đến cổng, tôi chạy nhanh vào lòng mẹ, tôi thì thào kể lại chuyện sáng nay. Mẹ tôi mừng rỡ hôn vào trán tôi:

– Ôi, con mẹ giỏi quá!

Từ ngoài cửa, bố tôi bước vào xoa đầu tôi:

– Tốt lắm con gái. Bố tự hào về con. Con đã làm được một việc rất tốt, đáng khen ngợi.

Hôm đó, nhà tôi tràn ngập tiếng cười vui. Nhìn bố mẹ cười nói vui vẻ, tôi rất vui bằng một việc làm tuy bé nhỏ nhưng đã đem lại nụ cười hạnh phúc cho bố mẹ.

TRẦN PHƯƠNG LY

(Theo Giang Khắc Bình, Nguyễn Thế Hà...
162 bài văn chọn lọc dành cho học sinh lớp 6)

Đề 2: Kể lại một lần em mắc lỗi.

BÀI LÀM

Trước khi vào câu chuyện tôi xin giới thiệu: tên tôi là Nguyệt, học sinh lớp 6C. Tôi kể câu chuyện này để cho các bạn nghe mà rút kinh nghiệm nhé và đừng học câu chuyện trên. Đó là chuyện tôi trốn học.

Hôm đó, tôi dậy sớm để đánh răng rửa mặt chuẩn bị đi học. Hàng sáng, mẹ tôi thường để chảo cơm trên bếp, sao hôm nay lại chẳng thấy đâu. Tôi lên hỏi mẹ: "Mẹ ơi sao mẹ vẫn chưa rang cơm cho bọn con ăn hả mẹ?". Mẹ nhẹ nhàng nói: "Hôm nay nhà mình hết tiền mua gạo, phải đợi tiền lương của bố và chị con, hay con chịu khó bỏ ăn sáng một buổi có làm sao đâu?". Tôi bực mình dậm chân dậm tay tỏ vẻ không bằng lòng. Tôi thoáng nhìn thấy nét mặt mẹ rất buồn. Mẹ bảo: "Thôi đi học đi con, mẹ phải đi làm việc của mẹ". Tôi tức quá phát khóc lên, bỏ cả cặp sách lên giường ngủ tiếp. Tôi không nhớ là hôm nay có bài để chuẩn bị cho tiết kiểm tra ngày mai, thú thực lúc đấy tôi rất bực nên chỉ vì chuyện nhỏ mà quên hết mọi thứ. Tôi chỉ khóc và lẳng lặng lấy chăn ra đắp. Lúc mẹ tôi đánh răng rửa mặt xong mẹ lên nhà khoá cửa để đi làm, mẹ có biết đâu là tôi ở trong nhà. Thế là tôi nằm trong chăn ấm áp, chiếc chăn ru tôi vào giấc ngủ êm đềm. Đến khi thức dậy thì đã quá muộn. Tôi giật mình, bổ chổng bổ choảng vùng dậy thì chao ôi, cửa nhà đã khoá. Tôi ngồi trong nhà kêu ầm ĩ lên nhưng vô hiệu, mọi người đều đi làm hết. Nhà tôi là nhà tập thể, xung quanh lúc đó chỉ có mấy đứa trẻ con. Tôi gọi chúng và bảo: "Các em giúp chị mở cửa ra với". Một đứa nhanh nhẩu nói: "Thế chìa khoá nhà chị để đâu thì chúng em mới mở được chứ!".

Tôi đứng ngăn người ra, quay lại nhìn đồng hồ thì thấy đã mười giờ rưỡi. Bụng tôi lúc này như có móng tay sắc nào cào vào. Mắt tôi hoa lên vì đói. Tôi lục hết mọi thứ trong nhà xem có cái gì ăn không, nhưng vô hiệu, chả có gì cả. Tôi nhìn ra ô cửa sổ thì thấy bạn Lan nhà bên bảo: "Nguyệt ơi sao hôm nay bạn không đi học? Thầy giáo phê bình bạn đấy". Tôi liền nói: "Lan ơi, hôm nay có bài nào không cho tớ mượn để tớ chép?". Lan rút trong cặp ra đưa cho tôi bài chuẩn bị cho tiết kiểm tra. Tôi học vẹt được vài bài nhưng không chịu nổi cơn đói. Vừa hay lúc đó mẹ tôi về bảo: "Ồ, sao hôm nay con không đi học?". Tôi bảo: "Mẹ nhốt con trong nhà thì làm sao con đi được". Mẹ bảo: "Mẹ không biết, cho mẹ xin lỗi". Rồi mẹ rút trong túi ra gói mì. Tôi không kịp bỏ vào bát mà vợ lấy vợ để ăn sống. Mẹ tôi ngồi nhìn tôi ăn, chảy cả nước mắt. Tôi nhìn mẹ tôi cũng cảm thấy mẹ không có lỗi trong chuyện này mà chính là mình đã làm cho mẹ lo. Sáng hôm sau đi học, tôi cố gắng làm bài kiểm tra một tiết, may sao được 5 điểm. Tôi ngượng quá, đây là mình còn lớp phó học tập mà điểm kém như thế.

Tôi rất ân hận vì đã làm đau lòng mẹ, và phí công thầy cô đã bỏ sức ra để dạy tôi, tôi rất ân hận và tôi hứa sẽ không bao giờ tái phạm nữa.

NGUYỄN THỊ NHƯ NGUYỆT

(Theo Nguyễn Trọng Hoàn, Hà Thanh Tuyền...

162 Bài văn chọn lọc dành cho học sinh lớp 6)

Đề 3: Hãy kể về một thầy (cô) giáo mà em quý mến.

BÀI LÀM

Có những lúc tôi chợt nhớ đến quá khứ. Trong đôi mắt thơ dại của tôi, cuộc đời là một khúc hát du dương trầm bổng cứ trôi đi mãi, chỉ để lại trong tôi những kỉ niệm buồn vui. Và tôi nhớ tới các thầy, các cô giáo đã từng dạy dỗ, dìu dắt tôi. Trong số đó có một cô giáo rất dịu dàng và cũng là người mẹ thứ hai của tôi, đó là cô Huế, dạy tôi hồi lớp bốn.

Cứ mỗi sớm mai tới trường, tôi đã thấy cô đứng đó với chiếc áo dài màu xanh tự lúc nào. Cô luôn đến sớm để đón chúng tôi với nụ cười trên môi. Cô hai mươi tám tuổi nhưng trông cô còn rất trẻ. Mái tóc dài óng ả được cô khéo léo cặp ra đằng sau, để lộ khuôn mặt trái xoan

duyên dáng và phúc hậu. Đôi mắt to, trong sáng, luôn mở to dưới cặp lông mày lá liễu, nhìn chúng tôi với ánh mắt trù mến và độ lượng. Chiếc mũi tuy không cao nhưng rất phù hợp với khuôn mặt của cô. Đôi môi đỏ thắm, mỏng như cánh hoa hồng, luôn nở nụ cười duyên dáng với hàm răng trắng bóng. Cô có dáng người thanh mảnh và những bước đi nhanh nhẹn. Tính cô thẳng thắn, nghiêm nghị nhưng cũng rất vui vẻ. Cô luôn tận tâm, tận lực, luôn dìu dắt, chỉ mong sao mai sau chúng tôi sẽ trở thành những công dân có ích cho xã hội. Trong giờ học, những bạn nào không chú ý lắng nghe, ư nhìn ra ngoài hay gục mặt xuống bàn là cô nhắc nhở ngay, có khi còn bắt đứng lên nhắc lại lời cô giảng hay ý kiến phát biểu xây dựng bài của bạn. Những lúc rảnh rỗi, cô thường kể chuyện cho chúng tôi nghe. Cả lớp cười vang khi nghe cô kể những mẩu chuyện vui, lý thú. Cô không chỉ chăm sóc chúng tôi mà còn quan tâm tìm hiểu các bạn gặp hoàn cảnh khó khăn, luôn tạo điều kiện về vật chất lẫn tinh thần. Cô luôn giúp đỡ các đồng nghiệp và các thầy cô khác cũng sẵn sàng giúp đỡ cô. Mỗi lần đi họp về, bố mẹ em lại hết lời khen ngợi về thái độ và năng lực giảng dạy của cô. Bố mẹ rất yên tâm khi tôi được cô dìu dắt để tìm con đường học tập tốt nhất. Nghe cô đọc thơ thật là thích: lúc thì cao vút như tiếng chim hoạ mi buổi sớm mai, lúc thì đầm ấm, thiết tha. Nghe thơ tôi có cảm giác y như nhà thơ Trần Đăng Khoa đã viết: "Nghe thơ em thấy đất trời đẹp ra". Hàng ngày, cô luôn nhìn chúng tôi với ánh mắt trù mến. Nhưng một lần cô gọi tôi lên bảng kiểm tra, hôm đó tôi quá mải chơi nên chưa làm bài tập. Cô phạt tôi điểm không. Tôi xấu hổ trở về bàn và ngồi phịch xuống. Ngược lên nhìn cô, tôi thấy nét mặt cô rất buồn, nhìn tôi với vẻ trách móc. Ngay chiều hôm đó, cô đến nhà tôi nhắc nhở, hỏi han và tranh thủ giảng cho tôi những bài tôi chưa giải được. Nhờ có sự kèm cặp liên tục của cô nên tôi tiến bộ rõ rệt về môn toán. Tôi nhớ lại những ngày tập viết với cô. Chữ tôi xấu cộng thêm tính cầu thả nên thường bị điểm kém. Trong những giờ học sau cô quan tâm tới nhiều hơn. Cô dạy tôi nắn nót từng chữ từng nét. Tuy bàn tay cô đã nhiều chỗ bị chạn sạn nhưng tôi vẫn thấy ấm áp và chan chứa tình thương. Bàn tay ấy đã chịu khó kiên nhẫn trao cho chúng tôi những kiến thức để làm hành trang bước vào đời.

Văng đâu đây lời của một nhạc phẩm: "mẹ của em ở trường là cô giáo mến thương...". Văng ! Đúng vậy. Làm sao tôi quên được người mẹ đã mở cánh cửa tâm hồn mình đón ánh hào quang của cuộc đời: cô Thanh Huế.

ĐÀO TÚ UYÊN

(Theo La Kim Liên, *Cái Văn Thái...*

162 Bài văn chọn lọc dành cho học sinh lớp 6)

Đề 4: Kể lại một lần em mắc lỗi.

BÀI LÀM

Ngồi trong căn nhà ấm cúng và nhìn những cơn mưa rơi ngoài cửa sổ, tôi bồi hồi xúc động nhớ lại một kỉ niệm buồn của tuổi ấu thơ mà có lẽ suốt cuộc đời này tôi sẽ chẳng bao giờ quên.

Đó là một hôm trời oi bức, Lan đứng trước cổng chờ tôi cùng đi học. Lan gọi rồi rít: "Trang ơi! Nhanh lên muộn học rồi". Tôi cuống quýt mặc quần áo và vội vàng chạy ra cửa. Nội gọi tôi lại và bảo:

– Cháu đem quần áo mưa đi, hôm nay trời oi dễ mưa lắm đấy!

Tôi đang vội nên vừa nghe thấy nội nói, tôi gắt lên:

– Nội đem cất quần áo mưa đi! Trời như thế này làm sao mà mưa được? Cháu mang nhiều sách lại cầm thêm áo mưa thì nặng lắm.

Nói xong, tôi nắm tay Lan cùng chạy đến trường. May sao cho chúng tôi, khi chúng tôi vừa vào lớp thì bác bảo vệ đánh trống truy bài. Bốn tiết học trôi qua nhanh chóng. Nhưng đến tiết thứ năm, tôi nhìn ra bầu trời: mây đen ùn ùn kéo đến, mỗi lúc một nhiều, gió bắt đầu thổi, sấm chớp liên hồi, báo hiệu một cơn mưa to sắp đến. Tôi hoảng sợ vì mình không mang áo mưa nên sẽ không về được, đến bây giờ tôi mới hiểu những lời nội nói ban chiều. Tôi thật sự ăn năn khi nghĩ về những lời gắt của tôi với nội. Hết tiết năm, tất cả các bạn học sinh đã về hết, bạn thì mang áo mưa, bạn thì có người đến đón. Thế là trong trường, chỉ còn lại mình tôi đứng lủi thủi dưới mái hiên. Bỗng tôi nhìn ra cổng trường thì thấy bóng ai trông quen quá, và tôi reo lên "Nội! Nội ơi! Cháu ở đây mà!". Nội trông thấy tôi liền tất tưởi đi vào mặc quần áo mưa cho tôi. Vì nội chỉ mang một bộ áo mưa nên nội nhường cho tôi mặc còn nội thì chỉ đội mỗi chiếc nón cũ. Khi đi

đường, lúc nào tôi cũng muốn xin lỗi nội nhưng không hiểu sao, mỗi tôi cứ mím chặt không nói lên lời. Về đến nhà quần áo nội ướt sũng, sau đó nội bị cảm rất nặng. Một tuần sau, nội mất. Bác sĩ bảo với bố mẹ tôi rằng nội đã già, sức khỏe yếu mà lại bị cảm nặng nên khó lòng qua khỏi. Tôi khóc nhiều lắm, tôi chỉ buồn khi nội ra đi quá sớm, tôi không có đủ thời gian để xin lỗi nội về những hành động thiếu ý thức của mình. Vì không nghe lời nội nên tôi đã gây ra tai họa. Tôi thấy xấu hổ, vừa xót thương cho nội, vừa hối hận vô cùng.

Nếu tôi có điều ước nào thì tôi chỉ muốn ước nội sống lại để tôi nói với nội: "Con xin lỗi nội", sau đó tôi sẽ được nội âu yếm, vuốt ve và kể cho nghe những câu chuyện cổ tích như thuở nào.

VŨ THỊ THU TRANG

(Theo Nguyễn Trọng Hoàn, Hà Thanh Tuyền...

162 Bài văn chọn lọc dành cho học sinh lớp 6)

Đề 5: Kể về kỉ niệm thời thơ ấu làm em nhớ mãi

Sông La quê ngoại

Kì nghỉ hè năm học vừa qua, em được mẹ đưa về thăm quê của bà ngoại em ở Hà Tĩnh đó là lần đầu tiên em được về quê ngoại. Con đường thật dài, phải gần 1000 cây số mất một ngày một đêm ở trên tàu mới tới nơi.

Đặt chân xuống quê ngoại em ngỡ ngàng, thanh bình và yên tĩnh quá, mở ra trước mắt em là cánh đồng lúa xanh mơn mớn, bao la típ tấp. Em nhắm mắt hít một hơi thật sâu hương lúa thơm dịu nhẹ, không khí trong lành mát mẻ. Từ ga tàu về nhà non một cây số, cả nhà em quyết định đi bộ để ngắm cảnh quê hương. Những ngôi nhà ở đây không cao như ở thành phố, nằm lẩn khuất dưới những bóng cây. Thỉnh thoảng một vài chú chó con thấy người lạ đi qua ngóc mõm lên: Gâu! Gâu! vài tiếng. Máy bà cụ già thấy mẹ con em đi qua cất tiếng hỏi: "Mẹ con nhà Thu về ngoại chơi đấy à? Gớm lâu quá rồi, mới thấy mẹ con mày!"

Em thầm nghĩ mọi người ở đây thật cởi mở, nồng hậu đáng yêu đến thế.

Đi thêm một lúc trước mặt em là một dòng sông hiền hoà êm ả. Trời! Dòng sông sao đẹp đến thế, xanh đến kì lạ, màu nước mà em

chưa hề thấy ở bất kì con sông nào của Sài Gòn. Thấy em đứng tần ngần, mẹ giải thích, những dòng sông ở miền Trung thường không đục, và đỏ như những con sông ở hai miền Nam và miền Bắc, vì dải đất miền Trung hẹp, sông ngắn ít phù sa, vì vậy những cánh đồng hai bên bờ sông thường ít màu mỡ. Người dân miền Trung vì thế mà cũng nghèo hơn các vùng khác. Nhưng bù lại những dòng sông ở miền Trung rất đẹp bởi màu nước trong xanh quyến rũ đến nao lòng người. Mẹ đọc cho em nghe câu thơ của một nhà thơ quê xứ Nghệ:

Dẫu bao năm tháng không về lại

Vẫn còn thăm thẳm nước sông La.

Em ngắm nhìn những con đò nhỏ xuôi trên dòng sông, từ từ chậm rãi, mặt sông gợn sóng lăn tăn, phía bãi xa có một đám trẻ đang đùa giỡn, té nước trắng xóa lên nhau, cười nói âm ỉ. Cả nhà tiếp tục cuộc hành trình. Dòng sông đã lùi lại phía sau lưng, em bỗng nghe câu hát của người chèo đò từ mặt sông cất lên:

Ai có biết nước sông La rằng là trong là đục

Thì mới biết sống cuộc đời rằng là nhục là vinh.

Vâng đúng thế! Em sẽ cố gắng sống thật xứng đáng, ơi dòng sông quê ngoại thân thương. Em sẽ còn trở lại nhiều lần nữa.

Đề 6: Kể một tấm gương học tốt hay giúp đỡ bạn bè mà em biết.

BÀI LÀM

Đến bây giờ, dù hai đứa học hai trường khác nhau nhưng tôi vẫn đến nhà và chơi với Sinh. Tôi rất cảm phục Sinh vì những việc mà Sinh đã làm cho Mai – người hàng xóm và cũng là bạn học của tôi và Sinh hồi tiểu học.

Ngày ấy tôi lên lớp Năm. Lớp tôi học có nhiều bạn chuyển đến lắm, nên lớp không được đoàn kết. Giờ ra chơi, ai mới chuyển đến, không quen biết bạn thì phải chơi một mình, còn những người học lớp cũ thì có bạn cũ để chơi. Tôi chơi thân với Mai từ hồi học mẫu giáo. Hai đứa nhà đều gần nhau, bố mẹ lại là bạn thân nên tôi coi Mai như em. Gia đình hai nhà khá giả nên tôi và Mai được đi học thêm ở nhiều nơi và tham gia nhiều câu lạc bộ thể thao, văn hoá. Lúc nào hai đứa cũng liên với nhau. Trong số những bạn mới vào lớp có

bạn tên là Sinh, vừa ở quê ra. Chắc vì hay đi chơi nên da bạn đen nhưng khoẻ. Sinh lười, ít giao tiếp nhưng học rất giỏi và có tài. Sinh biết đánh đàn oóc-gan. Cứ đến giờ hát là Sinh lên đánh đàn, lại hát mẫu cho cả lớp. Chúng tôi phục Sinh lắm. Một lần tôi và Mai ra Hồ Tây chơi. Thấy nước mát, Mai đi xuống những bậc thang dưới hồ múc nước rửa tay. Mai cúi xuống bỗng trượt chân ngã. “Mai không biết bơi”. Tôi nhớ ra. Tôi định trèo xuống, bơi cứu Mai thì chân tôi bị chuột rút. Tôi sợ quá, kêu to: “Cứu, cứu với, có người chết đuối”. Chưa kêu hết câu, tôi thấy có bóng đen lao xuống nước. Tôi lết ra, Sinh, đúng cậu ấy. Sinh dìu Mai vào bờ. Mai ngất đi. Tôi phải hô hấp nhân tạo cho Mai và hét to: “Đi gọi bác sĩ”. Sinh vù đi. Năm phút sau, bác sĩ đến... Mai nằm khóc, bố mẹ Mai cũng thế. Tôi ngồi nắm chặt tay Mai. Mẹ Mai dựa đầu vào vai bố Mai nức lên từng tiếng rõ rệt. Bác sĩ đã cố hết sức, nhưng cánh tay phải của Mai đã vĩnh viễn không cử động được. Từ đó Mai lười, mặc cảm với chính mình. Chỉ có tôi và Sinh – ân nhân của Mai – là có thể lại gần Mai. Làm sao Mai có thể đi học? Tôi hỏi Sinh, Sinh trả lời ngay: Tập viết lại bằng tay trái. Hằng ngày, dưới sự hướng dẫn của Sinh và góp ý của tôi, Mai phải tập viết. Năm tháng trôi mau, Mai phục hồi nhanh chóng và chẳng bao lâu đã thích ứng với hoàn cảnh. Tôi luôn bên Mai an ủi và Sinh luôn có mặt kịp thời, khi có kẻ nào chế giễu Mai hay trêu chọc hai chúng tôi. Mai vui dần lên, cười nhiều hơn và học vẫn giỏi như xưa. Cho đến cuối năm học, tôi và Sinh được nêu gương tốt toàn trường. Tất nhiên cả ba đứa đều là học sinh xuất sắc. Vài hôm sau đó, Sinh hốt hải chạy đến nhà Mai, vui mừng giơ tờ giấy vấy vấy, hét to: “Có tin mừng, Mai, Lan ơi!”. Tôi giật giấy, đọc lướt nhanh và hét lên: “Mai ơi, Bác sĩ bảo nếu cố gắng luyện tập, tay phải của cậu sẽ cử động được đấy”. Khởi nói bạn cũng biết sự vui mừng của tôi và Mai, cả Sinh nữa. Tôi cảm ơn Sinh, cảm ơn bác sĩ là ba Sinh. Mai cố bóp tay, động tác đơn giản nhất. Rồi dần dà, Sinh cho Mai tập gập tay, cử động ngón tay và cuối cùng là cầm bút viết. Mai đã thành công.

Qua năm lớp 6, Mai đã hoàn tất bình phục. Bây giờ, tuy không học cùng Mai, Sinh nữa, nhưng tôi sẽ nhớ mãi kỉ niệm đẹp của ba đứa chúng tôi.

Cao Bích Xuân

Bài 10

- Éch ngồi đáy giếng
- Thầy bói xem voi
- Đeo nhạc cho mèo
- Danh từ (tiếp theo)
- Luyện nói kể chuyện

ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

• **Truyện ngụ ngôn:** Loại truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người, nhằm khuyên nhủ, răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống.

• **Truyện Éch ngồi đáy giếng:** Từ câu chuyện về cách nhìn thế giới bên ngoài chỉ qua miệng giếng nhỏ hẹp của chú ếch, truyện Éch ngồi đáy giếng ngụ ý phê phán những kẻ hiểu biết cạn hẹp mà lại huênh hoang, khuyên nhủ người ta phải cố gắng mở rộng tầm hiểu biết của mình, không được chủ quan kiêu ngạo.

• **Thành ngữ:** "Ếch ngồi đáy giếng".

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Vì sao ếch thấy bầu trời trên đầu chỉ bé bằng cái vung và nó thì oai như một vị chúa tể?

Ếch nhìn bầu trời bé bằng cái vung, và nó là một vị chúa tể là vì:

+ Môi trường và hoàn cảnh sống của ếch nhỏ bé hạn hẹp:

- Éch sống lâu ngày trong một cái giếng không hề đi đâu.
- Xung quanh nó chỉ có vài con vật bé nhỏ, nhái, cua, ốc.
- Các con vật đều sợ tiếng ồm ộp của ếch... làm ếch ngộ nhận về mình.

+ Sự hiểu biết của ếch nông cạn:

- Bầu trời rộng mênh mông bao la đến thế mà ếch cứ ngỡ bé bằng cái vung.

– Thế giới bên ngoài vô cùng phong phú mà ếch tưởng chỉ có vài ba con vật bé nhỏ.

Câu 2. Do đâu ếch bị con trâu đi qua giẫm bẹp?

+ Ếch thay đổi môi trường sống: một cơn mưa to, làm nước giếng dâng lên đưa ếch ra ngoài.

+ Sự kiêu ngạo huênh hoang của ếch cho mình là chúa tể muôn loài: Đi lại nhâng nháo, chẳng thèm để ý gì xung quanh, nên bị con trâu đi qua giẫm bẹp...

Câu 3. Truyện ngụ ngôn Ếch ngồi đáy giếng nhằm nêu lên bài học gì? Ý nghĩa của bài học?

+ Thế giới là vô cùng rộng lớn và phong phú, phải luôn luôn mở rộng tầm hiểu biết của mình.

+ Không nên chủ quan huênh hoang kiêu ngạo, nếu không phải trả một giá rất đắt.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy tìm và gạch chân hai câu văn trong văn bản mà em cho là quan trọng nhất trong việc thể hiện nội dung, ý nghĩa của truyện.

+ "Ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung mà nó thì oai như một vị chúa tể" ⇒ Môi trường nhỏ hẹp và sự ngộ nhận của ếch về bản thân.

+ "Nó nhâng nháo đưa cặp mắt nhìn lên bầu trời, chẳng thèm để ý đến xung quanh nên đã bị một con trâu đi qua giẫm bẹp". ⇒ Sự kiêu ngạo của ếch và hậu quả nó phải chịu.

Câu 2. Thử nêu một số hiện tượng trong cuộc sống ứng với thành ngữ "Ếch ngồi đáy giếng".

+ Một người không bao giờ đi đâu ra khỏi làng nhưng cứ hễ mở miệng là ngợi ca làng mình, mọi thứ đều tốt hơn tất cả mọi nơi ⇒ "Ếch ngồi đáy giếng".

+ Một bạn học sinh chỉ mới là một trong những học sinh giỏi của lớp mà đã tự nghĩ rằng mình là xuất sắc vô địch nhất nhì thành phố về học lực ⇒ "Ếch ngồi đáy giếng".

Các em tự tìm ví dụ khác nữa nhé.

THẦY BÓI XEM VOI

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- Từ câu chuyện chế giễu cách xem và phán về voi của năm ông thầy bói, truyện *Thầy bói xem voi* khuyên người ta: muốn hiểu biết sự vật, sự việc phải xem xét chúng một cách toàn diện.
- Thành ngữ: "*Thầy bói xem voi*".

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Hãy nêu cách thầy bói xem voi và phán về voi. Thái độ của các thầy bói khi phán về voi như thế nào?

+ Cách các thầy bói xem voi:

- Vì mù nên họ không thấy được cả con voi mà mỗi người chỉ sờ được một bộ phận của voi nhưng họ đều tưởng đã biết tất cả về voi.
- Khi họ phán về những bộ phận của voi mà họ sờ được đều rất đúng, họ đã dùng lối so sánh ví von để diễn tả về bộ phận mà họ đã sờ được. Để tả về voi như cái chổi sể cùn, như con đĩa, như cái cột đình, như cái quạt thóc.

+ Thái độ của các thầy khi phán về voi:

- Ai cũng quả quyết ý kiến của mình là đúng, không chấp nhận ý kiến của người khác.
- Tranh cãi quyết liệt, cuối cùng dẫn đến xô xát đánh nhau chảy tóe máu đầu.

Câu 2. Năm thầy bói đều đã được sờ voi thật, mỗi thầy đã nói được một bộ phận của voi, nhưng không thầy nào nói đúng về con vật này. Sai lầm của họ là ở chỗ nào?

- + Sai lầm của các thầy bói là chỉ sờ thấy bộ phận mà không nhìn thấy toàn thể.
- + Chủ quan trong việc nhận thức sự vật hiện tượng, tự cho là mình đúng, như vậy họ không chỉ mù mắt mà còn mù về phương pháp đánh giá, mù về sự nhận thức.

Câu 3. Truyện ngụ ngôn "*Thầy bói xem voi*" cho ta bài học gì?

- + Truyện giúp cho chúng ta bài học về cách nhìn nhận, đánh giá trong cuộc sống: Phải nhìn nhận sự việc ở phương diện tổng thể, chứ không nên lấy cái bộ phận, đơn lẻ thay cho toàn thể.

+ Phải biết lắng nghe ý kiến của người khác, không nên bảo thủ, cố chấp cho mình là đúng.

+ Muốn đánh giá một sự việc hiện tượng được chính xác cần phải có sự kết hợp nhiều yếu tố tai nghe, mắt thấy...

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

... Từ câu chuyện một chú ếch ngồi đáy giếng, nhân dân ta ngụ ý phê phán những kẻ hiểu biết cạn hẹp mà lại huênh hoang, đồng thời khuyên chúng ta phải cố gắng mở rộng tầm hiểu biết của mình, không được chủ quan kiêu ngạo. Những thành ngữ "Coi trời bằng vung", "Ếch ngồi đáy giếng" chúng ta thường được nghe nhiều người nói, phải chăng được bắt nguồn từ truyện ngụ ngôn này, và ngụ ý phê phán răn dạy tương tự.

[...] Câu chuyện không nhằm chế giễu người mù – sự khiếm khuyết về thể chất mà nói tới sự mù về nhận thức, sự sai sót về phương pháp tìm hiểu thực tế. Qua tình huống cách sờ voi, rồi phê phán hình thù con voi của năm thầy bói, người đọc, người nghe chuyện bật cười, nụ cười nhẹ nhàng thú vị.

(Theo Vũ Dương Quỹ – Lê Bảo – Bình giảng văn 6)

Từ câu chuyện này, trong dân gian xuất hiện thành ngữ "Thầy bói xem voi" để chỉ sự đoán mò phiến diện, chỉ thấy bộ phận mà không thấy toàn cục, sự khái quát "non" không phản ánh đúng bản chất của sự vật, theo kiểu chỉ thấy cây mà không thấy rừng.

(Nhiều tác giả – Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ)

DANH TỪ (TIẾP THEO)

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- Danh từ chỉ sự vật gồm danh từ chung và danh từ riêng. Danh từ chung là tên gọi một loại sự vật. Danh từ riêng là tên riêng của từng người, từng vật, từng địa phương...

- Khi viết danh từ riêng, ta phải viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi bộ phận tạo thành tên riêng đó. Cụ thể:

- Đối với tên người, tên địa lí Việt Nam, tên địa lí nước ngoài phiên âm qua Hán Việt: Viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi tiếng.

– Đối với tên người, tên địa lí nước ngoài phiên âm trực tiếp, không qua âm Hán Việt: Viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi bộ phận tạo thành tên riêng đó; nếu bộ phận gồm nhiều tiếng thì giữa các tiếng cần có gạch nối.

• Tên riêng của các cơ quan, tổ chức, giải thưởng lớn, danh hiệu, huân chương... thường là một cụm từ. Chữ cái đầu của mỗi bộ phận tạo thành cụm từ này đều được viết hoa.

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

1. Điền danh từ trong câu sau vào bảng phân loại

Vua nhớ công ơn tráng sĩ, phong là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ngay ở Làng Gióng, nay thuộc xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

(Thánh Gióng)

BẢNG PHÂN LOẠI

Danh từ chung	Vua, làng, tráng sĩ, xã, huyện, đền thờ, công ơn
Danh từ riêng	Hà Nội, Phù Đổng Thiên Vương, Gióng, Gia Lâm, Phù Đổng

II. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Tìm danh từ chung và danh từ riêng trong câu sau

Ngày xưa/ở/miền/đất/Lạc Việt/cứ/như/bây giờ/là/Bắc Bộ/nước/ta/có/một/vị/thần/thuộc/nòi/rồng/con trai/thần/Long/Nữ/tên/là/Lạc Long Quân /

(Con Rồng, cháu Tiên)

+ Danh từ chung: Ngày xưa, miền, đất, nước, thần, nòi, rồng, con trai, tên.

+ Danh từ riêng: Lạc Việt, Bắc Bộ, Long Nữ, Lạc Long Quân.

Câu 2. Các từ in đậm dưới đây có phải là danh từ riêng không? Vì sao?

a) Chim, Mây, Nước, và Hoa đều cho rằng tiếng hát kì diệu của Hoạ Mi đã làm cho tất cả bừng tỉnh giấc.

Võ Quảng

b) Nàng Út bèn lên dâng lên nhà vua mâm bánh nhỏ.

(Nàng út làm bánh ót)

c) [...] Khi ngựa thét ra lửa, lửa đã thiêu cháy một làng, cho nên làng đó về sau gọi là làng **Cháy**.

(Thánh Gióng)

+ Các từ: Chim, Mây, Nước, Hoa, Hoa Mi, Út, vốn là danh từ chung – tên gọi một loại sự vật – nhưng trong trường hợp này lại là danh từ riêng vì được dùng để gọi tên của nhân vật trong truyện.

+ **Cháy** vốn là một động từ nhưng ở trong trường hợp này là danh từ riêng → dùng để gọi tên địa phương.

Câu 3. Có bạn chép đoạn thơ sau của nhà thơ Tố Hữu, mà quên viết hoa một số danh từ riêng. Em hãy viết lại các danh từ riêng ấy cho đúng.

Muốn sửa lại đúng lỗi của bạn chúng ta cần ghi nhớ quy tắc viết hoa, bài sửa:

Ai đi Nam Bộ

Tiền Giang, Hậu Giang

Ai vô thành phố

Hồ Chí Minh

rực rỡ tên vàng.

Ai về thăm bưng biền Đồng Tháp

Việc Bắc, miền Nam, mồ ma giặc Pháp

Nơi chôn rau cắt rốn của ta!

Ai đi Nam – Ngãi, Bình – Phú, Khánh Hoà

Ai vô Phan Rang, Phan Thiết

Ai lên Tây Nguyên, Công Tum, Đắc Lắc

Khu Năm dăng dặc khúc ruột miền Trung

Ai về với quê hương ta tha thiết

Sông Hương, Bến Hải, Cửa Tùng

Ai vô đó nói với đồng bào, đồng chí

Nói với nứa – Việt Nam yêu quý

Rằng: nước ta là của chúng ta

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà!

LUYỆN NÓI, KỂ CHUYỆN

1. Lập dàn bài cho các đề sau:

- Đề 1: Kể về một chuyến về quê.
Đề 2: Kể về một cuộc thăm hỏi gia đình liệt sĩ neo đơn.
Đề 3: Kể về một cuộc đi thăm di tích lịch sử.
Đề 4: Kể về một chuyến ra thành phố.

2. Dàn bài và bài làm tham khảo

"Kể về một cuộc đi thăm di tích lịch sử":

Dàn bài.

Mở bài: Đi thăm trong dịp nào, ai tổ chức.

Thân bài:

- + Tâm trạng khi được đi.
- + Khung cảnh chung của di tích.
- + Lịch sử của khu di tích.
- + Cảnh bên trong.
- + Không khí chung của mọi người.

Kết bài: Ấn tượng về buổi đi thăm.

* Bài làm tham khảo

Đầu tháng vừa qua, trường em tổ chức cho học sinh đi thăm khu di tích Tháp Chàm ở Mỹ Sơn. Đó là chuyến đi rất vui và thú vị.

Sáu giờ sáng, tất cả các bạn học sinh khối sáu đã có mặt đông đủ tại trường cùng với các thầy cô chủ nhiệm của mỗi lớp. Cùng tham dự chuyến tham quan còn có các thầy cô trong Ban Giám hiệu. Chỉ cần năm phút ra lệnh, sáu chiếc xe ca to đùng đã đầy ắp các bạn học sinh, ai nấy đều hớn hở, vui vẻ, khuôn mặt không dấu được sự háo hức hân hoan.

Con đường đi thật dài, từ Thành phố Đà Nẵng chúng em phải vượt gần bảy chục km mới tới khu di tích Mỹ Sơn. Khi đến chân núi khu tháp mọi người phải xuống đi xe chuyên dụng của khu di tích. Loại xe ca quá to, đường bé, dốc không lên được. Chúng em chia thành từng nhóm nhỏ, mỗi nhóm mười người lên một xe, con đường đi lên thật ngoằn ngoèo, len dưới rừng cây, hai bên là vách núi, gió

thời dào dạt. Cách khu di tích không hơn một cây số nữa chúng em phải xuống đi bộ vì xe không thể lên tới nơi. Ấn tượng đầu tiên của em là khi đặt chân tới Mỹ Sơn là sự hoang tàn đổ nát thảm nghiêm, hoang vắng. Những đền thờ, những tượng đài những tảng đá phủ đầy phong rêu nằm im lìm trong không gian u tịch.

Lúc này trên đường vào, đứa nào đứa nấy cười đùa râm ran thế mà giờ đây trở nên im lặng. Giọng cô thuyết minh trầm trầm giới thiệu.

Đây là khu đền thờ của người Chăm ngày trước, nó đã có mặt cách đây khoảng 7 thế kỉ – Qua biến động của thời gian, nó đã bị hoang phế và đổ nát đi gần hết, nay chỉ còn lại một số ít, nhưng chúng ta vẫn thấy rằng đây là những công trình kiến trúc vô cùng độc đáo, mà người Chăm đã tạo dựng lên.

Những đền thờ ở đây được xây dựng rất lạ, theo hình chóp dưới rộng và trên nhỏ dần, nhỏ dần lại đến lúc kín bưng. Mỗi đền thờ diện tích chỉ khoảng chừng hai mươi mét vuông được xây bằng gạch. Điều độc đáo là không biết người xưa đã dùng chất liệu gì để cho các viên gạch chồng xếp lên nhau, mà ngày nay ta nhìn vào không thể phát hiện ra được. Ở những nơi đổ nát người ta đã trùng tu lại, nhưng xem ra kĩ thuật hiện đại của người nay không bằng kĩ thuật thô sơ của người xưa. Những lớp gạch trùng tu chỉ sau vài ba tháng đã trở nên hoen ố rêu phong, còn những lớp gạch cách đây cả gần chục thế kỉ thì vẫn cứ đỏ au như mới.

Chúng em thơ thẩn đi khắp mọi nơi, những nơi các nhà khảo cổ đang khai quật và trùng tu lại chỉ đang đứng ngoài chiêm ngưỡng. Đến lúc ra về, cả đoàn ghé vào khu hội trường để thưởng thức những điệu múa, bài hát của dân tộc Chăm, thật sinh động và hấp dẫn.

Chia tay với Mỹ Sơn, lòng em bồi hồi nhớ về một thời quá khứ, tự hào về những gì mà cha ông đã tạo dựng lên. Khu di tích Mỹ Sơn đã được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới. Khi nó được trùng tu xong sẽ là một địa điểm tham quan hấp dẫn của khách tham quan trong nước và nước ngoài. Xe đã chạy xa em còn ngoái đầu nhìn lại những chiếc tháp khuất dần, khuất dần sau những rặng cây.

Mỹ Sơn ơi! Hẹn ngày gặp lại.

Bài 11

- **Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng**
- **Cụm danh từ**

CHÂN, TAY, TAI, MẮT, MIỆNG

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

*Từ câu chuyện của **Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng**, truyện nêu ra bài học: Trong một tập thể, mỗi thành viên không thể sống tách biệt mà phải nương tựa vào nhau, gắn bó với nhau để cùng tồn tại; do đó phải biết hợp tác với nhau và tôn trọng công sức của nhau.*

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Vì sao cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai, so bì với lão Miệng?

+ Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai, so bì với lão Miệng là vì họ nghĩ ai cũng phải làm việc nặng nhọc vất vả quanh năm:

- Cô Mắt phải luôn nhìn.
- Cậu Tay, cậu Chân phải luôn hoạt động.
- Bác Tai phải luôn lắng nghe.

+ Theo họ lão Miệng không làm gì cả chỉ ngồi ăn không.

⇒ Vì vậy họ đã kéo nhau đến nhà lão Miệng để so bì, và quyết định không làm gì nữa.

Câu 2. Truyện mượn các bộ phận cơ thể người để nói chuyện con người. Từ mối quan hệ này, truyện nhằm khuyên nhủ rằng dạy con người điều gì?

+ Từ khi cô Mắt, cậu Tai, cậu Tay, bác Tai quyết định không làm gì nữa để mặc cho lão Miệng tự lo lấy mà sống. Hai ngày, ba ngày cả bọn thấy mệt mỏi rồi không thể cất mình lên được đến ngày thứ bảy cả bọn không thể chịu đựng được nữa đã mệt mỏi họp nhau lại, bác Tai đã chỉ ra sự sai lầm của mọi người, và sự cần thiết của lão Miệng. Lão Miệng cũng có công việc của mình: nhai thức ăn, và nhờ có lão Miệng có nhai thức ăn thì mọi người mới khoẻ được.

+ Ý nghĩa:

- Truyện mượn các bộ phận cơ thể con người để nói về các tổ chức của con người trong xã hội.
- Mỗi tổ chức, mỗi con người có một nhiệm vụ và chức năng riêng, quan hệ với nhau chặt chẽ, không thể có cái này mà thiếu cái kia.
- Các tổ chức phải biết tôn trọng và hợp tác với nhau để tồn tại và phát triển, cũng như mỗi thành viên phải biết gắn bó với tập thể của mình.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Nhắc lại định nghĩa “Truyện ngụ ngôn” và tên gọi những truyện ngụ ngôn đã học

- + Về định nghĩa của truyện ngụ ngôn em cần nắm ba đặc điểm sau:
 - Loại truyện kể bằng văn xuôi, hoặc văn vần.
 - Mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng gió kín đáo chuyện con người.
 - Truyện nhằm khuyên nhủ, răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống.
- + Tên các truyện ngụ ngôn đã học: *Ếch ngồi đáy giếng; Thầy bói xem voi; Đeo nhạc cho mèo; Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng.*

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Từ câu chuyện “Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng” tác giả truyện ngụ ngôn nhắc chúng ta bài học: Trong một tập thể, mỗi thành viên không thể sống tách biệt mà phải nương tựa vào nhau, gắn bó với nhau để cùng tồn tại, do đó phải biết hợp tác với nhau, và tôn trọng công sức của nhau.

[...] Theo nghĩa của từ gốc Hán, ngụ hàm chứa kín đáo, ngôn là lời nói. Ngụ ngôn nguyên nghĩa là lời nói có ngụ ý, lời nói ý kín đáo để người nghe, người đọc tự suy nghĩ mà hiểu ý người nói, người viết.

(Theo Vũ Dương Quỹ, Lê Bảo – SDD 6)

Về mặt nào đó, truyện “Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng”, có ý nghĩa tương tự truyện “Thầy bói xem voi”, “Mua cua”... phê phán thói nhìn phần diện, coi thường cái toàn diện, chỉ nhìn cái cục bộ mà coi thường cái toàn thể. Không phân biệt đâu là chính, đâu là phụ. Mắt tưởng chỉ có mình làm việc một nhọc phân biệt ngày đêm. Tai tưởng

chỉ có mình nghe ngóng, chân tay tưởng chỉ có mình vát vả chân lấm tay bùn... Ai cũng chỉ biết có mình, đến khi “cả bọn lừ đừ mệt mỏi” mới vỡ lẽ ra rằng: “Lão Miệng có công việc là nhai. Như vậy cũng là làm việc”. Chỉ có quan điểm toàn diện mới nắm bắt được chân lí”.

(Theo Trần Gia Linh – Truyện dân gian Việt Nam)

CỤM DANH TỪ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- **Cụm danh từ** là loại tổ hợp từ do danh từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.
- Cụm danh từ có **ý nghĩa** đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn một mình danh từ, những hoạt động trong câu giống như một danh từ.
- **Mô hình cụm danh từ**

Phần trước		Phần trung tâm		Phần sau	
t_2	t_1	T_1	T_2	S_1	S_2
Tất cả	những	em	học sinh	chăm ngoan	ấy

- Trong cụm danh từ:
 - Các phụ ngữ ở phần trước bổ sung cho danh từ ý nghĩa về số và lượng.
 - Các phụ ngữ ở phần sau nêu lên đặc điểm của sự vật mà danh từ biểu thị hoặc xác định vị trí của sự vật ấy trong không gian hay thời gian.

II. TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

1. Cụm danh từ là gì?

Câu 1) Xác định từ được bổ nghĩa

Ngày **xưa**, có **hai** vợ chồng **ông lão đánh cá** ở với nhau trong **một** túp lều **nát trên bờ biển**

(Ông lão đánh cá và con cá vàng)

- Từ *xưa* bổ nghĩa cho từ *ngày*.
- Từ *hai* và cụm từ *ông lão đánh cá* bổ nghĩa cho từ *vợ chồng*.
- cụm từ *nát trên bờ biển* bổ nghĩa cho từ *túp lều*.

Câu 2) So sánh các cách nói và rút ra nhận xét:

- *túp lều / một túp lều;*
- *một túp lều nát / một túp lều nát;*
- *một túp lều nát / một túp lều nát trên bờ biển.*

+ *So sánh:*

- *Một túp lều* cụ thể hơn so với *túp lều* → vì có số lượng rõ ràng
- *Một túp lều nát* rõ nghĩa hơn so với *một túp lều* → vì thể hiện được tình trạng của túp lều;
- *Một túp lều nát trên bờ biển* cụ thể hơn so với *một túp lều nát* → vì xác định được địa điểm của túp lều.

+ *Nhận xét*

- Cụm danh từ có ý nghĩa đầy đủ hơn so với danh từ (từ túp lều cụm danh từ phát triển dần làm cho người đọc biết rõ thêm về số lượng – trạng thái – địa điểm của túp lều ấy).
- Cụm danh từ có cấu tạo phức tạp hơn danh từ (từ 1 từ → cụm từ → một vế câu → một câu).

Câu 3) Tìm một cụm danh từ và đặt câu.

Trái xoài chín, người mẹ, con cò

- Những *trái xoài chín* ở trong vườn đung đưa trong nắng nhẹ.
- Tất cả những *người mẹ* đều chăm lo cho con cái của mình.
- Những *con cò* trắng muốt tung cánh trên bầu trời xanh.

2. Cấu tạo của cụm danh từ

Câu 1) Tìm cụm danh từ trong câu sau:

Vua sai ban cho làng ấy ba thúng gạo nếp với ba con trâu đực, ra lệnh phải nuôi làm sao cho ba con trâu ấy đẻ thành chín con, hẹn năm sau phải đem nộp đủ, nếu không thì cả làng phải tội.

(Em bé thông minh)

+ Các cụm danh từ trong câu trên:

Làng ấy, ba thúng gạo nếp, ba con trâu đực, ba con trâu ấy, chín con, năm sau, cả làng.

Câu 2+3) Liệt kê các từ ngữ phụ thuộc đứng trước và đứng sau, điền vào mô hình

Phần trước		Phần trung tâm		Phần sau	
t ₂	t ₁	T ₁	T ₂	S ₁	S ₂
		làng		ấy	
	ba	thúng	gạo	nếp	
	ba	con	trâu	đực	ấy
	chín	con			
		năm		sau	
	cả	làng			

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Tìm các cụm danh từ trong những câu sau:

a) Vua cha yêu thương Mị Nương hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.

(Sơn Tinh, Thủy Tinh)

b) [...] Gia tài chỉ có một lưỡi búa cha để lại.

(Thạch Sanh)

c) Đại bàng nguyên là một con yêu tinh ở trên núi có nhiều phép lạ.

(Thạch Sanh)

Cụm danh từ trong các câu trên là:

a) Một người chồng thật xứng đáng, vua cha

b) Một lưỡi búa của cha để lại

c) Một con yêu tinh ở trên núi có nhiều phép lạ

Câu 2. Chép các cụm danh từ nói trên vào mô hình cụm danh từ.

Phần trước		Phần trung tâm		Phần sau	
t ₂	t ₁	T ₁	T ₂	S ₁	S ₂
		Vua		cha	
	Một	người	chồng	thật	xứng đáng
	Một	lưỡi	búa	của cha	để lại
	Một	con	yêu tinh	ở trên núi	có nhiều phép lạ

Câu 3. Tìm phụ ngữ thích hợp, điền vào chỗ trống trong các phần trích sau:

Thanh sắt được nói đến ở đây là thanh sắt đã mắc vào lưới của Lê Thận, ta có thể dùng phụ từ ấy hoặc các phụ ngữ *thanh sắt lúc nãy. Thanh sắt vừa rồi, thanh sắt kì lạ ấy* để điền vào chỗ trống.

Khi kéo lưới lên, thấy nặng nặng, Lê Thận chắc mẩm được mẻ cá to. Nhưng khi thò tay vào bắt cá, chàng chỉ thấy có một thanh sắt. Chàng vớt luôn *thanh sắt vừa mắc vào lưới* xuống nước, rồi lại thả lưới ở một chỗ khác.

Lần thứ hai cất lưới lên cũng thấy nặng tay, Thận không ngờ *thanh sắt lúc nãy* lại chui vào lưới mình. Chàng lại ném nó xuống sông. Lần thứ ba, vẫn *thanh sắt kì lạ ấy* mắc vào lưới.

(Sự tích Hồ Gươm)

Bài 12

- Treo biển
- Lợn cưới áo mới
- Số từ và lượng từ
- Kể chuyện tưởng tượng
- Viết bài tập làm văn số 3 (làm tại lớp, một số bài văn tham khảo)

TREO BIỂN

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

• **Truyện cười:** Loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.

• **Truyện Treo biển:** Mượn câu chuyện nhà hàng bán cá nghe ai “góp ý” về cái tên biển cũng làm theo, truyện tạo nên tiếng cười vui vẻ, có ý nghĩa phê phán nhẹ nhàng những người thiếu chủ kiến khi làm việc, không suy xét kĩ khi nghe ý kiến của người khác.

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Nội dung tấm biển đề treo ở cửa hàng (“Ở đây có bán cá tươi”) có mấy yếu tố? Vai trò của từng yếu tố?

Nội dung tấm biển đề treo ở cửa hàng: Ở đây có bán cá tươi, có ba yếu tố:

+ Yếu tố 1: ở đây → nói về địa điểm.

+ Yếu tố 2: có bán → nói về tính chất công việc giao dịch (bán khác nhau, hay chế biến).

+ Yếu tố 3: cá → nói về chủng loại mặt hàng.

+ Yếu tố 3: cá tươi → nói về chất lượng mặt hàng (tươi khác với ươn).

Câu 2. Có mấy người “góp ý” về cái biển đề ở cửa hàng bán cá? Em có nhận xét gì về từng ý kiến?

+ Có bốn ý kiến:

– Ý kiến thứ nhất: Nhà này xưa quen bán cá ươn hay sao mà bây giờ phải đề biển bán cá tươi.

⇒ Ý kiến này đề nghị bỏ chữ *tươi* → tức là bỏ mất thông báo về chất lượng mặt hàng – điều mà khách hàng quan tâm đầu tiên → tấm biển còn lại: **ở đây** có bán cá.

– Ý kiến thứ hai: người ta chẳng lẽ ra hàng hoa mua cá hay sao mà phải đề ở đây.

⇒ Ý kiến này đề nghị bỏ thêm từ *ở đây* tức là bỏ mất thêm một thông tin về địa điểm bán cá, thiếu địa điểm cụ thể, người mua sẽ rất lúng túng. Tấm biển chỉ còn: **có bán cá**.

– Ý kiến thứ ba: Ở đây chẳng bán cá thì bày cá ra để khoe hay sao mà phải đề là “có bán”

⇒ Ý kiến này đề nghị bỏ thêm từ *có bán* → tức là bỏ mất thêm thông tin tính chất của hoạt động giao dịch. Người mua sẽ phân vân ở đây bán? Hay mua? Hay chế biến? ⇒ Tấm biển chỉ còn từ **cá**.

– Ý kiến thứ tư: Chưa đi đến đâu phố đã ngửi mùi tanh, đến gần nhà thấy đây cá, ai chẳng biết là bán cá, mà còn đề biển làm gì nữa.

→ Với ý kiến thứ tư, thì tấm biển đã bị “hết đời”.

+ Cả bốn người góp ý đều vui vẻ chân tình, song các ý kiến của họ, thiên về lối bắt bẻ chữ nghĩa không có cơ sở khoa học – Từ một tấm biển đầy đủ thông tin về các phương diện bị xoá dần – xoá dần và mất hẳn.

Câu 3. Đọc truyện này, những chi tiết nào làm em cười? Khi nào cái đáng cười được bộc lộ rõ nhất? Vì sao?

+ Đọc truyện này chi tiết làm ta buồn cười đó là thái độ của nhà hàng trước sự góp ý của mọi người. Nhà hàng không hề có sự suy nghĩ hay phản bác gì cả mà lại nhanh nhẩu làm theo như một cái máy.

+ Nhưng buồn cười nhất là hành động *cắt đi cái biển* của nhà hàng, vô lí đến thế mà nhà hàng vẫn làm theo.

Câu 4. Ý nghĩa của truyện

Truyện “Treo biển” đã tạo nên tiếng cười vui vẻ, có ý nghĩa phê phán nhẹ nhàng những người thiếu bản lĩnh, thiếu suy nghĩ độc lập khi làm việc, cũng như khi nghe người khác góp ý, nhận xét.

(Theo Vũ Dương Quỹ – Lê Bảo – SDD 6)

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Nếu nhà hàng bán cá trong truyện nhờ em làm lại cái biển, em sẽ tiếp thu và phản bác những ý kiến của bốn người như thế nào, hoặc sẽ làm lại cái biển ra sao?

+ Nếu em là nhà hàng em có thấy rằng ý kiến của người thứ nhất là tạm chấp nhận được. Vì tấm biển dựng lên đã thay cho hai chữ ở đây rồi. Còn các góp ý hai, ba, bốn là không thể chấp nhận được.

+ Nếu làm lại tấm biển ta có thể đề như sau: Nhà hàng bán cá tươi.

+ Qua truyện này ta thấy rằng khi dùng từ phải đúng với sự vật, với nội dung cần diễn đạt.

LỢN CƯỜI, ÁO MỚI

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Truyện *Lợn cười, áo mới* chế giễu, phê phán những người có tính hay khoe của, một tính xấu khá phổ biến trong xã hội.

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Em hiểu như thế nào về tính khoe của? Anh đi tìm lợn khoe của trong tình huống như thế nào? Lẽ ra, anh phải hỏi người ta ra sao?

+ Tính khoe của: là một tính xấu, cố ý và tìm mọi cơ hội để làm cho người ta thấy, làm cho người ta biết mình là người giàu có.

+ Sự khoe của của anh đi tìm lợn.

– Đáng lẽ người khoe của trước phải là anh **áo mới**, nhưng anh ta chưa kịp phản ứng khi có người đi qua thì đã bị anh lợn cười giành mất.

– Anh đi tìm lợn đáng lẽ chỉ cần hỏi người ta: “Anh có thấy con lợn nào chạy qua đây không?”. Thế nhưng anh lại dùng từ lợn cười là từ không thích hợp để chỉ con lợn bị sống. Đây là dùng từ dư thừa có dụng ý → nhằm khoe cười hơn là tìm lợn bị mất. Khoe mình sắp cưới vợ, khoe về cỗ linh đình.

– Người thích khoe luôn tìm mọi cơ hội để khoe ngay cả lúc đang gấp rút, vội vã vẫn không quên điều đó.

Câu 2. Anh áo mới thích khoe đến mức nào? Điều bộ của anh ta khi trả lời có phù hợp không? Hãy phân tích yếu tố thừa trong câu trả lời của anh.

+ Tính thích khoe của anh áo mới hết sức quá đáng: Đứng ngay ở cửa để mọi người dễ nhìn thấy.

– Đứng từ sáng đến chiều (Sự kiên trì hiếm có).

⇒ Khoe một chút cho vui thì được, còn cách khoe của anh này đến mức bất bình thường → trở thành như một thứ bệnh: *Bệnh khoe*.

+ Điều bộ khi trả lời:

– Giờ ngay vạt áo ra: “Từ lúc tôi mặc cái áo mới này chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả”.

– Thừa trong cả lời nói và thừa trong cả hành động → Sự dư thừa ấy có chủ đích tìm cách khoe chiếc áo mới của mình mà anh đã chờ từ sáng đến chiều mới có người để khoe.

– Mặc dù bị anh lợn cười nâng tay trên trước, nhưng anh áo mới cũng đã tỏ ra là một cao thủ già dặn với hành động giờ áo, và câu trả lời: “Từ lúc mặc cái áo mới này” anh đã lật ngược ván cờ một cách bất ngờ, nhanh chóng gỡ hoà với đối thủ của mình một cách ngoạn mục.

Câu 3. Đọc “Lợn cười, áo mới” vì sao em lại cười?

+ Đọc “Lợn cười, áo mới” chúng ta cười vì tính thích khoe của một cách quá đáng của hai nhân vật.

+ Cười còn bởi vì tình huống truyện hết sức lí thú hấp dẫn, để cho hai đối thủ thích khoe chạm trán nhau trong hoàn cảnh hết sức đặc biệt.

Câu 4. Hãy nêu ý nghĩa của truyện “Lợn cười, áo mới”.

+ Câu chuyện đã đưa đến cho người đọc tiếng cười vui vẻ, sảng khoái sau ngày lao động mệt nhọc.

+ Phê phán những kẻ có tính hay khoe của một cách lộ bịch, thái quá, dẫn đến hậu quả chỉ làm trò cười cho thiên hạ.

III. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Ý nghĩa độc đáo của cái cười là ở chỗ, nó nâng con người cao hơn hoàn cảnh. Với thói hư tật xấu, khi ta cười nó, ta đứng ở vị trí bên trên nó. Như vậy cái cười, ở chiều sâu của nó, dường như đang có một cái gốc là những cảm xúc thấm đượm chất nhân văn – đó là sự nhiệt tình bảo vệ thống thiết con người, niềm mong muốn con người sống tốt hơn, đẹp hơn.

(Theo Đỗ Bình Trị – Truyện cười và phân tích truyện cười)

Nụ cười, tiếng cười là biểu hiện cảm xúc tự nhiên, hồn nhiên của con người trong cuộc sống. Ngoài những trường hợp đặc biệt, cười ra nước mắt, cười cay đắng đau khổ, đa số chúng ta khi vui, hay bất gặp một việc gì, nhìn thấy điều gì ngược đời, chướng mắt thì cất tiếng cười. Trong kho tàng văn học dân gian cha ông ta đã sáng tác cả một rừng cười, gọi là truyện tiếu lâm. Truyện cười ấy, rừng cười ấy là muôn vàn hoa lá khác nhau. Có truyện cười vui hóm hỉnh, xuề xoà để xóa đi những mệt nhọc trong lao động. Có truyện sâu cay châm biếm để chế giễu phê phán thói hư tật xấu, hoặc đả kích kẻ thù.

(Theo Vũ Dương Quỹ – Lê Bảo – Bình giảng văn 6)

Lợn cưới, áo mới là một truyện cười ngắn gọn nhưng hay và thú vị. Tình huống gây cười đặc sắc, kịch tính cao, cách dẫn truyện khéo, kết thúc đột ngột bất ngờ – tất cả đã làm cho tiếng cười bật ra giòn giã, sảng khoái, để phê phán một cách nhẹ nhàng thấm thía cái tính hay khoe của người đời. Nó xứng đáng là một trong những truyện cười vào loại hay nhất trong kho tàng truyện dân gian nước ta.

(Theo Nguyễn Xuân Lạc – Hướng dẫn tự học ngữ văn 6)

SỐ TỪ VÀ LƯỢNG TỪ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- **Số từ** là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật. Khi biểu thị số lượng sự vật, số từ thường đứng trước danh từ. Khi biểu thị thứ tự, số từ đứng sau danh từ.

- Cần phân biệt số từ với những danh từ chỉ đơn vị gắn với ý nghĩa số lượng.

- **Lượng từ** là những từ chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật.

• Dựa vào vị trí trong cụm danh từ, có thể chia lượng từ thành hai nhóm:

- Nhóm chỉ ý nghĩa toàn thể;
- Nhóm chỉ ý nghĩa tập hợp hay phân phối.

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

1. Số từ

a) Tìm từ được các từ in đậm bổ sung ý nghĩa.

Hai chàng râu hỏi đồ lính lễ cần sắm những gì, vua bảo: “**Một** trăm ván cơm nếp, **một** trăm nếp bánh chưng và voi **chín** ngà, gà **chín** cựa, ngựa **chín** hồng mao, **mỗi** thứ một đôi”

(Sơn Tinh, Thủy Tinh)

Tục truyền đời Hùng Vương thứ **sáu**, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức.

(Thánh Gióng)

Số từ	Vị trí	Danh từ được số từ bổ sung	Ý nghĩa biểu thị của số từ
Hai	Đứng trước danh từ	chàng	Biểu thị số lượng sự vật
Một trăm	Đứng trước danh từ	ván cơm nếp	Biểu thị số lượng sự vật
Một trăm	Đứng trước danh từ	nếp bánh chưng	Biểu thị số lượng sự vật
Chín	Đứng trước danh từ	ngà, cựa, hồng mao	Biểu thị số lượng sự vật
Sáu	Đứng sau danh từ	Hùng Vương	Biểu thị thứ tự
một	Đứng trước danh từ	đôi	Biểu thị số lượng sự vật

b) Tìm thêm từ có ý nghĩa khái quát như từ đôi

Tá, cặp, vạn, muôn, mười, chục...

2. Lượng từ

a) So sánh nghĩa của các từ in đậm trong câu với nghĩa của số từ.

[...] **Các** hoàng tử phải cỡi giáp xin hàng. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi **những** kẻ thua trận. **Cả** **mấy** vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn vẻn vẻn có một niêu cơm nhỏ xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa.

(Thạch Sanh)

+ Giống nhau:

Số từ và lượng từ: **các, cả mấy, những**, cùng biểu thị ý nghĩa chỉ lượng.

+ Khác nhau:

Các, cả mấy, những biểu thị số lượng không cụ thể, có tính chất khái quát.

+ Những từ có ý nghĩa và công dụng tương tự: tất cả, vô số, hàng vạn, muôn vàn...

b) Xếp các từ in đậm vào mô hình cụm danh từ

Phần trước		Phần trung tâm		Phần sau	
t ₂	t ₁	T ₁	T ₂	S ₁	S ₂
	các	hoàng	tr tử		
	những	kẻ		thua	trận
cả	mấy	vạn		tướng	lĩnh

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Tìm số từ trong bài thơ sau. Xác định ý nghĩa của các số từ ấy.

Một canh... hai canh... lại ba canh,
Trần trọc bắn khoăn, giắc chẳng thành;
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.
(Không ngủ được – Hồ Chí Minh)

+ Số từ trong bài thơ trên là: Một, hai, ba, bốn, năm

+ Ý nghĩa:

– Là số từ biểu thị số lượng sự vật (một, hai, ba) đứng trước danh từ.

– Là số từ biểu thị thứ tự (bốn, năm) đứng sau danh từ.

KỂ CHUYỆN TƯỚNG TƯỢNG

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- *Truyện tưởng tượng là chuyện do người kể nghĩ ra bằng trí tưởng tượng của mình, không có sẵn trong sách vở, hay trong thực tế nhưng có một ý nghĩa nào đó.*
- *Truyện tưởng tượng được kể ra một phần dựa vào những điều có thật, có ý nghĩa, rồi tưởng tượng thêm cho thú vị và làm cho ý nghĩa thêm nổi bật.*

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

Câu 1

+ Kể tóm tắt truyện ngụ ngôn “Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng”:

Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai bỗng một hôm ghen tị với lão Miệng vì bọn họ cảm thấy ai cũng làm việc mệt nhọc quanh năm chỉ riêng lão Miệng không làm gì cả chỉ ăn không ngồi rồi. Họ quyết định để cho lão Miệng tự đi tìm lấy thức ăn.

Một ngày, hai ngày, ba ngày... cả bọn thấy mệt rã rời không ai chịu đựng được nữa... Đến ngày thứ bảy bác Tai là người nhận ra sai lầm, nghe theo lời bác cả bọn kéo nhau đến xin lỗi bác Miệng. Lão Miệng cũng đang ở trong tình trạng nhột nhột, cả bọn xúm vào chăm sóc. Chúng hiểu rằng lão Miệng cũng có công việc rất quan trọng, liên quan đến tất cả mọi người. Từ đó cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai, lão Miệng lại sống vui vẻ với nhau không ai ganh tị ai cả.

+ Yếu tố tưởng tượng của câu chuyện:

– Các bộ phận của cơ thể được nhân hoá giống như con người, biết nói năng, hoạt động, biết ghen tị, phân tích, lí giải, biết ăn năn hối lỗi...

+ Yếu tố sự thật:

- Mỗi bộ phận trong cơ thể con người có một chức năng riêng, nhưng lại liên quan rất chặt chẽ với nhau.
- Một thực tế khác, Miệng là cơ quan để cơ thể nạp năng lượng, miệng không ăn được thì cơ thể rã rời, mệt mỏi.

Câu 2

Qua hai truyện *Lục súc tranh công* và *Giấc mơ trò chuyện với Lang Liêu* ta thấy rằng, mặc dù là trong truyện yếu tố tưởng tượng

đóng vai trò quan trọng, song cả hai truyện đều dựa trên những điều có thật của đời sống thực tế.

Câu 3. Các từ in đậm trong hai dòng thơ sau được dùng với ý nghĩa như thế nào?

*Con đi **trăm** núi **ngàn** khe*

*Chưa bằng **muôn** nổi tái tê lòng bầm*

(Tố Hữu)

Các từ *trăm*, *ngàn*, *muôn* trong câu thơ trên là những lượng từ, có ý nghĩa chỉ số lượng rất lớn không thể nào đếm xuể.

Câu 4. Qua hai ví dụ sau, em thấy nghĩa của các từ từng và mỗi có gì khác nhau?

a) Thần dùng phép lạ bốc **từng** quả đồi, dời **từng** dãy núi [...]

(Sơn Tinh, Thủy Tinh)

b) Một hôm, bị giặc đuổi, Lê Lợi và các tướng rút lui **mỗi** người một ngã.

(Sự tích Hồ Gươm)

+ Giống nhau: *Từng* và *mỗi* đều có ý nghĩa chỉ sự vật cá nhân riêng lẻ.

+ Khác nhau:

– *Từng* là theo thứ tự hết sự vật này đến sự vật khác

– *Mỗi* thể hiện tính riêng lẻ phân tán không theo thứ tự.

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3 (KỂ CHUYỆN ĐỜI THƯỜNG)

I. CHO CÁC ĐỀ BÀI SAU ĐÂY:

a) Kể về một kỉ niệm đáng nhớ (được khen, bị chê, gặp may, gặp rủi, bị hiểu lầm ...).

b) Kể một chuyện vui sinh hoạt (như nhận lầm, nhất gan ...).

c) Kể về người bạn mới quen (do cùng hoạt động văn nghệ, thể thao mà quen, tính tình của bạn ...).

d) Kể về một cuộc gặp gỡ (đi thăm các chú bộ đội, gặp các thiếu niên vượt khó ...).

đ) Kể về những đổi mới ở quê em (có điện, có đường, có trường mới, cây trồng ...).

e) Kể về thầy giáo (cô giáo) của em (người quan tâm lo lắng và động viên em học tập).

g) Kể về người thân của em (ông, bà, bố, mẹ, anh chị ...).

II. MỘT SỐ BÀI VĂN THAM KHẢO

Đề 1: Kể về một chuyện vui sinh hoạt

MÓN QUÀ CỦA NGƯỜI LẠ MẶT

Một hôm lớp học tôi bỗng xôn xao vì một chuyện lạ. Đầu tiên không ai để ý gì cả, nhưng dần dần mọi việc đã quá rõ. Thằng Tí là người luôn đi học sớm. Điều này lạ hoắc vì chưa bao giờ nó siêng năng như vậy. Khi đi học, nó còn không thèm gọi tôi. Nhiều lần lặp lại liên tiếp thế là tôi ráng dậy sớm để đi theo rình nó. Nó giở trò gì đây, tôi chẳng biết. Nó chỉ cắm cúi đi.

Khi đến lớp, nó nhảy xổ đến bàn cô giáo nhặt một cái gì đó rồi đi về bàn mình. Cầm cái vật nho nhỏ trong tay, nó cứ cười miết. Hỏi cười cái gì nó cũng không nói.

Tôi kể mọi chuyện cho tụi bạn nghe. Thế là cả bọn chúng tôi quyết định sẽ đến sớm hơn. Nhưng thật không may, khi đến lớp đã thấy nó chễm chệ cười cười, không nói. Hôm sau tụi tôi đến sớm hơn, vẫn thấy nó ngồi cười cười. Nó luôn đến trước. Mãi cả tuần sau tôi mới được hân hạnh là người đầu tiên.

Trên bàn cô giáo là một gói giấy nhỏ. Khi mở ra bên trong có một viên kẹo, chẳng biết ai đã để ở đây và để khi nào. Tôi vừa lột viên kẹo bỏ vào miệng thì vừa lúc thằng Tí xông vào.

Tôi hét to:

– Tao biết bí mật của mày rồi.

Thằng Tí bĩu môi:

– Tao đã ăn được những hai mươi viên.

– Nhưng ai để lại vậy?

– Tao không biết.

Giờ ra chơi tụi bạn bu quanh tôi hỏi:

– Cái gì vậy?

Tôi nhìn thẳng Tí rồi cười cười. Bọn chúng tức điên lên, hỏi mãi tôi cũng chỉ cười cười. Làm sao có thể cho bọn chúng biết được điều bí mật ngọt ngào này được.

Cách vài hôm, lại thêm một đứa mới biết điều bí mật. Chúng tôi cứ nhìn nhau cười cười ... Rồi dần dần lớp chúng tôi ai cũng biết điều bí mật. Chúng tôi đã phân công nhiều ổ mai phục, nhưng cuối cùng chẳng thu được kết quả gì. Luôn luôn, vào sáng sớm trên bàn cô lại xuất hiện một viên kẹo.

Lúc đầu chúng tôi cứ nghĩ là cô giáo Hà. Nhưng không phải. Cô luôn ra khỏi lớp khi trong phòng vẫn còn chúng tôi. Vậy thì ai? Nghĩ mãi vẫn không ra.

Một hôm tôi ngồi lì trong lớp, định ngồi đến sáng để chờ người lạ mặt, nhưng vì đói bụng quá đành ôm sách về. Rồi tôi chợt nghĩ lại tại sao mình không gửi lại cho người lạ mặt đó một lá thư. Thế là tôi viết ngay “gửi người lạ mặt, anh là ai vậy, có thể cho tôi biết được không?”

Hôm sau tôi vào lớp sớm, trên bàn vẫn như thường lệ có một viên kẹo gói trong tờ giấy nhỏ. Không có lá thư trả lời, còn lá thư của tôi thì biến mất. Chứng tỏ người lạ mặt đã lấy nó đi.

Tôi suy nghĩ lung lắm. Tại sao người lạ mặt không trả lời tôi. Một ý định khác chợt đến với tôi, tôi sẽ là người lạ mặt. Tại sao không chứ? Tôi cũng làm được vậy.

Hôm đó tôi giấu một quả ổi to tướng trong cặp. Đợi tụi bạn đi học về hết, gói nó lại bằng một tờ báo rồi đề chữ lên: “Tôi – người lạ mặt – có món quà nhỏ tặng người đến sớm.”

Hôm sau nghe tụi bạn kháo nhau:

– Đến hai người lạ mặt. Một người để trái ổi, một người để viên kẹo.

Hôm sau nữa bỗng xuất hiện ba người lạ mặt, rồi bốn, rồi năm, rồi sáu, rồi bảy ... Bây giờ chúng tôi vỡ lẽ ra rồi. Người lạ mặt đang ở trong lớp. Những buổi đi học về, đứa này cứ nhìn đứa kia nấn ná không muốn rời lớp. Chúng chính là kẻ lạ mặt.

Nhưng người lạ mặt đầu tiên là ai, vẫn không biết.

Nhưng buổi sáng đi học sớm, chúng tôi những người lạ mặt – người lạ mặt này ăn món của người lạ mặt kia. Lâu lâu trong món quà kèm theo câu hỏi rất vui. Và chúng tôi ngầm thoả thuận những câu hỏi bằng những món quà. Nhưng chúng tôi vẫn ám ức một điều, ai là kẻ lạ mặt đầu tiên?

Tôi kể chuyện này cho bố nghe. Bố nói:

– Đó mới là điều bí mật. Trong mỗi người bạn của con đều có điều bí mật và một món quà, đúng chưa? Khi biết món quà của ai ta sẽ yêu người đó, mà không yêu những người khác. Khi nhận món quà không biết ai gửi, con sẽ yêu tất cả những người con vừa quen. Vì biết đâu, một trong số họ đã gửi món quà đó, chúng ta không nên biết người lạ mặt để làm gì, đó cũng là điều hay ...

Tôi đi học và tôi biết, mỗi buổi sáng luôn có một người bạn nào đó, tặng tôi một món quà. Bạn có thấy điều đó thú vị không? Bạn hãy tưởng tượng đi. Những người xung quanh ta đều có thể là người lạ mặt. Và tất nhiên trước khi đi học về, bạn hãy nhớ quên một cái gì đó. Và bạn sẽ thấy, người lạ mặt từ từ xuất hiện thật nhiều cho đến lúc tất cả chúng ta đều là người lạ mặt.

(Theo Nguyễn Ngọc Thuần – *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*)

Đề 2: Kể về người thân của em

BÀ NỘI

[...] Tôi ngẩng cao đầu mới thấy tuổi của bà, chứ cứ nhìn bà chặt củi, nhổ sắn, nhìn bà đứng, bà đi không ai biết bà đã gần bảy mươi. Bà làm nhanh, đi nhanh, lững thững. Bà không hút thuốc Lào như u tôi, không ăn giầu.

Bà như một chiếc bóng, lặng lẽ, đi không ai biết, về không ai hay. Bà tất bật. Khi đi giồng sắn ở trại, lúc rầy rày rày, khi đi bắt cua bán, lúc cấy thuê. Có lần bà bỏ nhà bốn năm ngày. Tôi hỏi Linh nó rơm rớm nước mắt. Tuần phu đi rầm rập bắt thuế. Trống dồn sôi cả bụng, đập thành thịch vào cái ngực bé nhỏ của tôi.

Cả làng đã im ắng. Bà như chiếc bóng trở về. Ít khi tôi thấy bà nói chuyện nói trò với người khác ngoài các cháu ra. Ít khi tôi thấy bà đôi co với ai. Dân làng bảo bà hiền như đất. Nói cho đúng bà hiền như chiếc bóng. Nếu có ai lạnh chanh lạnh chối bà rủ rủ khuyên. Bà nói nhiều bằng ca dao tục ngữ. Những chị mồm năm miệng mười, sau khi bà khuyên chỉ còn mồm một, mồm hai.

Người ta bảo “con hư tại mẹ, cháu hư tại bà”, bà như thế chúng tôi hư làm sao được. U tôi như thế, chúng tôi không nở hư, nở hỏng.

[...] Một hôm thằng Linh gánh nước, thổi cơm xong, chờ bà đổ mắt, ông giới sai thần mưa đổ nước xuống sân từ sáng đến giờ.

Bà về, bà đi lão đảo. Áo xống ướt sũng. Cái khăn trên đầu không bao giờ bà vấn thành mỏ quạ mỏ cò gì cả. Nó ướt và giỏ nước ròng

ròng, bà vuốt mặt không kịp. Bà thất lưng con cón, cái giỏ của bên sườn đầy ắp, nhận nhạo. Con lớn giờ càng cấp con bé. Bà tháo giỏ của rồi chạy vào giường, hai bàn chân xoa vào nhau rồi bà nằm xuống. Thành Linh đặt tay lên trán bà. Nó hốt hoảng đi tìm bác Ký gái, u tôi, chị Diệp, cô Toán, cô Nụ. Chỉ một lúc thôi, con cháu đầy nhà. Cô Toán thay áo xống cho bà. Cô Nụ đốt chổi xể gần giường. Cô Diệp hái lá bưởi, lá vối, lá tre, hương nhu, đun nước xông. Bà trùm chăn xông lòng bùng và có tiếng sục sục. Thấy tôi đánh gió cho bà bằng gừng nướng với rượu. Sau đó thấy đổ rượu vào chén, lửa cháy xanh lè. Thấy úp chén, bốn cái chén nóng như nồi rang vào lưng bà. Khi lấy chén ra, bốn cái hình tròn tím bầm. Thấy lấy gai bưởi nhỏ ra. Những giọt máu đen sì. Thấy đã nhiều lần mười sống một chết, thấy thuốc đã báo cho thấy như thế. Có một sự lạ bà không rên nữa. Thấy gật đầu: “?? Khỏi”. Bác Ký gái thì lắc đầu: “Những người không ốm bao giờ, khi ốm thì khó qua khỏi”. Mọi người buồn ra mặt. Riêng thấy tôi cười nói như không. Lạ thật.

[...] Sáng sớm ngày thứ ba, mặt trời độ một con sào, nắng đỏ lựng cả sân. Chúng tôi riu ran chào bà. Bà ngồi giữa sân phơi nắng. Bà chải đầu bằng lược bí để bắt chấy. Tôi đứng nhổ tóc bạc, tóc sâu cho bà. Nhưng tóc bà bạc trắng. Người ta cứ hay nói: Cháu nhổ tóc bạc cho bà. Nói như thế để tỏ lòng thương bà mà thôi. Tôi không nhổ một sợi tóc nào. Hình như mỗi ngày tóc bà bạc đến mười sợi. Tôi ngậm ngùi. Bà tự khâu kim lấy, tôi lại vui: giàu hai con mắt. Tay bà run run vá áo. Tôi lại buồn: Khó hai bàn tay. Bác Ký thấy bà mặc vá, may cho bà một cái váy, cái áo; cho thành Linh bộ áo quần. Chưa lần nào bà nhận. Cứ gần tết bà mua mười vuông vải nâu diêm bầu vài thước vải trúc bầu. Bà sai thành Linh đi hái lá bàng về nấu lên nhuộm sau đó nhuộm bằng nước củ nâu. Nhuộm mãi vài chục nắng. Nó thành màu cánh gián. Riêng mấy thước vải của bà, bà giải ra sân trát kín bằng bùn ao phủ, phơi mấy đêm ngày. Nó đen nhẫy. Đây là vải váy của bà. Bà mua láng đen về làm khăn. Thế là bà mặc xềng xang ba ngày Tết và cả năm. Khi nó rách thì bà vá lại.

Mới mưa. Nước ao chùa lênh láng đục ngầy. Những loài ở nước được ngày mở hội. Chả mấy khi bà được rảnh rang. Chúng tôi tha hồ hỏi bà.

Cái Bàng hỏi hay nhất; bà bắt chuyện trẻ con thì thâu đêm suốt sáng nó không chán:

- Bà ơi! Sao con ẻnh ương ngắn cổ mà gào to thế?
- Nó phải gào lên để dọa những con còn hại nó.

– Bà ơi sao con chẫu chuộc lại kêu “chuộc, chuộc”?

[...] Cái áo của bà vá đã gần xong. Linh chạy về áo quần lấm bết. Nó xách xâu cá đến chục con.

– Ba con cá to nhất nó nhảy từ ao lên bờ. Trưa nay bà tha hồ ăn canh cá nấu hẹ!

Bà ngẩng phắt lên nhìn Linh:

– Chim sa cá nhảy là đừng có bắt, phải tội. Nó gặp nạn phải cứu nó. Cháu thả ngay ba con cá ấy xuống ao chùa!

Linh đang vui, bây giờ nó tiu nghỉu lặng lẽ đi thả cá.

Bỗng nhiên con quốc ở đâu bay đến, lủi vào bụi ruối, sát mặt nước góp vui vào ngày hội ao chùa “Lưỡi cuốc cuốc – già già già...” Nó kêu đến khản cổ. Thế là đàn bát âm thêm một giọng. Nghe tiếng uốc bà lắc đầu lăm bắm:

– Rõ khổ. Nó hiền lắm. Nó kêu vì cái nổi mất nước nhà tan. Nó kêu suốt đêm, suốt ngày, suốt mùa hè nó chỉ còn một nắm xương khô. Trước lúc chết nó tìm chỗ kín để giấu xác. Cho nên ít người tìm thấy xác nó...

Bà đã khỏi lại gần như trước. Bà lại lam lũ sớm tối.

Hơn một năm sau, vào một buổi trưa mùa đông, bà đi đâu về. Bà bảo Linh mua bốn cái đậu nướng. Ngồi trên giường, bà bẻ hai cái đậu chấm muối ăn. Bà nhìn Linh lúm cúm ra sân, mỗi miếng nhai nước mắt bà rùng rùng. Bà gọi Linh cho nó hai cái. Bà sụt sịt như ăn phải gừng. Bà nằm xuống phủ cái chăn điệp. Như linh tính của trẻ con, Linh ngơ ngác. Sao hôm nay bà ngủ trưa? Sao hôm nay bà ăn đậu? Nó áp mặt vào mũi bà, không thấy bà thở. Nó sờ chân bà, lạnh như đồng ngâm. Nó gào lên. Chỉ một lúc con cháu đến chập nhà, hàng xóm đến đầy sân. Mọi người lay gọi bà. Bà ?? ra cổng gào đến mười lần:

– Ba hồn chín vía bà ngoại ở đâu thì về với con cháu, với xóm, với làng...

– Bà ơi! Bà chết thật rồi!

Chúng tôi vừa khóc, vừa gào thét. Trong đám trẻ con thằng Linh gào khản cả cổ.

... Linh được bác Ký đem về nuôi. Ba gian nhà gianh gió lùa. Mấy cái ống tre ngoài hiên khóc vu vu cả ngày lẫn đêm.

Tôi đi qua có lần tưởng bà còn sống vì bà mất vội quá. Bà ơi bà! Bà vẫn hát đây:

Trèo lên cây khế nửa ngày...

(Theo Duy Khán – Bà Nội)

Đề 3: Kể về một kỉ niệm đáng nhớ**TÂM SỰ VỚI BẠN BÈ VỀ ĐIỂM THI THỬ BỊ THẤP**

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/5/2004

Luân thân mến!

Đã lâu lắm rồi chúng mình không liên lạc với nhau, nay có chút thời gian rảnh rồi mình liền viết thư cho cậu và báo cho cậu một tin buồn về kì thi thử của mình vừa rồi, bị điểm rất thấp, đồng thời cũng muốn tâm sự với cậu một đôi lời.

Cậu vẫn khoẻ chứ? Ba mẹ cậu thế nào? Cho mình gửi lời thăm ba mẹ cậu với nhé, à mà cả cu Tí bé bỏng dễ thương nữa. Còn mình và gia đình vẫn khoẻ, cả con mực vẫn cứ đáng yêu như ngày cậu còn ở bên cạnh nhà tớ vậy.

Kì thi thử vừa rồi, cậu thi được bao nhiêu điểm. Tớ chắc là cậu được 9, 10, đó là hai con số vốn dĩ vẫn thường hay yêu mến cậu mà. Còn tớ điểm lại rất thấp, tệ ơ là tệ. Cậu có biết tại sao không? Tớ kể cho cậu biết nguyên nhân tai hại đã khiến cho tớ bị điểm thấp trong kì thi thử vừa rồi nhé! Chả phải gì xa lạ, đó là vì sự cầu thả thiếu cẩn thận của mình.

Hôm đó, khi thi xong mình tí ta tí tởng về lớp và nghĩ rằng mình đã làm đúng một trăm phần trăm, điểm mười là cầm chắc. Về nhà mình khoe ba mẹ tíu tít: “Cả bài cuối khó nhất chỉ có bốn người làm được trong đó có con”. Ba mẹ mình vui lắm: “Con cố gắng đạt điểm mười cả hai môn văn – toán vào kì thi sắp tới nhé”. Ai dè đến khi dò lại bài cô giáo sửa ở lớp, mình mới tá hoả sai quá trời là sai và hết sức ngớ ngẩn. Tìm diện tích hình thang mình lại quên chia cho hai, quên đổi ra a, cộng trừ nhân chia lại sai tùm lum nữa, khi phát bài ra toán chỉ được 5,75 và tiếng Việt 8,25. Nếu mà đây là kì thi thật thì mình đã vào hệ B là cái chắc. Nhưng mình vẫn cứ nhơn nhơn không lo lắng gì cả, đã thế lúc về nhà lại giấu điểm đi không cho ba mẹ biết. Sáng hôm sau bất ngờ ba mẹ mình hỏi điểm. Sợ quá mình đành nói dối là một môn 9,5 và một môn 8,25. Nhưng điểm vậy mà ba vẫn la quá chừng. Buổi tối trước khi đi làm mẹ dặn mình làm bốn bài toán trong sách, để rèn luyện thêm cho tốt. Nhưng vì lười mình không làm bài mà lại ngồi chơi đánh bài với anh. Đến lúc mẹ gần về mình mới cuống quýt làm bài nhưng chỉ làm kịp có hai bài. Mẹ mắng cho một trận và bảo đưa bài thi thử vừa rồi cho mẹ xem. Mình đưa hai bài ra, thấy điểm toán chỉ 5,75, mẹ giận tái mặt ngồi lặng đi, bắt phạt một

trận nên thân. Đến lúc ba về thấy thế lại la thêm cho một trận nữa. Sau khi cơn giận đã nguôi, ba mẹ ngồi giảng giải cho mình, mình mới nhận ra rằng tính cầu thả, hấp tấp chủ quan thật tai hại. Thà làm được ba bài mà cẩn thận chắc chắn còn hơn làm hết cả bốn bài mà sai tõe loe toét loét như mình thì cũng bằng không. Cẩn thận là đức tính cần thiết trong cuộc sống đặc biệt là trong những kì thi quan trọng, Mình rất ăn năn hối hận. May mà mình vẫn còn cơ hội để sửa sai trong những kì thi sắp tới.

Thôi thư đã dài mình dừng bút đây. Chúng ta hãy cùng nhau ôn luyện bài thật tốt để cùng thi đậu vào hệ A nhé. Mong cậu được vào trường mà cậu yêu thích. Chúc cậu may mắn.

Hẹn gặp lại.

Bạn của Luân

Lê Hoàng Tâm

(Bài làm của Lê Hoàng Tâm học sinh lớp 6B trường Lê Lợi)

Đề 4: Kể về cô giáo em

ĐÔI GUỐC CỦA CÔ GIÁO HÀ

Cô giáo Hà lùn tịt nên cô mang đôi guốc cao gót. Từ dưới bục giảng nhìn vẫn thấy cô lùn. Cô chải tóc tём. Mẹ tôi nói, nhờ vậy nhìn cô trẻ mãi. Có một lần khi gọi tôi lên bảng. Cô nhìn tôi một hồi rồi nói:

– Em lớn nhanh thật, chẳng vài năm nữa em sẽ cao bằng cô.

Tôi nói:

– Đó là nhờ em chơi thể thao.

Cô trợn mắt hỏi lại:

– Em chơi thể thao?

– Dạ đúng vậy, Bố em nói, những người chơi thể thao luôn cao ráo và xinh đẹp. Mẹ em không chịu chơi thể thao nên mặt mụn đấy!

Cô cười cười không nói gì.

Tôi hỏi:

– Cô có chơi thể thao không?

Cô nói:

– Có... Có... sau đó thêm chút chút.

Tôi quan sát đôi guốc cao gót của cô. Mỗi lần cô bước lên bục giảng tim tôi cứ thót lại vì sợ cô ngã. Nhưng cô không ngã, cô còn đi rất nhanh và bước những bước thật dài. Có lẽ cô phải tập công phu lắm.

Tôi hỏi mẹ để bước đi như cô có lâu lắm không? Mẹ tôi lắc đầu mẹ không biết. Mẹ chưa bao giờ đi guốc cao gót vì chân mẹ rất to. Mẹ cũng rất thích nhưng chưa bao giờ có can đảm mua nó. Mẹ đã quen đi những đôi dép mỏng và bền. Vả lại, một đôi guốc cao gót không thể đi ruộng và lội sình. Nó phải đi trên đường nhựa với áo dài. Dáng của mẹ lại xấu, không thể bận áo dài được. Mẹ nói ngày mẹ còn trẻ mẹ có bận áo dài một lần nhưng sau đó thì thôi luôn. Khi bận áo dài, tôi sẽ không nhận ra mẹ. Mẹ thích tôi phải nhận ra mẹ kia. Thế là tôi không hỏi nữa.

Cô Hà có hai đôi guốc, một đôi màu xanh một đôi màu đỏ. Cô cứ luân phiên đổi nhau. Hai ngày đôi này, hai ngày đôi kia. Tôi thích đôi màu xanh hơn vì nó cao vừa phải, lại trông xinh xắn, khi đi nhìn cô ít gồng, tự nhiên hơn.

Băng đi một dạo không thấy cô mang nữa. Cô chỉ mang đôi guốc cao gót màu đỏ. Trên bục giảng cao màu đỏ trông thật nhức mắt. Tôi chờ mãi vẫn không thấy cô mang đôi màu xanh. Thế là một hôm tôi hỏi cô:

– Cô ơi! Sao cô không mang đôi guốc màu xanh?

Cô xòe to con mắt nhìn tôi:

– Em còn nhớ đôi guốc của cô à?

Tôi gật đầu:

– Em thích cô mang đôi guốc đó lắm. Trên bục giảng trông cô cao vút.

Cô gật gù vẻ sung sướng lắm:

– Cảm ơn em. Nhưng đôi guốc đó quá cũ.

– Không sao cả trông nó vẫn đẹp. Mẹ em luôn mang những đôi dép cũ. Bố em nói: quăng nó đi. Nhưng mẹ em vẫn không chịu. Mẹ nói đôi dép đó đã quen với mẹ rồi, nó là đôi dép đẹp nhất.

– Thế rồi bố em có nói gì không?

– Bố em chịu thua mẹ. Bố em nói mẹ cứng đầu lắm. Nhưng em biết bố đùa, bố không bao giờ nói mẹ cứng đầu. Có hôm em còn nghe bố nói mẹ là cục cứng. Em bật cười lắm. Mẹ to như vậy mà bảo là cục cứng. Vậy mà bố em vẫn nói là cục cứng.

Hôm sau, cô Hà mang đôi màu xanh. Nhìn thấy tôi cô trợn con mắt như muốn bảo: Bí mật đó nhé! Bí mật này chỉ có cô và em biết thôi. Tôi vui lắm không ngờ cô Hà lại tin tôi như vậy. Tôi có cảm giác cô mang guốc chỉ để cho một mình tôi nhìn.

Giờ ra chơi tôi chạy vụt đến chỗ cô rồi nói:

– Cô đẹp quá!

Cô cười, mặt đỏ lựng, cô nói:

– Cảm ơn! Nhờ em, cô mới biết đôi guốc màu xanh làm cô đẹp ra.

Khoảng một tháng sau bỗng tôi thấy cô xuất hiện trên bục giảng với đôi guốc màu đỏ. Cô nhún vai nhìn tôi. Thì ra đôi guốc màu xanh đã gãy cái gót. Khi mang cô sẽ đi cà thọt.

Cô nói:

– Nó cũ quá rồi, không thể sửa chữa được nữa.

Tôi an ủi cô:

– Không sao cả, màu đỏ trông cô cũng vẫn đẹp. Em sẽ không nhìn đôi guốc nữa, em sẽ nhìn khuôn mặt của cô, khuôn mặt sẽ không bao giờ cũ, khuôn mặt sẽ không bao giờ bị gãy gót.

Cô cười trông vui lắm, nói:

– Em là người hiểu cô nhiều nhất. Khi em hiểu đôi guốc của một người thì có nghĩa em sẽ hiểu người đó. Em sẽ hiểu tại sao người ta yêu cái màu xanh này mà không yêu cái màu đỏ kia.

– A! Em hiểu rồi! Cô yêu đôi guốc màu xanh này là vì cô yêu em.

Từ đó tôi không còn thắc mắc đôi guốc cao gót của cô Hà nữa. Cô có đi chân không tôi vẫn yêu cô. Mẹ nói chừng nào đến ngày nhà giáo, sẽ biếu cô một đôi guốc màu xanh.

Và tôi chờ đợi, lâu lắm ... lâu quá trời lâu.

(Theo Nguyễn Ngọc Thuận – *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*)

Đề 5: Kể về một cuộc gặp gỡ

HOA HỒNG TẶNG MẸ

Anh dừng lại tiệm bán hoa, để gửi hoa tặng mẹ anh qua đường bưu điện. Mẹ anh sống cách chỗ anh khoảng 300 km. Khi bước ra khỏi xe, anh thấy một bé gái đang đứng khóc bên vỉa hè. Anh đến và hỏi nó sao lại khóc.

– Cháu muốn mua một bông hoa hồng để tặng mẹ cháu – nó nức nở – nhưng cháu chỉ có 75 xu trong khi giá hoa hồng đến 2 Đô la.

Anh mỉm cười và nói với nó:

– Đến đây, chú sẽ mua cho cháu.

Anh liền mua hoa cho cô bé và đặt một bó hoa hồng để gửi cho mẹ anh. Xong xuôi anh hỏi cô bé có cần đi xe về nhà không? Nó vui mừng trả lời:

– Dạ! Chú cho cháu đi nhờ đến nhà mẹ cháu.

Rồi nó chỉ đường cho anh lái xe đến một nghĩa trang, nơi có phần mộ vừa mới đắp. Nó chỉ ngôi mộ và nói:

– Đây là nhà của mẹ cháu.

Nói xong nó ân cần đặt nhánh hoa hồng lên mộ.

Tức thì anh quay lại tiệm bán hoa, huỷ bỏ dịch vụ gửi hoa vừa rồi và mua một bó hồng thật đẹp. Suốt đêm đó anh đã lái một mạch 300km về nhà mẹ anh để trao tận tay bà bó hoa.

(Theo *Quà tặng cuộc sống* – Báo Tuổi Trẻ, Nhà xuất bản Trẻ)

LUYỆN TẬP KỂ CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG

I. CÁC ĐỀ BÀI LUYỆN TẬP

- Đề 1: Mượn lời một đồ vật, hay con vật gần gũi với em để kể chuyện tình cảm giữa em và đồ vật hay con vật đó.
- Đề 2: Thay ngôi kể để bộc lộ tâm tình của một nhân vật truyện cổ tích mà em yêu thích.
- Đề 3: Tưởng tượng một đoạn kết mới cho một truyện cổ tích nào đó (chẳng hạn truyện Sọ Dừa, Cây bút thần).

II. BÀI THAM KHẢO

Đề 1: Mượn lời đồ vật

NỖI NIỀM CỦA SIÊU NHÂN

Hôm chủ nhật, cuối tháng, mẹ bảo cả nhà làm cuộc tổng vệ sinh cho nhà cửa ngăn nắp gọn gàng. Tám giờ ăn sáng xong, cả nhà bắt tay vào việc. Mẹ lau chùi cọ rửa ngăn bếp, hai anh em tôi dọn dẹp phòng khách và phòng ngủ của mỗi người. Công việc khá nhiều, nếu không nhanh tay nếu có khách đến chơi thì thật bất tiện. Phòng khách đã sạch bóng, đến lượt là lô cốt của mỗi người. Tôi nhìn anh Hai nháy mắt – “cùng thi đua nhé”. Anh gật đầu. Tôi làm thoăn thoắt như một con thoi. Những chồng sách vở xiêu vẹo sửa lại ngay ngắn, những vết bẩn trên mặt bàn lau sạch, áo quần từng chồng vuông vức gọn gàng. Tôi thở phào khoan khoái tự khen mình: “Mình cũng khá đấy chứ nhỉ!”. Bỗng tôi nghe một tiếng rên khe khẽ, yếu ớt. Lắng tai và chăm chú quan sát, tôi nghe thấy tiếng rên được phát ra dưới chân góc giường. Bò xuống tận nơi tôi lôi ra con siêu nhân Đại Bàng bị gãy một chân. Con Đại Bàng thều thào:

– Cậu quên tôi rồi ư? Tôi là món đồ chơi trong tủ kính mà cậu đã ao ước cách đây hai năm về trước.

Tôi cầm Đại Bàng lòng bồi hồi xúc động.

Đại Bàng thì thầm kể:

Hôm ấy cậu đi với mẹ vào siêu thị, mua bao nhiêu là đồ nặng trĩu cả hai tay. Lúc đi qua tủ kính, thoáng nhìn thấy tôi cậu reo lên:

– Đẹp quá mẹ ơi! Con siêu nhân Đại Bàng này trông thật hùng dũng.

– Cậu mặc sức tán dương về tôi nhưng mẹ cậu vẫn không đồng ý, cậu đành im lặng ngoan ngoãn vâng lời, khi hai mẹ con đi ra khỏi siêu thị rồi cậu còn tần ngần đứng lại nhìn tôi với ánh mắt thêm thương. Chính bởi ánh mắt đó mà mẹ cậu đã thay đổi quyết định, trở lại quầy hàng và lấy tôi ra khỏi tủ kính. Tôi còn nhớ như in khuôn mặt bừng sáng hạnh phúc của cậu lúc ấy. Cậu hôn lên má mẹ và hôn lên cả má tôi. Tôi cũng hạnh phúc chẳng kém gì cậu đâu. Suốt trên đường từ siêu thị về nhà tôi được cậu ôm vào lòng chứ không phải nằm chung với bao thứ đồ đạc khác trong túi xách to dùng để ở giỏ xe máy. Tôi lấy làm hạnh diện lắm.

Về đến nhà ngay lập tức cậu cho tôi làm thủ lĩnh đồ chơi của cậu, được ngồi vào chỗ oai vệ nhất ngay trên bàn học tập phía góc phải – để mỗi khi học xong một môn cậu lại cầm tôi lên ngắm nghía chuyện trò. Những lúc bình thường tôi đứng ngắm cậu ngồi học trông thật dễ thương khuôn mặt trầm tư nghĩ ngợi có vẻ dăm chiêu lắm, sau đó lại viết liên tục... Tôi dang rộng đôi cánh của mình, sẵn sàng tấn công những con muỗi nào vo ve dám bén mảng tới gần cậu. Những ngày tiếp theo sau đó, là những ngày tuyệt vời của tôi. Cậu đã cho tôi tham gia các trận đánh lịch sử với các siêu nhân người dơi, siêu nhân khủng long, siêu nhân rô bốt, siêu nhân hình xăm, siêu nhân mình đen... những đối thủ của cậu trong lớp và ở các nhà hàng xóm. Những trận chiến thường diễn ra trong giờ ra chơi của mỗi buổi học, và cuối buổi chiều ngày chủ nhật. Tôi đã đem đến cả tới gần chục lần. Cậu còn nhớ những trận đánh ấy nữa không? Cho tới một ngày tôi bị thương, không phải là vì đánh nhau trên chiến trường mà lại là... giọng Đại Bàng trầm xuống rưng rưng ...

Hôm ấy như thường lệ đến giờ ra chơi giữa buổi, cậu lấy tôi ra đặt lên bàn, để chuẩn bị tham gia cuộc chiến, một cô bạn gái đi ngang với hộp bút trên tay vô ý hất tung tôi xuống đất – cậu ngớ người chưa kịp nhặt tôi lên thì từ ngoài cửa hai gã đuổi nhau lao vào trong cửa, một bàn chân thô bạo giẫm lên người tôi – tôi chỉ kịp nghiêng mình né tránh chỗ hiểm, nhưng cái chân trái thì bị nát bấy ra làm trăm mảnh.

Than ôi! Người dũng tướng không chết ở sa trường mà lại chết ở hậu phương với một sự rất ngớ ngẩn vô lí. Cậu mang tôi về làm lì suốt cả tuần lễ. Tôi bị gãy một chân không còn đánh trận được nữa, cậu cũng thôi không đi chơi những buổi chiều chủ nhật, những lúc giải lao giữa buổi ... Sau một thời gian, cậu thu dọn tất cả đồ chơi bỏ vào trong hộp tủ, tôi cũng ở yên trong đấy. Cho tới ngày họ hàng gậm nhấm kéo tới lôi tôi từ trong hộp tủ xuống gầm giường và mắc kẹt mãi tới bây giờ. Tôi ôm Đại Bàng vào lòng cảm thấy thật ân hận, tự giận mình bởi cái tính vô tâm. Mình Đại Bàng đầy bụi, tôi tắm rửa cho cậu ta thật sạch sẽ, xong xuôi để cậu ta lên bàn phía góc phải như thuở nào. Tôi nói với Đại Bàng:

– Từ nay chúng mình lại bên nhau mãi mãi nhé!”. Đại Bàng cười thật tươi.

(Lê Hoàng Tâm)

Đề 2: Do một lỗi lầm nào đó em bị phạt biến thành một con vẹt trong ba ngày. Hãy kể một câu chuyện về những ngày đó.

Thần Thời Gian đêm qua báo mộng cho tôi biết rằng, nếu trong tuần này mà tôi đi học muộn đến lần thứ ba thì thần sẽ hoá phép biến tôi thành con rùa trong ba ngày. Tôi vốn chẳng tin chuyện mộng mị, nên cho qua. Buổi sáng mùa đông thường khiến cho người ta lười dậy sớm. Nhà tôi lại ở gần trường, tôi cứ cố nằm ườn trên giường thêm một tí. Chuông reo báo bắt đầu giờ học cũng là lúc tôi hốt hải chạy vào. Thì đã sao? Còn ngày mai, tôi cứ việc ngủ thêm cho khoái. Vì tôi và thằng cò Nhật Linh đã bí mật vắn kim đồng hồ ở phòng bác thường trực chậm đến nửa tiếng.

Tôi tỉnh dậy và hơi ngạc nhiên vì không gian yên tĩnh lạ thường. Chắc là trời sáng đã lâu, vì thấy mặt trời lên cao, chói chang ngoài cửa kính. Sao không ai gọi tôi? Tôi định tung chăn ngồi dậy nhưng không thể. Tôi lại cố trở mình để ra khỏi giường mà không được. Tôi làm sao thế này? Tôi cúi nhìn mình thì ... Ôi thôi, tôi đã hoá thành rùa tự lúc nào! Tôi vùng vẫy, gào khóc, van vỉ thần tha tội cho tôi. Nhưng thần chẳng thèm đoái hoài. Thôi thế là mình nguy đến nơi rồi. Mình phải tự cứu mình trước khi thần cứu. Cố mãi tôi cũng ra được khỏi giường, chỉ tội bị rơi từ trên giường xuống thêm gạch một cú khá đau. Tiếp đến là phải lách mình qua cửa để đi kiếm cái gì ăn, vì bụng cũng đã đói rồi. Mọi chuyện diễn ra khá suôn sẻ khiến tôi vui lên tí chút. Nhưng khi vào phòng ăn của gia đình thì tôi mới thật sự thấm thía tình cảnh khốn khổ của mình. Bụng đói, nhưng thức ăn

của loài người không hợp khẩu vị của tôi lúc này, vả lại, mẹ tôi đã để mọi thứ quá cao. Vì mới làm loài rùa được mấy tiếng đồng hồ, nên tôi không biết khi đói thì mình cần đi tìm những thức gì lót dạ. Tôi cố vắt óc nhớ lại những kiến thức đã được học về môn Sinh vật để tìm lối thoát cho mình. Nhưng vốn là một chú bé nghịch ngợm và không phải là chăm học cho lắm, tôi làm sao nhớ được cơ chứ! Tôi lần ra bãi cỏ bên kia đường, gần đấy là một cái hồ rộng, nước không được sạch lắm, thậm chí, có thể nói là khá bẩn và rất tanh mùi bùn. Nhưng lúc này thì kén chọn làm gì nữa!

Số tôi thật không may, khi chỉ còn cách hồ chừng dăm thước thì tôi bị một lũ trẻ đi học về phát hiện. Một đứa kêu: “A ha! Một chú rùa!”. Thế là cả lũ xúm lại, hoan hỉ chộp lấy tôi.

Tôi trở thành tù binh của chúng ba ngày. Ba ngày, như người ta thường ví, thật là dài đằng đẵng bằng ba năm. Thôi thì đủ mọi trò nghịch tinh để hành hạ. Cực nhất là lũ trẻ luôn tổ chức trò chạy thi (không phải với thỏ mà với một chú cóc vàng, sau này tôi mới biết, đó chính là Nhật Linh, bạn cùng bị thần trừng phạt như tôi). Lúc đầu, tôi muốn cho lũ trẻ thấy rằng, tôi không dễ để chúng sai khiến, vì chỉ cách đây một ngày thôi, tôi cũng là người như chúng, hơn nữa, còn là một bậc đàn anh của chúng nữa. Nhưng bọn trẻ dường như không thêm biết tới điều đó. Có đứa còn dùng roi quất vào mai tôi, bắt chạy thật nhanh trong lúc những đứa khác hò reo cổ vũ hai “vận động viên” bất đắc dĩ.

Ném đủ mọi điều cay đắng, tôi và cóc vàng đều mệt nhoài. Cả hai ứa nước mắt. Dù không nói ra nhưng trong thâm tâm mỗi đứa đều tự hứa với lòng mình, sau này sẽ không bao giờ dám lề mề, chặm chạp và đặc biệt không dám nghĩ ra những trò nghịch ngợm tinh quái nữa. Giữa lúc tôi và cóc vàng đang nhìn nhau xót xa, ân hận như thế thì bỗng có tiếng mẹ tôi lay gọi: “Nam! Nam ơi! Con mơ thấy gì mà vật vã dữ vậy?”.

Tôi tỉnh dậy, bàng hoàng, nước mắt vẫn còn ướt đầm trên gối. Thì ra, tất cả chỉ là một giấc mơ.

(Theo Ôn tập ngữ văn 6 – Nguyễn Văn Long chủ biên)

Đề 3: Hãy tưởng tượng ra một kết cục khác cho truyện “Ông lão đánh cá và con cá vàng” rồi kể lại bằng lời ông lão.

Tôi là ông lão đánh cá, ông lão khốn khổ nhất trên đời đây. Mụ vợ tôi sao mà tham lam quá thể. Mụ ta đã có đủ toà ngang dãy dọc,

đã có bao nhiêu là vàng bạc châu báu, đã có bao nhiêu kẻ hầu người hạ, mẹ ta đã làm nữ hoàng rồi mà vẫn chưa bằng lòng. Mẹ ta lại đòi được làm Long Vương để bắt cá vàng hầu hạ ngày đêm mới thoả. Vì thế, tôi lại phải đi ra biển.

Con đường quen thuộc sao trở nên xa lạ thế. Bờ cát vắng vẻ. Biển sôi bọt giận dữ. Sóng bạc đầu đuổi nhau vỗ bờ oàm oạp. Gió réo ù ù. Tôi cất tiếng khẩn thiết gọi cá vàng. Tiếng tôi chìm đi trong sóng biển khơi. Vậy mà cá vàng vẫn nghe thấy, vẫn hiện lên. Sau khi nghe tôi kể lễ đầu đuôi, cá vàng liền bảo: “Hỡi ân nhân của tôi! Đừng tự dằn vặt nữa cho khổ thêm ra. Tôi hiểu tình cảnh của ông lão rồi. Ông sống làm sao nổi với mẹ vợ tai quái ấy. Trời sẽ trừng phạt thói tham lam và bội bạc của mẹ. Ông hãy xuống thuỷ cung vui vầy cùng tôi. Như thế, ông đỡ bị hành hạ mà tôi cũng thoả mong ước được đền ơn cứu mạng”.

Lời mời gọi của cá vàng thật chân thành, tin cậy. Nhưng bỏ làng xóm quê hương mà đi sao đành. Còn cả mẹ vợ tham lam kia nữa. Dù sao mẹ cũng đã cùng tôi chịu đựng đói nghèo suốt bao năm. Vả lại, trần gian với thuỷ cung chắc cũng có nhiều điều khác biệt, chắc gì mình đã được thoả mái, yên vui? Tôi còn đang suy tới nghĩ lui thì bỗng nghe tiếng ngựa hí vang rền, tiếng đao kiếm chan chát cùng tiếng hò hét gọi đích danh tên tôi đòi trị tội. Không thể trở về được nữa rồi, tôi đành cười lên lưng cá vàng xuống thuỷ cung.

Biết tôi vẫn chưa hết lưu luyến cõi trần, cá vàng liền cho tôi mượn gương thần để tôi xem lại cảnh trần gian. Trong cung điện nguy nga, mẹ vợ tôi đang ngồi chờ phép lạ như những lần trước. Chờ mãi, chờ mãi cũng không thấy quân lính áp giải tôi trở về, mẹ sốt ruột nghiêng rằng nguyên rủa. Lời mẹ chưa dứt thì mây đen bỗng đâu kéo đến. Gió nổi âm âm. Đã nghe tiếng tường đổ, ngói rơi. Kẻ hầu người hạ xung quanh đã có người hoảng sợ bỏ chạy. Bực tức và tuyệt vọng, mẹ quát tháo âm ỉ rồi cùng đám cận thần lao ra biển. Không tìm thấy tôi, cũng chẳng thấy cá vàng, mẹ giậm chân la hét chửi rủa. Một cơn sóng thần xô tới, cuốn phăng mẹ già tham lam, độc ác cùng tất cả quân lính, xe ngựa chìm xuống đáy biển sâu.

Tôi không biết nói gì hơn được nữa. Từ đó, tôi lặng lẽ sống ở chốn thuỷ cung cùng với cá vàng.

(Theo Ôn tập ngữ văn 6 – Nguyễn Văn Long chủ biên)

Bài 13

- Ôn tập truyện dân gian
- Chỉ từ

ÔN TẬP TRUYỆN DÂN GIAN

Thể loại	Định nghĩa	Đặc điểm nội dung	Đặc điểm nghệ thuật	Các truyện đã học
TRUYỆN THUYẾT	Loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo. Truyện thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện lịch sử và nhân vật được kể lại.	Đề cập đến hai nội dung lớn: – Cuộc đấu tranh chống thiên nhiên để lao động sản xuất bảo vệ cộng đồng – Cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược.	– Yếu tố kì ảo hoang đường đan xen với yếu tố lịch sử.	– Con Rồng, cháu Tiên – Thánh Gióng – Sơn Tinh, Thủy Tinh – Sự tích Hồ Gươm
CỔ TÍCH	Loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc: nhân vật bất hạnh; nhân vật dũng sĩ và nhân vật có tài năng kì lạ; nhân vật thông minh và nhân vật ngốc nghếch; nhân vật là động vật. Truyện cổ tích thường có yếu tố hoang đường, thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, sự công bằng đối với sự bất công.	Phản ánh nhiều vấn đề trong cuộc sống, nhưng chủ yếu là vấn đề quan hệ xã hội, đấu tranh giai cấp; thiện – ác, tốt – xấu, giai cấp thống trị – và nhân dân lao động	Sử dụng nhiều yếu tố kì ảo, hoang đường làm cho truyện thêm li kì, hấp dẫn, và để cho câu chuyện kết thúc như mong ước của mọi người. (Nhân vật kì ảo, đồ vật kì ảo, con vật kì ảo).	– Sọ Dừa – Thạch Sanh – Em bé thông minh – Cây bút thần – Ông lão đánh cá và con cá vàng

NGỤ NGÔN	Loại truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng gió kín đáo chuyện con người, nhằm khuyên nhủ, răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống.	Qua câu chuyện người xưa muốn răn dạy về một bài học trong cuộc sống.	– Thường dùng yếu tố ẩn dụ, nhân hoá – Dùng phương pháp tưởng tượng – Truyện thường ngắn, kết thúc bất ngờ.	– Ếch ngồi đáy giếng – Thầy bói xem voi – Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng – Đeo nhạc cho mèo
TRUYỆN CƯỜI	Loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội	– Phê phán những điều trái với tự nhiên, những thói hư tật xấu của người đời. – Thể hiện nhận thức và thái độ của người nghe.	– Có kết cấu ngắn gọn, bất ngờ – Sử dụng yếu tố phóng đại để gây cười mua vui	– Lợn cười, áo mới – Treo biển

CHỈ TỪ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- *Chỉ từ* là những từ dùng để trỏ vào sự vật, nhằm để xác định vị trí sự vật trong không gian hoặc thời gian.
- Chỉ từ thường làm **phụ ngữ** trong cụm danh từ. Ngoài ra chỉ từ còn có thể làm chủ ngữ hoặc trạng ngữ trong câu.

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

1. Chỉ từ là gì?

a) Các từ in đậm trong câu sau bổ sung ý nghĩa cho từ nào?

Ngày xưa có ông vua **nọ** sai một viên quan đi dò la khắp nước tìm người tài giỏi. Viên quan **ấy** đã đi nhiều nơi, đến đâu quan cũng ra những câu đố oái oăm để hỏi mọi người. Đã mất nhiều công tìm kiếm nhưng viên quan vẫn chưa thấy có người nào thật lỗi lạc.

Một hôm, viên quan đi qua một cánh đồng làng **kia**, chợt thấy bên vệ đường có hai cha con nhà nọ đang làm ruộng [...]

(Em bé thông minh)

+ Từ *ấy* bổ nghĩa cho từ *viên quan*.

+ Từ *kia* bổ sung cho từ *làng*.

+ Từ *nọ* bổ nghĩa cho từ *nhà*.

b) So sánh cụm từ

+ ông vua/ông vua nọ

Từ *nọ* bổ nghĩa cho từ ông vua – giúp xác định vị trí của ông vua được cụ thể hơn.

+ viên quan/viên quan ấy

Từ "ấy" là phụ ngữ trong cụm danh từ nhằm xác định vị trí của viên quan, giúp phân biệt viên quan này và những viên quan khác.

+ làng/làng kia

Từ "kia" làm phụ ngữ cho danh từ làng – nhằm xác định vị trí của ngôi làng trong không gian.

+ nhà/nhà nọ

Từ "nọ" làm phụ ngữ cho danh từ nhà nhằm xác định vị trí của ngôi nhà trong không gian, phân biệt ngôi nhà nọ với những ngôi nhà khác.

c) Nghĩa của các từ *ấy*, *nọ* trong những câu đã phân tích so với nghĩa của từ *ấy*, *nọ* trong câu sau:

Hồi ấy, ở Thanh Hoá có một người làm nghề đánh cá tên là Lê Thận. Một đêm nọ, Thận thả lưới ở một bến vắng như thường lệ.

+ Từ *ấy*, *nọ* trong câu này nhằm xác định vị trí của sự vật trong thời gian, còn những câu trên xác định vị trí của vật trong không gian.

+ Xét về hoạt động trong câu, từ *ấy*, *nọ* → làm trạng ngữ trong câu, còn ở những câu trên từ *ấy*, *nọ* làm phụ ngữ trong cụm danh từ.

2. Hoạt động của chỉ từ trong câu

a) Trong các câu đã dẫn ở phần 1 chỉ từ đảm nhận chức vụ là:

+ Phụ ngữ danh từ (câu a, b).

+ Trạng ngữ trong câu (câu c).

b) **Tìm chỉ từ trong câu, và xác định chức vụ của chúng trong câu**

+ *Cuộc chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta dù phải gian khổ hi sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.*

Đó là một điều chắc chắn.

(Hồ Chí Minh)

– Chỉ từ trong câu trên: **đó**

– Chức vụ trong câu: chủ ngữ.

+ *Từ đấy, chăm nghề trồng trọt chăn nuôi và có tục ngày tết làm bánh chưng, bánh giầy.*

(Bánh chưng, bánh giầy)

– Chỉ từ trong câu trên: **đấy**

– Chức vụ trong câu: trạng ngữ chỉ thời gian

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Tìm chỉ từ trong những câu sau đây. Xác định ý nghĩa và chức vụ của các chỉ từ ấy.

a) *Vua cha xem qua một lượt rồi dừng lại trước chồng bánh chưng của Lang Liêu, rất vừa ý, bèn gọi lên hỏi. Lang Liêu đem giấc mơ gặp thần ra kể lại. Vua cha ngẫm nghĩ rất lâu rồi chọn hai thứ bánh ấy đem tế Trời, Đất cùng Tiên Vương.*

(Bánh chưng, bánh giầy)

+ Chỉ từ trong câu trên là: **ấy**

+ Ý nghĩa: xác định sự vật trong không gian phân biệt bánh của Lang Liêu với những thứ khác.

+ Chức vụ: làm phụ ngữ cho cụm danh từ: **hai thứ bánh.**

b) *Đấy vàng, đây cũng đồng đen*

Đấy hoa thiên lí, đây sen Tây Hồ.

(Ca dao)

+ Chỉ từ trong câu thơ: **đấy – đây**

+ Ý nghĩa: xác định vị trí của người được nói tới trong không gian.

+ Chức năng: làm chủ ngữ trong câu.

c) *Nay ta đưa năm mươi người con xuống biển, nàng đưa năm mươi người con lên núi, chia nhau cai quản các phương.*

(Con Rồng, cháu Tiên)

+ Chỉ từ trong câu là: **nay**

+ Ý nghĩa: xác định sự vật trong thời gian.

+ Chức năng: trạng ngữ chỉ thời gian.

d) *Từ đó nhuệ khí của nghĩa quân ngày một tăng.*

(Sự tích Hồ Gươm)

+ Chỉ từ trong câu là: **đó**

+ Ý nghĩa: xác định vị trí của vật trong thời gian.

+ Chức năng: trạng ngữ chỉ thời gian.

Câu 2. Thay các cụm từ in đậm dưới đây bằng những chỉ từ thích hợp và giải thích vì sao cần thay như vậy.

a) *Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc. Đến **chân núi Sóc**, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa bay lên trời.*

(Thánh Gióng)

+ Ta thay thế cụm từ: *Chân núi Sóc* – bằng từ **đó**

+ Lí do: thay thế như vậy câu văn sẽ gọn hơn, tránh lặp lại không cần thiết.

b) *Người ta còn nói khi ngựa thét ra lửa, lửa đã thiêu cháy một làng, cho nên làng **bị lửa thiêu cháy** về sau gọi là làng Cháy.*

(Thánh Gióng)

+ Ta thay thế cụm từ: *bị lửa thiêu cháy* bằng từ **ấy**.

+ Lí do: tránh câu văn dài dòng, ý gọn hơn.

Câu 3. Có thể thay thế các chỉ từ trong đoạn dưới đây bằng những từ hoặc cụm từ nào không? Rút ra nhận xét về tác dụng của chỉ từ

Năm ấy, đến lượt Lý Thông nộp mình. Mẹ con hăn nghĩ kế lừa Thạch Sanh chết thay. Chiều hôm đó, chờ Thạch Sanh kiếm củi về, Lý Thông dọn một mâm rượu thịt ê hề mời ăn, rồi bảo:

– Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó thay anh, đến sáng thì về.

(Thạch Sanh)

+ Chỉ từ trong đoạn văn trên là: *ây, nay*

+ Các chỉ từ này ta không thể tìm được cụm từ thay thế.

Có những chỉ từ ta có thể dùng cụm từ thay thế, có những chỉ từ không thể tìm được cụm từ thay thế.

Bài 14

- Con hổ có nghĩa
- Động từ
- Cụm động từ
- Trả bài tập làm văn số 3

CON HỔ CÓ NGHĨA

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

• *Xuất xứ: Con hổ có nghĩa và Thầy thuốc giỏi cốt ở tấm lòng là truyện trung đại Việt Nam. Trong lịch sử văn học Việt Nam thời trung đại được tính từ thế kỉ thứ X đến cuối thế kỉ XIX. Thể loại truyện văn xuôi chữ Hán đã ra đời có nội dung phong phú và thường mang tính chất giáo huấn, có cách viết không giống hẳn với truyện hiện đại. Ở đây vừa có loại truyện hư cấu (tưởng tượng nghệ thuật) vừa có loại truyện gần với kí (ghi chép sự việc) với sử (ghi chép chuyện thật) cốt truyện hầu hết còn đơn giản. Nhân vật thường được miêu tả qua ngôn ngữ trực tiếp của người kể chuyện, qua hành động và ngôn ngữ đối thoại của nhân vật.*

• *Truyện Con hổ có nghĩa thuộc loại truyện hư cấu, trong đó dùng một biện pháp nghệ thuật quen thuộc là mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người nhằm đề cao ân nghĩa trong đạo làm người.*

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Văn bản này thuộc thể văn gì? Có mấy đoạn? Mỗi đoạn nói gì?

+ Văn bản này thuộc loại văn tự sự – truyện kể thời trung đại.

+ Truyện có hai đoạn:

– Đoạn 1 – Kể chuyện giữa một con hổ và một bà đỡ.

– Đoạn 2 – Kể chuyện giữa một con hổ và bác tiêu phu.

Câu 2. Biện pháp nghệ thuật bao trùm được sử dụng là biện pháp gì? Tại sao lại dựng lên chuyện “Con hổ có nghĩa” mà không phải là “Con người có nghĩa”.

+ Biện pháp nghệ thuật:

– Truyện chủ yếu dùng yếu tố tưởng tượng hư cấu – biện pháp nhân cách hoá – con vật có tính cách, tình cảm như con người. Hiện thực và lãng mạn đan xen làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, sinh động.

+ Lí do để dựng lên chuyện “Con hổ có nghĩa” chứ không phải là “Con người có nghĩa”:

– Mượn chuyện loài vật nói chuyện con người làm cho câu chuyện trở nên kín đáo, đầy ngụ ý.

– Làm cho ý nghĩa câu chuyện càng sâu sắc hơn: Con hổ là một loài ác thú mà còn có nghĩa như vậy huống chi con người.

– Trong trái tim kẻ hung bạo vẫn có những lúc hiền lành nhân nghĩa.

Câu 3. Chuyện gì đã xảy ra giữa bà đỡ Trần và con hổ thứ nhất, giữa bác tiêu và con hổ thứ hai? Trong mỗi chuyện chi tiết nào em cho là thú vị, chuyện con hổ với bác tiêu so với chuyện con hổ với bà Trần có thêm ý nghĩa gì?

+ Chuyện xảy ra giữa bà đỡ Trần người huyện Đông Triều và con hổ:

– Câu chuyện xảy ra thật lạ lùng: hổ đến gõ cửa và cõng bà Trần đi trong đêm, không phải để ăn thịt mà để nhờ bà Trần đỡ đẻ cho hổ cái.

– Những biểu hiện của hổ bộc lộ hết sức cảm động: cầm tay bà, nhìn hổ cái nhỏ nước mắt, khi hổ cái đẻ được, hổ mừng rỡ đùa giỡn với con giống y như con người, như một người cha hạnh phúc. Hổ bộc lộ biết lo lắng chăm sóc cho vợ.

– Hổ còn biết đền đáp nghĩa tình cho người giúp đỡ mình, còn biết cúi đầu, vẫy đuôi tiễn biệt ân nhân.

+ Chuyện xảy ra giữa bác tiêu phu ở Lạng Giang và con hổ:

– Con hổ trán trắng bị mắc xương, bác tiêu phu đã chủ động lấy xương ra cho nó → điều kì lạ, con hổ biết nghe tiếng người nằm im, há miệng.

- Hồ đã trả ơn cứu mạng cho bác tiểu bằng một con nai.
- So với chuyện con hổ và bà đỡ Trần ở đoạn một, ta thấy ở đây có thêm ý nghĩa mới. Con hổ trán trắng rất tình nghĩa và có tình cảm ân nghĩa thủy chung sâu sắc giống như con người. Khi bác tiểu phu mất nó tới dụi đầu vào quan tài, găm lên, chạy chung quanh như để nói lời tiễn biệt. Rồi hàng năm hổ còn mang dê hoặc lợn đến để giỗ bác.

Câu 4. Truyện con hổ có nghĩa đề cao, khuyến khích điều gì cần có trong cuộc sống con người.

- Mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người.
- Qua câu chuyện *Con hổ có nghĩa* người xưa muốn đề cao ân nghĩa trong đạo làm người.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

KỂ VỀ MỘT CON CHÓ CÓ NGHĨA VỚI CHỦ CHÓ BOBBY Ở NGHĨA TRANG GREY FRIARS

(Trong cái chết, họ không bao giờ chia lìa)

Vào khoảng giữa những năm 1950, có một con chó Skye đến sống ở một nông trại bên những ngọn đồi phía ngoài thành phố Edinburgh thuộc Scotland. Con chó này tên là Bobby đã sống gắn bó với Auld Jock, người chăn cừu của nông trại. Họ cùng trông nom bầy cừu của nông trại, và mỗi tuần một lần họ cùng đi chợ thủ đô. Cứ mỗi bữa ra chợ là họ có một bữa ăn đặc biệt ở phòng ăn Greyfriars. Khi khẩu súng lâu đài Edinburgh báo hiệu một giờ ăn trưa, Jock và Bobby bỏ dở công việc đang làm, cả hai hướng tới phòng ăn nơi người và chó cùng dùng bữa trưa...

Một vài năm sau ngày gặp Bobby, Jock đã nhiễm bệnh lao. Do tuổi tác chồng chất, ông nghỉ hưu, về những khu vực nhỏ hơn ở Edinburgh. Bị bắt buộc phải để Bobby ở nông trại, Jock buồn bã tạm biệt bạn đồng hành, và trở về một mình.

Tuy nhiên, vào ngày hôm sau, khi xuất hiện ở phòng ăn Greyfriars, Jock thật ngạc nhiên khi thấy Bobby chạy vào với ông. Bobby đã trốn khỏi trang trại và chạy một mạch từ đồi xuống để theo kịp lệ thường vào ngày phiên chợ. Chủ và chó gặp lại nhau, cùng nhấm nháp bữa ăn trưa, rồi quay lại phòng của Jock – nơi ông lão đã tính đem con chó trở về nông trại.

Nhưng ông lão chẳng bao giờ làm được điều đó. Trước khi ông có thể đưa con Bobby trở lại, bệnh lao đã cướp mất cuộc sống của Jock. Hai hôm sau, hàng xóm thấy Bobby đang canh gác thi thể của Jock. Ban đầu, nó không cho ai lại gần. Một vài người bạn của Jock đã đứng ra tổ chức một đám ma đơn giản dành cho người quá cố.

Khi đám tang đi qua đường phố Endinburgh, một con chó nhỏ bé, lủi thủi bước theo dấu quan tài người bạn lớn của nó đến nghĩa trang Greyfriars. Nghĩa trang này dành cho những người trong hoàng tộc ở Scotland, và cũng là nơi yên nghỉ cuối cùng của Auld Jock.

Khi đám tang kết thúc, người cuối cùng đã rời khỏi nghĩa trang, Bobby vẫn còn ở đó. Nó nằm trên ngôi mộ, với vẻ tuyệt vọng, cô đơn, như thể đang khóc than ông chủ yêu quý. Tuy nhiên, nghĩa trang tôn kính này không phải là nơi thích hợp cho loài chó xuất hiện. Ông James Brown, người trông coi nghĩa trang đã phát hiện con Bobby nằm trên ngôi mộ mới đào, nên đã xua đuổi nó ra khỏi khoảnh đất thiêng liêng đó.

Nhưng sáng hôm sau, khi bắt đầu công việc của mình, ông Brown lại bắt gặp con chó nằm ngủ trên ngôi mộ mới nhất. Ất hẳn con Bobby đã lén lút quay lại mộ ngay khi trời tối, và ngủ qua đêm ở đó. Ông Brown lại đuổi nó ra khỏi mộ, nhưng đêm đó, con Bobby tiếp tục quay lại và nằm trên ngôi mộ của ông chủ mình. Sáng hôm sau, trời rét căm căm, bầu không khí thật ẩm ướt. Thấy con vật trung thành nằm run rẩy trên nấm mộ, người gác nghĩa trang cảm thấy đáng thương quá. Ông Brown mang cho nó ít đồ ăn, và dù là đang vi phạm nội quy nghĩa trang, ông đã cho phép con Bobby đến gần ngôi mộ. Thậm chí, ông đã dạy nó giấu mình vào những ngày chủ nhật, vốn là những ngày nhà thờ có nhiều người đi lễ và viếng mộ người thân nhất. Đối với những người quản lí nhà thờ, để con chó trong nghĩa trang là điều báng bố.

Hàng tuần, con Bobby trông nom ngôi mộ một mình, gần như chẳng bao giờ ngơi nghỉ, dù nó còn có những nhu cầu riêng. Rồi một hôm, khi nghe tiếng súng từ toà lâu đài, nó đã xuất hiện trước phòng ăn Greyfriars. Người chủ quán nhận ra nó là con chó của ông Auld Jock, nên đã cho nó ăn uống. Từ ngày đó trở đi, ngày nào cũng đúng một giờ trưa, con Bobby đều chạy đến đây để được ăn uống.

Con Bobby đã trở thành một người bạn của người gác nghĩa trang, và đã có cách kiếm ăn hàng ngày. Bobby đã sống bên ngôi mộ của người chủ cũ trong suốt chín năm ròng rã. Đến năm 1867,

chính quyền thành phố bắt đầu ra lệnh thu gom những con vật không có chủ. Những người bắt chó đã bắt con Bobby, đưa tới trại tập trung nuôi thú hoang của thành phố.

Lúc không thấy chú chó Bobby xuất hiện lúc một giờ để ăn trưa, người chủ quán đoán con Bobby đã gặp rắc rối. Bằng câu chuyện kể về sự trung thành của chú chó nhỏ bé cho toà án Burgher, ông đã giúp Bobby khỏi bị sát hại. Lời cầu xin của người chủ quán đã khiến con Bobby nổi danh ngay, và không ai hơn ngài thị trưởng thành phố Endinburgh đã chi tiền để cấp giấy chứng nhận cho chú chó. Thậm chí, ông còn yêu cầu người ta làm cho nó một cái đai cổ, trên có ghi: Greyfriars Bobby được thị trưởng cấp giấy chứng nhận, 1867.

Với cái đai mới đeo, con Bobby được phép chạy khắp thành phố. Tuy vậy, nó vẫn giữ thói quen thường nhật, canh gác ngôi mộ của ông chủ, và cứ đến một giờ trưa, nó lại đến Greyfriars để ăn. Nó trở nên nổi tiếng và được mọi người yêu thích. Nó cũng không cần phải trốn tránh những người đến viếng nghĩa trang nữa, vì có rất nhiều người đến nghĩa trang chỉ vì muốn thấy mặt nó. Có một số họa sĩ vẽ hình con Bobby đang nằm gần ngôi mộ bình dị của chủ nó.

Vào năm 1872, sau khi trông nom ngôi mộ của ông chủ được 14 năm, con Bobby giờ đây già nua và yếu đuối, đã mất đi. Toàn thành phố đều đưa tang nó, người gác nghĩa trang đã bí mật đào cho Bobby một cái huyệt nhỏ gần mộ của Jock, rồi che giấu nó bằng một bụi hồng. Nếu nhà thờ không cho phép chó lang vãng quanh nghĩa trang, thì làm sao nhà thờ lại có thể cho phép chôn một con chó ở đó được?

Khi hay tin về cái chết của chú chó đặc biệt trung thành, bà Baroness Burdett – Coutts, một quý tộc người Scotland đã cho dựng một tượng đài để tưởng niệm Bobby và đặt ở Candlemaker Row, bên ngoài cổng nhà thờ. Một năm sau ngày Bobby mất, chính quyền thành phố đã làm lễ khánh thành bức tượng đài: một cột đá granít cứng, có những vòi phun nước xuống hai cái bể, trên đỉnh là tượng con Bobby bằng đồng, mặt hướng về cổng nghĩa trang.

Cuối cùng, đầu những năm 1930, nhà thờ đã cho phép dựng một tấm bia đá nhỏ trong nghĩa trang Greyfriars, đánh dấu ngôi mộ của con chó trung thành bé nhỏ. Ngày nay, nếu bạn đi qua cánh cổng của nghĩa trang cũ, bạn sẽ bắt gặp tấm bia đầu tiên tỏ lòng tôn kính sức chịu đựng của tình yêu thương vượt qua cái chết. Trên tấm bia có ghi:

Greyfriars Bobby

Mất ngày 14-1-1872 – 16 tuổi

Hãy để sự trung thành và sự tận tụy của Bobby là bài học cho tất cả chúng ta.

Tim Jon

(Theo Ngôn ngữ trái tim – Nhà xuất bản Trẻ)

ĐỘNG TỪ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- **Động từ** là những từ chỉ hành động, trạng thái sự vật.
- Động từ thường kết hợp với các từ **đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, hãy, chớ, đừng, ...** để tạo thành cụm động từ.
- Chức vụ diễn hình trong câu của động từ là vị ngữ. Khi làm chủ ngữ, động từ mất khả năng kết hợp với các từ **đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, hãy, chớ, đừng, ...**
- Trong tiếng Việt, có hai loại động từ đáng chú ý là:
 - Động từ tình thái (thường đòi hỏi động từ khác đi kèm);
 - Động từ chỉ hành động, trạng thái (không đòi hỏi động từ khác đi kèm).
- Động từ chỉ hành động, trạng thái gồm hai loại nhỏ:
 - Động từ chỉ hành động (trả lời câu hỏi **Làm gì?**);
 - Động từ chỉ trạng thái (trả lời các câu hỏi **Làm sao?, Thế nào?**).

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

1. Đặc điểm của động từ

a) Tìm động từ ở các câu:

+ Viên quan ấy đã đi nhiều nơi, đến đâu quan cũng ra những câu đố oái oăm để hỏi mọi người.

(Em bé thông minh)

- Động từ trong câu trên: **đi, ra**

+ Trong trời đất không gì quý bằng hạt gạo [...] Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên Vương.

(Bánh chưng, bánh giầy)

- Động từ trong câu trên là từ: *lấy, làm*

+ Biển vừa treo lên có người qua đường xem, cười bảo:

Nhà này xưa quen bán cá ươn hay sao mà bây giờ phải đề biển bán cá “tươi”?

(Treo biển)

- Động từ trong câu trên là từ: *treo, xem, cười, bảo, bán, đề*

b) Ý nghĩa khác của các động từ: đi, ra, lấy, làm, cười, xem, đề ... là chỉ những hoạt động trạng thái của sự vật.

e) Đặc điểm của động từ giống và khác với danh từ:

- Giống: cùng với những từ đứng xung quanh tạo thành cụm động từ.
- Khác: động từ làm vị ngữ trong câu, danh từ làm chủ ngữ hoặc bổ ngữ.

2. Các loại động từ chính

a) Xếp các động từ vào bảng phân loại: buồn, chạy, cười, dăm, đau, đi, định, đọc, đứng, gãy, ghét, hỏi, ngồi, nhức, trau, vui, yêu.

b) Tìm thêm những động từ có đặc điểm tương tự.

	Thường đòi hỏi động từ khác đi kèm phía sau	Không đòi hỏi động từ khác đi kèm phía sau
Trả lời câu hỏi Làm gì?		chạy, đi, đứng, ngồi, cười, đọc, hỏi. <i>Từ tìm thêm:</i> nằm, đáp, xem, nhìn, bay, cắn, nháy.
Trả lời câu hỏi Làm sao? Thế nào?	định, trau, dăm <i>Từ tìm thêm:</i> phải, muốn, ham	Buồn đau, gãy, ghét, nhức, vui, yêu <i>Từ tìm thêm:</i> giận, ốm, hận, sợ, sống, chết.

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Tìm động từ trong truyện “Lợn cưới, áo mới” cho biết các động từ ấy thuộc những loại nào?

Các động từ trong truyện “Lợn cưới, áo mới”:

- + Động từ tình thái: đem (đem ra đọc, đem ra chơi...).
- + Động từ chỉ trạng thái: tức, tức tối.
- + Động từ chỉ hành động: khoe, may, đứng, mặc, chạy, khen, hỏi, thấy, giơ, bảo, đi, đợi.

Câu 2. Đọc truyện vui sau và cho biết câu chuyện buồn cười ở chỗ nào?

Đọc tác phẩm

THÓI QUEN DÙNG TỪ

Có một chàng nọ tính tình rất keo kiệt. Một hôm đi dò qua sông, anh chàng khát nước bèn cúi xuống, lấy tay vục nước sông uống. Chẳng may quá đà, anh ta lộn cổ xuống sông. Một người ngồi cạnh thấy thế, vội giơ tay ra, hét lên:

– Đưa tay cho tôi mau!

Anh ta sắp chìm ngấm nhưng vẫn không chịu nắm tay người kia. Bỗng một người có vẻ quen biết anh chàng chạy lại nói:

– Cầm lấy tay tôi này!

Tức thì, anh ta cố ngoi lên, nắm chặt lấy tay người nọ và được cứu thoát. Trong lúc anh chàng còn mê mết, người nọ giải thích:

– Tôi nói vì biết tính anh này. Anh chỉ muốn cầm của người khác chứ không bao giờ chịu đưa cho ai cái gì.

Tình huống buồn cười ở chỗ là sự keo kiệt của anh chàng bị rơi xuống sông. Sắp chết đến nơi rồi mà cái nết vẫn không chữa.

Đưa: là trao cho ai một vật gì đó.

Cầm: là lấy một vật gì đó về cho mình.

Anh chàng này keo kiệt nên thường ngày chỉ thích nhận, cầm mà rất sợ phải đưa, phải trao cho người khác. Cho đến khi anh ta gặp tình huống nguy hiểm chữ đưa kia vẫn làm cho anh ta sợ.

CỤM ĐỘNG TỪ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

• **Cụm động từ** là loại tổ hợp từ do động từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. Nhiều động từ phải có các từ ngữ phụ thuộc đi kèm, tạo thành cụm động từ mới trọn nghĩa.

• Cụm động từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn một mình động từ, nhưng hoạt động trong câu giống như một động từ.

• Mô hình cụm động từ

Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
cũng / còn / đang / chưa	tìm	được / ngay / câu trả lời

• Trong cụm động từ:

– Các phụ ngữ ở phần trước bổ sung cho động từ các ý nghĩa: quan hệ thời gian; sự tiếp diễn tương tự; sự khuyến khích hoặc ngăn cản hành động; sự khẳng định hoặc phủ định hành động, ...

– Các phụ ngữ ở phần sau bổ sung cho động từ các chi tiết về đối tượng, hướng, địa điểm, thời gian, mục đích, nguyên nhân, phương tiện và cách thức hành động, ...

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

1. Cụm động từ là gì?

+ Các từ ngữ được in đậm trong câu:

Viên quan ấy **đã** đi **nhiều** nơi, đến đâu quan **cũng** ra **những** câu **đố oái ăm** để **hỏi** mọi người.

(Em bé thông minh)

+ Nếu ta lược bỏ các từ in đậm thì câu còn lại là:

Viên quan ấy đi đến đâu quan ra.

+ Như vậy ta không thể lược bỏ các từ in đậm trong câu. Vì thiếu chúng câu văn trở nên tối nghĩa, khó hiểu.

• Từ **đã** → bổ sung cho từ **đi** về ý nghĩa quan hệ thời gian.

• Cụm từ **nhiều nơi** bổ sung cho từ **đi** về ý nghĩa quan hệ không gian.

• Từ **cũng** bổ sung cho từ **ra** về ý nghĩa tần suất.

- Tổ hợp từ: *những câu đố oái ăm* bổ sung về mặt ý nghĩa cho từ *ra*.
- + Tìm cụm động từ và đặt câu:
- Cụm động từ: đang thoăn thoắt chuyển từ cảnh này sang cảnh khác.
- Đặt câu: *Cặp chích bông đang thoăn thoắt chuyển từ cảnh này sang cảnh khác.*
- Nhận xét: Cụm động từ có ý nghĩa đầy đủ và có cấu tạo phức tạp hơn một mình động từ.

2. Cấu tạo của cụm động từ

+ Vẽ mô hình cấu tạo cụm động từ trong các câu ở phần 1

Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
đã (đã từng)	đi	nhiều nơi (rất nhiều nơi)
cũng (cũng đều)	ra	nhiều câu đố oái ăm để hỏi mọi người (nhiều câu đố hóc hoặc oái ăm để hỏi và thử thách trí thông minh của mọi người)

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Tìm các cụm động từ trong những câu sau:

a) *Em bé đang còn đùa nghịch ở sau nhà.*

(Em bé thông minh)

Cụm động từ trong câu là: *còn đang đùa nghịch ở sau nhà.*

b) *Vua cha yêu thương Mị Nương hết mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.*

(Sơn Tinh, Thủy Tinh)

Cụm động từ trong câu là: *yêu thương Mị Nương hết mực muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.*

c) *Cuối cùng triều đình đành tìm cách giữ sứ giả ở công quán để có thì giờ đi hỏi ý kiến của em bé thông minh nọ.*

(Em bé thông minh)

Cụm động từ trong câu là: *đành tìm cách giữ sứ thân ở công quán để có thì giờ đi hỏi ý kiến của em bé thông minh nọ.*

Câu 2. Chép các cụm động từ nói trên vào mô hình cụm động từ.

Các em chép vào theo mô hình sau:

Phần trước	Phần trung tâm	Phần cuối

Câu 3. Nêu ý nghĩa của các phụ ngữ được in đậm trong đoạn dưới đây.

*Người cha đứng ngăn ra **chưa** biết trả lời thế nào, thì đứa con chừng bảy, tám tuổi nhanh miệng hỏi vặn lại quan [...] Viên quan nghe cậu bé hỏi lại như thế thì há hốc mồm sửng sốt, **không** biết đáp sao cho ổn. Quan thâm nghĩ, nhất định nhân tài đây rồi, chả phải tìm đâu mất công.*

(Em bé thông minh)

- + Phụ ngữ: *chưa* thể hiện sự lúng túng của người cha.
- + Phụ ngữ: *không* thể hiện sự bối rối, không xử trí được tình huống của viên quan.
- + Cả hai đều thể hiện sự phủ định, nhưng sự phủ định của từ *không* cao hơn.
- + Hai phụ ngữ thể hiện thái độ lúng túng, bối rối của người cha và viên quan càng nhiều bao nhiêu thì càng thể hiện sự thông minh tuyệt vời, tài ứng biến nhanh nhạy của em bé bấy nhiêu.

Câu 4. Viết một câu trình bày ý nghĩa truyện “Treo biển”, chỉ ra các cụm động từ có trong đoạn văn đó.

- + Truyện *Treo biển* phê phán những người không có bản lĩnh, thiếu chủ kiến khi làm việc. Đồng thời truyện đã đem lại tiếng cười sảng khoái cho con người sau một ngày lao động mệt nhọc.
- + Các cụm động từ trong câu trên:
 - Phê phán những người không có bản lĩnh, thiếu chủ kiến khi làm việc.
 - Đã đem lại tiếng cười sảng khoái cho con người sau một ngày lao động mệt nhọc.

Bài 15

- Mẹ hiền dạy con (Đọc thêm)
- Tính từ và cụm tính từ
- Thầy thuốc giỏi cốt ở tấm lòng

MẸ HIỀN DẠY CON (Đọc thêm)

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- *Mạnh Tử: tên thật là Mạnh Kha – một bậc hiền triết nổi tiếng của Trung Hoa thời Chiến quốc, được các nhà nho xưa suy tôn là Á thánh (vị thánh thứ hai) sau Khổng Tử.*
- *Bà mẹ thầy Mạnh Tử là tấm gương sáng về tình thương con và đặc biệt là về cách dạy con:*
 - *Tạo cho con một môi trường sống tốt đẹp;*
 - *Dạy con vừa có đạo đức vừa có chí học hành;*
 - *Thương con nhưng không nuông chiều, ngược lại rất kiên quyết.*
- *Truyện Mẹ hiền dạy con đơn giản nhưng gây được xúc động nhờ có những chi tiết giàu ý nghĩa.*
- *Tục ngữ: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”.*

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Lập bảng tóm tắt năm sự việc diễn ra giữa mẹ con thầy Mạnh Tử (thuở nhỏ) theo mẫu.

Sự việc	Con	Mẹ
1	Ở gần nghĩa địa con bắt chước đào, chôn, lăn, khóc	Dọn nhà ra gần chợ
2	Ở gần chợ, con bắt chước nô nghịch cách buôn bán điên đảo	Dọn nhà đến cạnh trường học
3	Ở gần trường học con bắt chước học tập lễ phép, cắp sách vở	Chỗ này mẹ con ta ở được – mẹ vui lòng

Sự việc	Con	Mẹ
4	Con hỏi: Người ta giết lợn làm gì thế?	Mẹ nói đùa để cho con ăn đấy và mẹ đã mua thịt lợn cho con ăn thật để giữ lời hứa
5	Con bỏ học về chơi	Mẹ cắt đứt tấm vải đang dệt bảo con: Nếu con đang đi học mà bỏ dở cũng giống như ta đang dệt tấm vải này mà cắt đứt vậy.

Câu 2. Ý nghĩa của việc dạy con trong ba sự việc đầu là gì ? Trong hai sự việc sau là gì ? Hãy nêu lên tác dụng của cách dạy con của bà mẹ Mạnh Tử ?

+ Ý nghĩa của việc dạy con trong ba sự kiện đầu:

Mỗi lần chuyển nhà, là mỗi lần vất vả, khó khăn – bà mẹ của Mạnh Tử đã chuyển nhà đến ba lần từ gần nghĩa địa – đến về gần chợ, rồi lại đến gần trường học vì:

– Sợ Mạnh Tử bắt chước theo những điều xấu, ảnh hưởng đến nhân cách, tránh nơi phức tạp, tìm nơi lành mạnh.

– Môi trường là điều vô cùng quan trọng trong việc hình thành nhân cách trẻ thơ “gần mực thì đen, gần đèn thì rạng”.

+ Ý nghĩa của việc dạy con qua hai lần sau:

– Lần thứ tư: Không nói dối con, dạy con đức tính thật thà.

Ban đầu bà mẹ chỉ nói đùa, biết mình lỡ mồm, bà mẹ muốn đính chính lại, mà bà muốn dạy con chữ tín bằng cách đi mua thịt lợn về cho con ăn thật. Qua việc làm của bà muốn giáo dục con lời nói phải đi đôi với hành động, không để trẻ mất niềm tin dù chỉ việc nhỏ.

– Lần thứ năm: Kiên quyết trong việc hướng trẻ vào việc học tập.

Bà đã không ngại tốn kém, chấp nhận mất mát về vật chất để Mạnh Tử có được nhận thức sâu sắc về việc học.

+ Tác dụng cách dạy con của bà mẹ Mạnh Tử:

Mạnh Tử đã trở thành một bậc hiền tài trong thiên hạ.

Con mình trở thành người giỏi giang là điều mà tất cả các bà mẹ

đều ao ước. Nhưng rất ít bà mẹ biết dạy con khéo léo và xuất sắc như bà mẹ của Mạnh Tử.

Câu 3. Em hình dung bà mẹ Mạnh Tử là người như thế nào?

– Qua câu chuyện ta thấy mẹ của Mạnh Tử không chỉ là người mẹ mà còn là cô giáo vĩ đại đầu tiên của con mình.

– Tuy chỉ là một người phụ nữ bình thường nhưng cách dạy dỗ của bà rất khéo léo, sâu sắc, rất khoa học như một nhà sư phạm tài ba.

Câu 4. Nêu nhận xét về cách viết truyện “Mẹ hiền dạy con”

“Đơn sơ, ngắn gọn, rất ít lời mà nhiều nghĩa. Nét nghệ thuật đó tiêu biểu cho loại truyện trung đại. Mỗi truyện thường ngắn gọn, kể việc khắc họa nhân vật đơn sơ, vừa sáng tạo tưởng tượng, vừa nói việc thật người thật, đan xen lời kể là vài lời nhận xét bình luận, để làm rõ ý nghĩa của truyện, tăng thêm tính giáo dục, hướng người đọc vào những cảm xúc suy nghĩ lành mạnh”.

(Theo Vũ Dương Quỹ, Lê Bảo – Bình giảng văn 6)

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Hãy phát biểu cảm nghĩ của em về sự việc: Bà mẹ Mạnh Tử đang ngồi dệt vải trông thấy con bỏ học về nhà chơi, liền cầm dao cắt đứt tấm vải đang dệt trên khung.

+ Tấm vải dệt lên, mất biết bao công sức thời gian thế mà bà mẹ cắt nó đứt ngay để dạy cho cảm nhận việc nghỉ học một cách sâu sắc ⇒ đó là hoạt động rất bất ngờ gây ấn tượng mạnh.

+ Bà không đánh, hay chửi mắng mà lấy biểu tượng tấm vải bị cắt đứt để so sánh việc con bỏ học ⇒ Đó là cách dạy rất khéo léo, đầy tính sư phạm.

+ Đồng thời qua đó thể hiện thái độ rất kiên quyết, dứt khoát và tình thương con vô cùng của người mẹ.

Câu 2. Có hai yếu tố Hán – Việt đồng âm, hãy cho biết các kết hợp dưới đây được sử dụng với nghĩa nào ?

+ Hai yếu tố Hán – Việt đồng âm: tử: chết; tử: con

+ Các kết hợp: công tử, hoàng tử, đệ tử, chữ tử được dùng với nghĩa là con.

+ Các kết hợp: tử trận, bất tử, cảm tử được dùng với nghĩa là chết

IV. TỰ LIỆU THAM KHẢO

[...] Tóm lại, truyện Mẹ hiền dạy con ngợi ca tấm gương người mẹ có tấm lòng và phương pháp dạy con của một cô giáo tài hoa: Tạo cho con môi trường sống tốt đẹp, rèn cho con vừa có đạo đức, vừa có chí học hành, thương con nhưng không nuông chiều, ngược lại, rất nghiêm khắc.

(Theo Vũ Dương Quỹ, Lê Bảo – Bình giảng văn 6)

Về nghệ thuật: Lựa chọn các sự việc, chi tiết vừa cụ thể vừa giàu ý nghĩa tiêu biểu, cách kể ngắn gọn giản dị. Nhờ thế, truyện nhằm đưa ra bài học đạo lí nhưng không khô khan mà giàu sức thuyết phục.

(Theo Ôn tập ngữ văn 6 – Nguyễn Văn Long chủ biên)

Ba sự việc đầu cho thấy: Việc lựa chọn môi trường sống có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc hình thành nhân cách trẻ thơ. Người Việt Nam có câu: “Gân mực thì đen gân đèn thì rạng” phần nào thể hiện ý nghĩa tương tự. Hai sự việc sau, bà mẹ cũng thể hiện những quan điểm dứt khoát trong cách dạy con: Thứ nhất không được nói dối trẻ, thứ hai kiên quyết hướng trẻ vào việc học tập – kể cả phải chấp nhận tổn kém về của cải vật chất. Mạnh Tử học tập chuyên cần, sau trở thành bậc đại hiền, nổi tiếng về đạo đức và hiểu biết rộng, chính là nhờ cách dạy con như thế của người mẹ.

(Theo Nguyễn Trọng Hoàn – Đọc – Hiểu Văn bản ngữ văn 6)

TÍNH TỪ VÀ CỤM TÍNH TỪ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- **Tính từ** là những từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hành động, trạng thái.
- Tính từ có thể kết hợp với các **từ đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, ...** để tạo thành cụm tính từ. Khả năng kết hợp với các từ **hãy, chớ, đừng** của tính từ rất hạn chế.
- Tính từ có thể làm vị ngữ, chủ ngữ trong câu. Tuy vậy, khả năng làm vị ngữ của tính từ hạn chế hơn động từ.
- Có hai loại tính từ đáng chú ý là:
 - Tính từ chỉ đặc điểm tương đối (có thể kết hợp với từ chỉ mức độ);

– Tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối (không thể kết hợp với từ chỉ mức độ);

• Mô hình cụm tính từ:

Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
vẫn / còn / đang	trẻ	như một thanh niên

• Trong cụm tính từ:

– Các phụ ngữ ở phần trước có thể biểu thị quan hệ thời gian; sự tiếp diễn tương tự, mức độ của đặc điểm, tính chất; sự khẳng định hay phủ định; ...

– Các phụ ngữ ở phần sau có thể biểu thị vị trí; sự so sánh; mức độ, phạm vi hay nguyên nhân của đặc điểm, tính chất; ...

II. HƯỚNG DẪN TÌM HIỂU CÂU HỎI PHẦN BÀI HỌC

1. Đặc điểm của tính từ

a) Tìm tính từ trong các câu:

Ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể.

(Ếch ngồi đáy giếng)

+ Tính từ trong câu trên: bé, oai

Nắng nhạt ngả màu vàng hoe. Trong vườn lác lư những chùm quả xoan, vàng lịm [...] Từng chiếc lá mít vàng ối. Tàu đu đủ, chiếc lá sặc héo lại mở năm cánh vàng tươi.

(Tô Hoài)

+ Tính từ trong câu trên là: vàng hoe, vàng lịm, vàng ối, héo, vàng tươi.

b) Kể thêm một số tính từ

+ Mô tả hình dạng, kích thước của sự vật:

ngắn, dài, cao, thấp, nhỏ, to, lớn, bé, nho nhỏ.

+ Mô tả trạng thái của sự vật:

chậm chạp, nhanh nhẹn, yếu ớt, mạnh mẽ, dũng cảm, hèn nhát.

+ Mô tả màu sắc của sự vật:

đỏ, đen, tím, vàng, xanh, trắng, xanh ngắt, đỏ đỏ.

2. Các loại tính từ

+ Trong các tính từ đã tìm ở phần một, những tính từ có khả năng kết hợp với các từ chỉ mức độ (rất, hơi, khá, lắm quá...) là khá phổ biến.

Ví dụ: khá cao, hơi đen, quá yếu, rất to, hơi xanh ...

+ Tính từ không có khả năng kết hợp với các từ chỉ mức độ đó là: nho nhỏ, xinh xinh, xanh ngắt, đo đỏ.

3. Cụm tính từ

Vẽ mô hình cấu tạo những cụm tính từ in đậm trong các câu:

*Cuối buổi chiều, Huế thường trở về với một vẻ yên tĩnh lạ lùng đến nỗi tôi cảm thấy hình như có một cái gì đang lắng xuống thêm một chút nữa trong thành phố **vốn đã rất yên tĩnh** này.*

(Theo Hoàng Phủ Ngọc Tường)

*[...] Trời bây giờ trong vắt, thăm thẳm và cao, mặt trăng **nhỏ lại sáng vàng vạc trên không**.*

(Thạch Lam)

Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
vốn đã rất	yên tĩnh	(đến lạ lùng)
nhỏ lại (như một mảnh bạc)	sáng	vàng vạc ở trên không

IV. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Dưới đây là năm câu của năm ông thầy bói nhận xét về con voi (truyện *Thầy bói xem voi*). Tìm cụm tính từ trong các câu ấy.

(Cụm tính từ là phần in nghiêng, gạch chân của mỗi câu)

- Nó *sum sum* như con đĩa.
- Nó *chần chần* như cái đòn câu.
- Nó *bè bè* như cái quạt thóc.
- Nó *sừng sững* như cái cột đình.
- Nó *tun tun* như cái chổi sể cùn.

Câu 2. Việc dùng các tính từ và phụ ngữ so sánh trong những câu trên có tác dụng phê bình và gây cười như thế nào?

- Các phụ ngữ của các cụm tính từ ở trên đều bổ sung ý nghĩa cho so sánh chứ không phải nhằm mục đích làm rõ sự vật.
- Các vật được đưa ra để so sánh: con đĩa, cái đòn câu, quạt thóc, cột đình, chổi sể cùn đều là những sự vật tầm thường, bé nhỏ không tương xứng với tầm vóc to lớn khoáng đạt của con voi.
- Điều đó thể hiện sự hiểu biết nông cạn, hạn hẹp của các ông thầy bói.

Câu 3. Trong truyện “Ông lão đánh cá và con cá vàng”, ông lão phải ra biển năm lần để cầu xin. Mỗi lần như vậy biển xanh được miêu tả mỗi khác hãy so sánh cách dùng động từ và tính từ trong năm lần miêu tả.

- Lần 1 xin cái máng lợn: biển xanh gợn sóng êm ả.
- Lần 2 xin ngôi nhà mới: biển xanh đã nổi sóng.
- Lần 3 xin cho vợ làm nhất phẩm phu nhân: biển xanh nổi sóng dữ dội.
- Lần thứ 4 xin cho vợ làm nữ hoàng: biển xanh nổi sóng mù mịt.
- Lần thứ 5 xin cho vợ làm Long Vương: một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm.
- + Những động từ và tính từ được dùng qua năm lần, theo mức độ tăng tiến từ *gợn sóng* → *nổi sóng*.
- Hình ảnh của những con sóng mỗi lúc một thay đổi: sóng êm ả → dữ dội → mù mịt → ầm ầm.

+ Ý nghĩa biểu tượng: Sóng là thái độ giận dữ của biển khơi ngày càng tăng trước thái độ tham lam ngày càng quá quắt của vợ ông lão.

Câu 4. Quá tình thay đổi từ không đến có, rồi từ có lại trở về không trong đời sống của vợ chồng ông lão đánh cá thể hiện qua cách dùng các tính từ và cụm danh từ như thế nào?

a) Cái máng lợn đã sút mẻ → một cái máng lợn mới → cái máng lợn sút mẻ.

b) Một túp lều nát → một ngôi nhà đẹp → một tòa lâu đài to lớn → một cung điện nguy nga → túp lều nát ngày xưa.

+ Ở phần a là sự thay đổi ở các tính từ: sút mẻ → mới → sút mẻ.

+ Ở phần b là sự thay đổi ở các danh từ và tính từ:

túp lều → ngôi nhà → lâu đài → cung điện → túp lều
↓ ↓ ↓ ↓ ↓
nát đẹp to lớn nguy nga nát

+ Hình ảnh đầu – cuối giống nhau → kết cấu vòng tròn (từ *không* → có rồi trở về → *không*)

THẦY THUỐC GIỎI CỐT Ở TẤM LÒNG

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

• Tác giả Hồ Nguyên Trừng (1374 – 1446) con trưởng của Hồ Quý Ly làm quan dưới triều vua cha, từng hăng hái chống giặc Minh xâm lược, bị giặc Minh bắt đem về Trung Quốc. Nhờ có tài chế tạo vũ khí, ông được làm quan trong triều nhà Minh tới chức Thượng Thư. Ông qua đời trên đất Trung Quốc. “Nam ông mộng lục” là tác phẩm Hồ Nguyên Trừng viết trong thời gian ấy.

• Tác phẩm Với hình thức ghi chép chuyện thật, trong đó biết xoáy vào một tình huống gay cấn để tính cách nhân vật được bộc lộ rõ nét, truyện **Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng** ca ngợi phẩm chất cao quý của vị Thái y lệnh họ Phạm: không chỉ có tài chữa bệnh mà quan trọng hơn là có lòng thương yêu và quyết tâm cứu sống người bệnh tới mức không sợ quyền uy, không sợ mang vạ vào thân.

II. HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Hãy kể ra những chi tiết nói về nhân vật Thái y lệnh họ Phạm. Từ đó trả lời các câu hỏi Thái y lệnh là người thế nào? Điều gì làm cho em cảm phục và suy nghĩ nhiều nhất?

+ Những chi tiết nói về nhân vật Thái y lệnh:

– Đem hết của cải trong nhà ra mua các loại thuốc tốt, tích trữ thóc gạo, gặp kẻ bệnh tật cơ khổ ngài cho ở nhà mình, cấp cơm cháo, chữa trị.

– Năm đói kém dựng thêm nhà cho những kẻ khốn cùng đói khát và bệnh tật đến ở, cứu sống hàng vạn người.

– Trả lời quan Trung sứ: Bệnh đó không gấp, nay mạng sống của nhà người này chỉ trong khoảnh khắc. Tôi hãy cứu họ trước, lát nữa sẽ đến vương phủ.

+ Nhận xét về nhân vật Thái y:

- Thái y là người toàn tâm toàn ý cho sự nghiệp cứu người.
- Là một Thái y đặt mục đích cứu người lên trên hết, không sợ quyền uy.
- Giàu lòng nhân hậu, yêu thương mà chữ tâm và tài đều toả rạng.

+ Điều cảm phục nhất về hành động của ông:

- Dem hết của cải trong nhà mà mua thuốc, mua gạo chữa bệnh cho người nghèo, bệnh có dầm dề máu mủ cũng không hề né tránh.
- ⇒ Điều đó thể hiện y đức của người thầy thuốc vô cùng cao quý.

Câu 2. Phân tích, bình luận lời đối thoại của Thái y với vị quan Trung sứ.

+ Lời đối thoại:

- *Tôi có mắc tội, cũng không biết làm thế nào. Nếu người kia không được cứu, sẽ chết trong khoảnh khắc, chẳng biết trông vào đâu. Tính mệnh của tiểu thần còn trông cậy vào chúa thượng, may ra thoát. Tội tôi xin chịu.*

+ Phân tích:

- Thái y đã đặt tính mạng của mình dưới tính mạng của người dân thường trong cơn lâm nguy.
- Lời đáp nhẹ nhàng nhưng đã thể hiện bản lĩnh và nhân cách của ông trước uy quyền và khả năng ứng xử rất trí tuệ và khéo léo “tính mạng của hạ thần còn trông cậy vào chúa thượng”. Nhà vua có lương tri chắc chắn không nỡ xử tội Thái y lệnh.

Câu 3. Trước cảnh xử sự của Thái y lệnh, thái độ của Trần Anh Vương diễn biến như thế nào? Qua đó nhân cách của Trần Anh Vương được thể hiện ra sao?

+ Diễn biến thái độ của Trần Anh Vương

- Ban đầu là quả trách (quả trách là lẽ đương nhiên, vì trong xã hội phong kiến không làm theo lệnh vua là phạm tội khinh quân – tội ấy có thể bị chém đầu).
- Sau đó là ngợi khen (Người thật là bậc lương y chân chính, đã giỏi về nghề nghiệp lại có lòng nhân đức, thương xót đám con đồ của ta, thật xứng với lòng ta mong mỏi).

+ Đánh giá

Qua hành động cư xử của Trần Anh Vương đối với Thái y lệnh ta thấy đây là một vị vua anh minh, nhân từ. Phúc cho dân tộc ta lúc bấy giờ có được vua sáng và tôi hiền.

Câu 4. Qua câu chuyện “Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng” có thể rút ra cho người làm nghề y hôm nay và mai sau bài học gì?

- + Hết lòng vì người bệnh (tình thương và sự giúp đỡ).
- + Lấy bệnh nặng làm trọng, làm tiêu chí hàng đầu.
- + Xem mọi người bệnh đều bình đẳng ngang nhau (không phân biệt sang hèn).
- + Không sợ uy quyền, không sợ an nguy đến tính mạng bản thân.

Câu 5. Hãy so sánh nội dung y đức được thể hiện qua văn bản “Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng” và văn bản kể về Tuệ Tĩnh.

+ So sánh giữa hai bậc danh y ta thấy Tuệ Tĩnh và Thái y lệnh có rất nhiều điểm giống nhau:

- Cả hai người đều sống ở thời đại nhà Trần.
- Đều là những y đức nổi tiếng được mọi người trọng vọng.
- Đều yêu thương và chăm sóc những người bệnh nghèo khổ.
- Đều thể hiện bản lĩnh của người thầy thuốc trước uy quyền.

+ Khác nhau: Các mâu thuẫn và tình huống ở truyện nói về Thái y lệnh gay gắt và căng thẳng hơn. (phạm vi trong truyện)

III. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. Một bậc lương y chân chính theo mong mỏi của Trần Anh Vương phải là người thế nào? So sánh với lời thề của Hi-pô-cờ-rát.

+ Một lương y chân chính theo mong mỏi của Trần Anh Vương phải là:

- Phải giỏi về nghề nghiệp.
 - Phải có lòng nhân đức, thương đám con đỏ.
- + Lời thề của Hi-pô-cờ-rát:
- Không lấy tiền thù lao quá đáng
 - Sẵn sóc miễn phí cho người nghèo.

+ Giống nhau:

– Điều thể hiện tấm lòng của thầy thuốc đối với người nghèo khổ.

+ Khác nhau:

Mong mỏi của vua Trần còn thể hiện: yêu cầu đối với tay nghề của người thầy thuốc phải giỏi.

Câu 2. So sánh giữa hai tiêu đề

+ **Tiêu đề:**

– Tiêu đề thứ nhất: Thầy thuốc giỏi ở tấm lòng.

– Tiêu đề thứ hai: Thầy thuốc giỏi cốt ở tấm lòng.

+ **So sánh:**

– Tiêu đề thứ hai hay và sâu sắc hơn vì nhấn mạnh tầm quan trọng của lương y và đức độ của người thầy thuốc.

IV. TƯ LIỆU THAM KHẢO

Về nghệ thuật: Truyện có cách viết gần với kí, kể về người và việc có thật, ít dùng hư cấu, tưởng tượng. Truyện hấp dẫn bằng việc lựa chọn tình huống tiêu biểu, đặt nhân vật vào hoàn cảnh khó khăn phải lựa chọn cách ứng xử, qua đó bộc lộ đức độ và bản chất đáng khâm phục của nhân vật. Truyện này có thể xem là tiêu biểu cho lối viết truyện trong văn học trung đại.

(Theo *Ôn tập Ngữ văn 6* – Nguyễn Văn Long chủ biên)

Thái y lệnh đã lấy tấm lòng chân thành để giải trình điều hơn lẽ thiệt, từ đó đã thuyết phục được nhà vua. Đây là thắng lợi vẻ vang của y đức, của bản lĩnh trong đó có lòng nhân ái và trí tuệ. Đoạn kết thúc nói về con cháu của Thái y lệnh đã noi gương ông giữ vững nghiệp nhà và sự ngợi khen của người đời đối với gia đình ông dựa trên thuyết nhân quả và theo quan niệm truyền thống của dân tộc: ở hiền gặp lành, đã tạo nên sự thăng hoa cho y đức, cho bản lĩnh đó.

(Theo Bùi Tất Tươi, Nguyễn Xuân Lạc –
Hướng dẫn tự học Ngữ văn 6)

MỤC LỤC

Bài 1	5
▪ Con rồng, cháu Tiên	5
▪ Từ và cấu tạo từ tiếng Việt	5
▪ Giao tiếp văn bản và phương thức biểu đạt	10
Bài 2	13
▪ Thánh Gióng	13
▪ Từ mượn	17
▪ Tìm hiểu chung về văn tự sự	20
Bài 3	24
▪ Sơn Tinh, Thủy Tinh	24
▪ Nghĩa của từ	27
▪ Sự việc và nhân vật trong văn tự sự	30
Bài 4	34
▪ Sự tích Hồ Gươm	34
▪ Chủ đề và dàn bài của bài văn tự sự	38
▪ Tìm hiểu đề và cách làm bài văn tự sự	41
▪ Viết bài tập làm văn số 1	42
Bài 5	46
▪ Sọ Dừa	46
▪ Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ	50
▪ Lời văn, đoạn văn tự sự	54
Bài 6	58
▪ Thạch Sanh	58
▪ Chữa lỗi dùng từ	63
Bài 7	65
▪ Em bé thông minh	65
▪ Chữa lỗi dùng từ	67
▪ Luyện nói, kể chuyện	69
Bài 8	70
▪ Cây bút thần	71
▪ Danh từ	75
▪ Ngôi kể trong văn tự sự	77

Bài 9	80
▪ Ông lão đánh cá và con cá vàng.....	80
▪ Thứ tự kể trong văn tự sự.....	85
▪ Viết bài tập làm văn số 2	87
▪ Một số bài văn tham khảo.....	87
Bài 10	96
▪ Ếch ngồi đáy giếng.....	96
▪ Thầy bói xem voi	98
▪ Danh từ (tiếp theo)	99
▪ Luyện nói, kể chuyện	102
Bài 11	104
▪ Chân, tay, tai, mắt, miệng.....	104
▪ Cụm danh từ.....	106
Bài 12	109
▪ Treo biển	109
▪ Lợn cưới, áo mới	111
▪ Số từ và lượng từ	113
▪ Kể chuyện tưởng tượng.....	116
▪ Viết bài tập làm văn số 3 (Kể chuyện đời thường).....	117
▪ Luyện tập kể chuyện tưởng tượng	127
Bài 13	132
▪ Ôn tập truyện dân gian.....	132
▪ Chỉ từ.....	133
Bài 14	137
▪ Con hổ có nghĩa	137
▪ Động từ.....	142
▪ Cụm động từ.....	145
Bài 15	148
▪ Mẹ hiền dạy con	148
▪ Tính từ và cụm tính từ.....	151
▪ Thầy thuốc giỏi cốt ở tấm lòng.....	155